



ẢNH HƯỞNG CỦA VĂN HÓA TRUNG HOA



1. ẢNH HƯỞNG THỜI TRUNG HOA ĐÓ HỒ CỔ VIỆT

Trong thời gian
khoảng hơn một
ngàn năm, từ khi
Triệu Đà, tướng của
nhà Tần (Trung

Xem trang 2

TÂM BÚT

MÙA XUÂN TRÊN QUÊ HƯƠNG NGÀI KÝ ỨC

TRẦN THUNG ĐẠO



Tháng Tư năm
ngoài, trong một bài
phỏng vấn của anh
Duy Ân, đài VOA, tôi
có trả lời "quê hương
Việt Nam sau năm
1975 là quê hương
để nhớ để thương
chứ không phải để

tiếp theo trang 10

KIẾN THIẾT VĂN MINH PHẬT GIÁO VIỆT NAM

THÍCH ĐỨC NHUẬN

"Xã hội chi phối cả mọi người, nhưng trái lại, ý chí của
mọi người cũng có thể cải biến được xã hội". Nguyên
tắc này rất hợp với tinh thần "Tự giác và giác tha" của
nhà Phật.

XEM TRANG 6

MÂY THAY SINH Ở NƯỚC NAM

NGÔ NHÂN DỤNG

Tổ tiên người Việt
đã chọn làm dân
một nước nhỏ bé
nhưng độc lập, đã
giúp con cháu đời
sau tránh được
nhiều tai họa mà
dân Trung Quốc

phải chịu trong
mấy ngàn năm
lịch sử. Nếu bây
giờ nước mình
không tiến bộ
bằng họ thì lý do
cũng không phải
vì nước mình nhỏ,

mà chỉ vì giới lãnh
đạo mình lảm lẩn,
và dân mình còn
nhiều người nhu
nhuộc, không đủ ý
chí tự cường.

XEM TRANG 4

BÍ ẨN QUANH CÁC BỨC HOA DIỄN VĨ (IRISES), LẤY LÒNG CỦA VAN GOGH

TRẦN THANH TRUY



Tình cờ một ngày
cuối đông tôi ghé
thăm Viện Bảo
Tàng Getty ở Santa

tiếp theo trang 34

CẢM ƠN 'PHẦY-BÚC': CHÚNG TA TÌM THẤY MÌNH TRONG KẸ KHÁC



Văn hào, triết gia
lớn người Pháp Jean
Paul Sartre (1903-
1980) - người đã từ
chối nhận giải No-

tiếp theo trang 3

TRẦN VĂN LỆ, thơ thở từng ngày

UYÊN NGUYỄN trang 10



ẢNH HƯỞNG CỦA VĂN HÓA TRUNG HOA



Chùa Hai Bà (Hội Quan Hai Bà), Hội An, Việt Nam
Ảnh: LÊ VĂN BƯNG

Hoa), đem quân đánh chiếm có Việt năm 208 TCN, cho đến khi Ngô Quyền đánh đuổi quân Nam Hán năm 938 ở Bạch Đằng Giang, các triều đại Trung Hoa đô hộ và khai thác đất nước chúng ta. Chắc chắn tổ tiên chúng ta chịu nhiều ảnh hưởng văn hóa Trung Hoa.

Theo Hậu Hán thư (Hou Han shu, sách về đời Hậu Hán, tác giả Phạm Việp, viết vào thế kỷ thứ 5): "Tục Cửu Chân làm nghề săn bắn chứ không biết dùng bô để cấy. Dân thường phải mua lúa Giao Chỉ mới làm bị thiếu thốn. [Nhâm] Diên bèn truyền đúc các thứ diến khi dạy cho họ khảm ruộng, ruộng đất trù mật, mỗi năm một rộng thêm; trăm họ được đầy đủ. Dân Lạc Việt lại không có phép cưới hỏi, mọi người ưa dâm dật, không quen thói sống chung với nhau, nên không biết tình cha con, không biết đạo vợ chồng. Vì vậy Diên gởi thư đi các huyện thuộc quận ông, truyền cho mọi người dâm ông từ 20 đến 50 tuổi, dâm bà từ 15 đến 40 tuổi, tất cả tùy theo tuổi tác mà cưới hỏi nhau... Trước kia trong thời Bình Đế có Tích

Quang, người Hán Trung làm thái thú Giao Chỉ, lấy lễ nghĩa dạy cho dân Mân di ăn ở, tiếng giáo hóa cũng lung lay như ông Diên... Đất Lĩnh Nam giữ phong tục Trung Hoa bất đầu từ hai vị thái thú đó..." (1)

Nhâm Diên, người huyện Uyển, thuộc Nam Dương (Trung Hoa), làm thái thú Cửu Chân (châu thổ sông Mãn) từ năm ất dậu (25 SCN), đến năm 29 (SCN) thì được gọi về Trung Hoa làm quan ở Thu Dương. Tích Quang, người Hán Trung, làm thái thú Giao Chỉ (châu thổ sông Hồng), đời vua Hán Bình Đế (1-5 SCN). Năm Kiến Vũ thứ nhất (từ năm Ất Dậu, 25 SCN) đời vua Hán Quang Vũ (Hán Kuang-wu, trị vì 25 - 57), ông được phong tước Diêm Thủy Hầu.

Hai ông trên được các bộ có sử Trung Hoa ca tụng về các điểm dưới đây, và được các bộ sử nước ta chép theo, nhưng các điểm này cần được xem xét lại: Thứ nhất, Hậu Hán thư cho rằng người Việt "không có phép cưới hỏi... không quen thói sống chung với nhau nên

TRONG SỐ NÀY

Số 19

CHỦ NHẬT, 23 THÁNG 3, 2014

KIẾN THIẾT VĂN MINH PHẬT GIÁO - THÍCH ĐỨC NHUẬN, tr.1 • MÂY THAY SINH Ở NƯỚC NAM - NGÔ NHÂN DUNG, tr.1 • ẢNH HƯỞNG CỦA VĂN HÓA TRUNG HOA - TRẦN GIA PHỤNG, tr.1 • MÙA XUÂN TRÊN QUÊ HƯƠNG NGOÀI KỶ ỨC - TRẦN TRUNG ĐẠO, tr.1 • BÍ ẨN QUANH CÁC BỨC HỌA DIỄN VÌ LẦY LÙNG CỦA VAN GOGH - TRỊNH THANH THÙY, tr.1 • CẨM ƠN 'PHẦY-BÚC': CHÚNG TA TÌM THẤY MINH TRONG KẸ KHẮC - TRẦN MẠNH HẢO, tr.1 • PHẬT GIÁO VIỆT NAM, BIẾN CỐ VÀ TƯ LIỆU (TT) - VHB, tr.3 • TRẦN VĂN LỆ, THƠ THỎ TÙNG NGÀY - UYÊN NGUYỄN, tr.10 • NGÀY GIA ĐÌNH 20.3, GIA ĐÌNH: NƠI ẮN NẤU CUỐI CÙNG ĐA TÀN VÔ BỒI BẠO LỰC - NGÂN HÀ, tr.12 • ĐÊM NGỒI NGHE TIẾNG CHIM TRÊN BIỂN - TRẦN TRUNG ĐẠO, tr.15 • LỜI 'CƠM' MẸ VIẾT BÊN LỀ 'PHẦY' CON - NGUYỄN THUY HÀ, tr.16 • KHOẢNG KHÔNG CỦA ANH - NGUYỄN TẤN CŨ, tr.24 • MẸ - ĐỎ TRUNG QUÂN, tr.25 • KIẾN THIẾT - HOÀNG LONG, tr.28 • LÀ CON NGƯỜI VỚI NHAU - TUẤN KHANH, tr.30 • TÀN CUỘC CHIẾN - TRẦN TRUNG TẢ, tr.31 • BAO GIỜ ANH THỜI SỐNG HẸN - TRẦN THỊ TỰ HUY, tr.31 • CÁC ANH CÓ BAO GIỜ TỰ SOI GUONG - LAN PHƯƠNG, tr.31 • GIỌT NẮNG / GIỌT NƯỚC / MỘT NỤ CƯỜI - PHỔ ĐỒNG, tr.33 • MỘT TRANG NHIỀU TIẾNG NÓI - TRẦN KHẢI, tr.36 • LẬT RỐI LÀ THUONG NHỎ - TRẦN VĂN LỆ, tr.37 • RÊU XANH / LỤC BÁT BUỒN / TUỒNG NGOÀI VÔ TẬN - TRẦN MẠNH HẢO, tr.39 • THAY LỜI GIỚI THIỆU 'MÂY VẤN ĐỀ PHÊ BÌNH VÀ LÝ THUYẾT VĂN HỌC' - NGUYỄN HUNG QUỐC, tr.40 • THAY LỜI GIỚI THIỆU TÁC PHẨM 'NGUYÊN KHÍ' - HOÀNG DUY TUỒNG, tr.43 • LỜI GIỚI THIỆU CỦA NXB, TÁC PHẨM 'GỬI NGƯỜI YÊU VÀ TIN' ĐỎ QUÝ TOÀN, tr.44 • LỜI TỰA 'GỬI NGƯỜI YÊU VÀ TIN' - HOÀNG NGỌC-TUẤN, tr.44

Nhóm Kết Tập HOA ĐÀM

Chịu trách nhiệm:

NGUYỄN VIỆT

9741 Bolsa Ave Suite: 216,
Westminster, California 92683,
714.765.9844

Mọi kiến xây dựng,
đóng góp bài vở, tranh, ảnh,
xin gởi về địa chỉ:
hoadamnews1@gmail.com

CẢM ƠN 'PHẦY-BÚC': CHÚNG TA TÌM THẤY MÌNH TRONG KẺ KHÁC

bel, người có nhiều công trạng đóng góp cho nước Pháp và thế giới về văn học, triết học đã để lại một danh ngôn có thời từng được coi như khẩu hiệu của thuyết hiện sinh: " Địa ngục là kẻ khác "

J. Sartre tiếp tục truyền thống triết học phương Tây từ Socrate đi tìm kiếm cái tuyệt đối trong một thế giới tương đối. Nếu K.Marx đi tìm cái tuyệt đối là thiên đường trên trần gian bằng giết chóc thì Sartre lại đi tìm cái tự do tuyệt đối cho con người bằng cách xua đuổi kẻ khác, coi kẻ khác là những con hủi tinh thần đang có cơ làm mất tự do tự tại tự tôn tự lập tự thân của ta. Do vậy, Sartre mới phán : " Địa ngục là kẻ khác " !

Chúng tôi xin phép ông Sartre vi đại kìa mà nói ngược lại ông rằng: "Tuyệt đối tôi chính là địa ngục", " Thiên đường là kẻ khác " !

Tôi không tự nhiên mà có. Tôi - chính là sản phẩm của kẻ khác, hai kẻ khác thì đúng hơn : mẹ và cha tôi. Tôi được tạo ra từ kẻ khác. Cha mẹ tôi lẽ nào lại là địa ngục của tôi ? Cha mẹ tôi tạo ra tôi trong một thời khắc hoán lạc của thiên đường trong cơn cực khoái của hành vi giao phối. Tôi hình thành do sự kết hợp giữa tinh trùng của cha và trứng của mẹ. Cha mẹ tôi trong phút hoán thai tôi họ thực sự đã lên thiên đường chứ không phải họ bị đẩy xuống địa ngục. Trong thiên đường của hai kẻ khác kìa, tôi đã được làm người... Tuổi thơ của chúng ta không bao giờ là địa ngục cả. Tuổi thơ chính là thiên đường vậy.

Tôi tiếp tục hoàn thiện thân xác và tâm hồn mình thông qua những kẻ khác. Kẻ khác đã nuôi tôi lớn. Kẻ khác đã dạy tôi nói. Kẻ khác đã dạy tôi đi. Kẻ khác đã dạy tôi biết chữ... Kẻ khác đã mở mắt linh hồn tôi và bỏ Trời Phật vào trái tim tôi. Kẻ khác bảo tôi: giết người là ác và yêu người là thiện...Không có những kẻ khác kìa, tôi chỉ là một con thú mà thôi... Những kẻ khác kìa ơi, cha mẹ ơi, làng xóm ơi, đất nước ơi, nhân loại ơi, lẽ nào những kẻ khác kìa thấy thấy là địa ngục của tôi sao ?

Không, những kẻ khác kìa đã bỏ trí khôn vào đầu tôi, bỏ Chúa vào tim tôi, bỏ cả sự hoán nghi và nỗi cô đơn vào cuộc đời tôi. Và em ơi, người đàn bà có hai bầu vú mà thơ tôi từng ca ngợi "Và vòng ngực em căng chặt trời chiều", có cặp mông vĩ đại tạo ra thế giới mà tôi từng dùng thơ ca ngợi: "Mênh mông là chỗ có em ngồi", " Khi mặt trời vừa lặn xuống mông em"...không có em tôi đã chết vì cô đơn. Không, em -kẻ khác vĩ đại của đời tôi kìa - em không phải là địa ngục như anh chàng Sartre ám ở kìa nói bậy. Em chính là thiên đường của tôi...

Hôm nay, cả nghìn kẻ khác, cả nghìn thiên đường đang từng giờ phút ủa vào trang FB của tôi, phá bỏ lò cốt cô đơn mà cái chết, sự hoán nghi đã vây quanh hồn tôi...Các bạn ơi, cảm ơn " Phầy bức ", thông qua các bạn, tôi đã tìm thấy chính mình....

Nào chúng ta cùng vào thiên đường "PHẦY BÚC", trả lại cho ông Sartre tội nghiệp kìa cái địa ngục giả tưởng ngày xưa...

Sài Gòn 5 h 37 ngày 20-03-2014

TRẦN MẠNH HẢO

PHẬT GIÁO VIỆT NAM BIẾN CỐ và TU LIỆU (1975-1995)

Theo tư liệu Văn Phòng II Viện Hóa Đạo,
Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất tại Hoa Kỳ, 1996

14.07.1982 HÒA THUẬN THÍCH ĐÓN HẬU LÊN TIẾNG PHẢN ĐỐI NHÀ NƯỚC CHIẾM DỤNG VĂN PHÒNG VHĐ:

Phản đối việc thống nhất Phật giáo hai miền dưới sự chỉ đạo và kiểm soát của Nhà nước ngay từ đầu, Hòa Thuận Thích Đôn Hậu đã công khai từ khước tham gia Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam (Giáo hội mới)bằng cách cáo bệnh không tham dự Đại hội kỳ I của Giáo hội này dù Nhà nước gán phong ngài làm Phó Pháp Chủ của Giáo hội Nhà nước. Nay thấy Văn phòng Viện Hóa Đạo ở chùa Ấn Quang bị chiếm dụng, vào ngày 14 tháng Bảy, 1982, Hòa thuận đã gửi thư đến Giáo hội Nhà nước phản đối thẳng thắn việc chiếm dụng phi pháp này.



CHÙA ẤN QUANG, 1968 Ảnh: Internet

25.03.1984 CHÍNH QUYỀN BẮT GIAM CÁC HỌC GIẢ PHẬT GIÁO

Sáng sớm ngày 25 tháng Ba, 1984, công an thành phố Hồ Chí Minh cho mời Hòa Thuận Thích Trí Thủ đến ty công an thành phố để họp "có việc gấp". Hòa thuận vừa rời khỏi chùa Già Lam thì một lực lượng công an hùng hậu bao vây chùa, ra lệnh "nội bắt xuất, ngoại bắt nhập" rồi đọc lệnh bắt các Đại Đức Thích Tuệ Sỹ, Thích Trí Siêu (Lê Mạnh Thát), Thích Nguyên Giác; sau đó đến bắt Đại Đức Thích Như Minh và Sư Cô Thích Nữ Huệ Khương tại trường cao cấp Phật học Vạn Hạnh, rồi cùng ngày đó, bắt Sư Cô Thích Nữ Trí Hải (lúc đó đang hướng dẫn Phật tử tu tập tại chùa Diệu Pháp, Hồ Nai). Chính quyền kết tội các vị này là âm mưu hoạt động chống lại chính quyền qua Ủy Ban Bảo Vệ Phật Giáo và Cựu Ngụy Dân Tộc.



CHÙA GIÀ LAM - Ảnh: Internet

Trong khi công an bao vây chùa Già Lam để bắt giam các vị học giả lỗi lạc của Phật giáo, Hòa thuận Thích Trí Thủ bị giữ lại ở Ty Công An thành phố, bị kết tội mượn danh nghĩa Chủ tịch Hội Đồng Trị Sự Trung Ương Giáo hội Phật Giáo Việt Nam (Giáo Hội Nhà Nước) để bao che cho các vị học giả Phật giáo âm thầm hoạt động chống lại chính quyền...

(Đón xem kỳ tới: 01.04.1984: HÒA THUẬN THÍCH TRÍ THỦ BỊ BÚC TỬ)



Ảnh: MINH TUYEN NGUYEN

MAY THAY SINH Ở NƯỚC NAM

Trích chương 29, tác phẩm ĐỪNG VÙNG NGÂN NĂM
của tác giả **NGÔ NHÂN DỤNG**, Người Việt xuất bản 2013



Người Việt Nam bây giờ còn hay tự chế nhạo mình, gọi đùa mình là dân Giao Chỉ, cái tên gọi đời Hán Cũng như nhiều người tự đùa cợt gọi nhau là "Mít," nói tắt tên người Pháp gọi dân thuộc địa "An Nam Mít." Trong tên gọi mới này, có cả di sản thời Bắc thuộc, tên phủ An Nam, lại thêm cái đuôi Mít do các quan đô hộ Pháp đặt cho.

Biết tự chế riêu mình như vậy; nhưng nếu bây giờ ai nghe một người Pháp gọi mình là Annamite thì chắc chắn sẽ nói giậm; có thể sinh đố đả. Cùng vậy, sau thời Bắc thuộc mà người Trung Hoa nào gọi một người Việt

là "man di" chắc chắn sẽ bị phẫn đối.

Thực ra hai chữ man di lúc đầu không hàm ý khinh miệt hay kỳ thị. Vào thế kỷ thứ hai trước Công Nguyên, Triệu Đà gửi thư cho vua Hán tự xưng mình là "Man Di Đại tướng lão." Ông tự gọi tên man di chắc vì lúc đó hai chữ này không có ý khinh rẻ. Đó chỉ là một danh từ khách quan để gọi các sắc tộc ở xa Trung Nguyên. Các chữ như "Negro" (người da đen), hay "Eskimo" (người ăn thịt sống) lúc đầu cũng chỉ dùng để gọi tên một sắc dân, lâu ngày mới mang ý nghĩa kỳ thị, bị báng. Cuối thế kỷ 18, một vị sứ thần nước ta là Ngô Thi Nhậm sang

Trung Quốc, chắc phải nghe những tiếng "man di" nhiều lần nên đã công khai bác bỏ thành kiến này.

Trong chuyến đi từ Nam Ninh tới Tam Giang Khẩu, trong tỉnh Quảng Tây, Ngô Thi Nhậm viết bài thơ "Hoàn Nhi Ngâm" (Mim cười mà ngâm thơ). Ông chế nhạo những thành kiến sai lầm trong sách sử Tàu, trước khi bác bỏ hai chữ tiếng "man di." Thí dụ: Sách vở Trung Hoa nói đất Lạc Dương như lòng trứng gà chia đôi; Ngô Thi Nhậm phê: "Ngoa." Họ tin rằng vùng Kinh, Dương (bên sông Trường Giang) tỷ lệ sinh sản là hai trai, ba gái; còn vùng Bách Việt thì cứ ba gái mới

sinh một trai; ông phê: "Ấu!" (Kẻ noãn binh phàm, ngoa - Nữ nam tam nhất, ấu!) Ngô Thi Nhậm dành lời phê bình nặng nề nhất cho thời phàm biệt, coi dân Hoa Hạ văn minh hơn dân Man di. Ông viết: "Di, Hạ, âm dương phàm - Thù ngôn thái thiên lậu!" Nghĩa là: Phân biệt Hoa Hạ khác Man Di như Dương khác với Âm; Lời nói đó quá nông cạn!

Chúng ta thông cảm nói ám ảnh của nhiều người Việt Nam trong nhiều đời, phải tự vượt khỏi mặc cảm nước mình yếu kém so với nước láng giềng rộng lớn ở phía trên mình. Trong bài thơ trên, Ngô Thi Nhậm muốn xóa bỏ mặc cảm đó.

Để thuyết phục người Trung Hoa, và những người Việt sợ Trung Quốc, ông phải viện dẫn Chu Hi, một thẩm quyền đầy uy tín trong Nho Giáo và văn hóa Trung Quốc. Chu Hi từng viết: "Thịnh xưng tây nam phiên - Văn tự địa cao thủ - Tất hữu khai kỳ tiên - Bất độc quốc trung hữu." (Đáng khen các dân tộc miền Tây Nam - Có nhiều người giỏi văn tự - Tất họ đã khai hóa từ lâu - Đâu phải chỉ Trung Quốc mới có tiên bộ). Dẫn những lời đó rồi, ngay câu sau, Ngô Thi Nhậm bày tỏ tâm sự; nói rằng khi trở về nước nhà ông muốn nói với bạn hữu rằng: "Hạnh tại sinh

Kiếp theo trang 7



KIẾN THIẾT VĂN MINH PHẬT GIÁO VIỆT NAM

THÍCH ĐỨC NHUẬN

Giá trị của một học thuyết là ở chỗ kiến thiết được một nền văn minh bằng học thuyết đó. Phật Giáo Việt Nam đã có một thời tạo nên nền văn minh mới cho dân tộc sau một thiên kỷ bị người Tàu cai trị.

Nền văn minh này chẳng những đã chấm dứt nỗi cảnh ngoại xâm và nội loạn, mà còn giác ngộ tinh thần dân tộc lại với mình, để tổng hợp cả Tam giáo, thống nhất quốc gia, theo đúng tinh thần Phật. Cho nên, xuyên qua lịch sử văn minh Phật thời Lý - Trần và nhận xét rõ Tinh Thần Nhân Chủ Xã Hội Của Phật Giáo, tất nhiên ta đã có thể hình dung ra nổi một nền văn minh Phật tương lai như thế nào. Vì nền văn minh ấy, xưa cũng như nay, đều bắt nguồn ở tinh thần Phật, để xây dựng một xã hội có Nhân Đạo, có Tự Do, Hạnh Phúc cho tất cả mọi người, mọi giống, dù theo Phật Giáo hay không theo Phật Giáo.

Để chứng minh thêm cho nền văn minh Phật vốn thực là như thế nào, trước hết cần phải có một quan niệm về văn minh cho thật đúng nghĩa, để sau khi vào hành động có thể tránh khỏi những đổ vỡ trong công cuộc kiến thiết, làm giảm giá trị của nền văn minh Phật như đã được nói đến ở những phần trên.

1. QUAN NIỆM VỀ MỘT NỀN VĂN MINH ĐÚNG NGHĨA

Hai tiếng 'Văn Minh' đã được đem diễn tả từ đông sang tây, coi như hai loại khác nhau: Văn minh Đông phương và văn minh Tây phương. Rồi nhỏ nhặt hơn nữa, là chia ra nhiều nền văn minh riêng của từng địa phương, như văn minh Hy Lạp, văn minh Ấn Độ, văn minh Trung Hoa, văn minh Việt Nam v.v... Nếu quan niệm văn minh như vậy thì chỉ có thể nhìn thấy một góc cạnh của nền văn minh toàn diện mà thôi. Thí dụ khi nói tới văn minh Đông phương thì chỉ coi nó có giá trị về mặt tinh thần đạo đức nhiều hơn về mặt tiến bộ vật chất. Còn nếu nói tới văn minh Tây phương thì hẳn tưởng chỉ có giá trị tiến bộ về vật chất hơn về tinh thần đạo đức. Mà sự thật lại là như vậy. Vì từ khi nền văn minh Âu Châu tiến bộ thì lịch sử nhân loại, đã thấy diễn ra những gì qua hai cuộc thế chiến và lịch sử nhân loại đã không nói lên được những tiếng nói đẹp đẽ nào bên cạnh tiếng kêu hô diệt chủng, áp bức, thống trị các giống da đỏ, da đen, da vàng dưới gót sắt của bọn thống trị?

Lại nữa, nếu lại quan niệm rằng: văn minh chỉ là hưng thịnh của một quốc gia dân tộc, theo địa phương chủ nghĩa, thì tức là đã đề cao chủ trương ăn cướp của bọn phong kiến thực dân, qua tinh thần chủng tộc đồ. Vì thử tự hỏi xem văn minh Trung Hoa đã có được những giá trị gì, ngoài cái tinh thần tự túc tự mãn của người Hán, trong việc diệt chủng ở bốn chung quanh, từ xưa tới nay? Ấy là chưa kể đến những nề văn minh khác ở bên trời Âu, như tinh thần cách mạng 1789 của Pháp, tinh thần dân chủ của Anh, tinh thần quốc xã của Đức v.v..., tất cả đều văn minh ấy, kẻ chiến thắng nếu tự cho mình là văn minh khi kẻ gieo rắc ánh sáng của văn minh cho kẻ khác, thì 'kẻ khác' - là bao nhiêu dân tộc chiến bại kia - lại nhìn 'cái gọi là văn minh của kẻ chiến thắng' là dã man hết chỗ nói. Người Việt đã cảm thấy điều đó, qua cột đồng Mã Viện của văn minh Trung Hoa, qua máy đoan đầu dài 'guillotine' của văn minh Pháp quốc. Cho nên người Việt đã mất hết tin tưởng vào những thứ văn minh nọ ngoài tin thần văn

minh của Phật. Vì đạo Phật không đến với mọi người bằng thế lực của ngoại xâm, đạo Phật không đòi lột thống trị của một ngoại bang nào. Đạo Phật chẳng hề chủ trương giác ngộ Phật tâm và Phật tính của mỗi con người, ở mỗi giai cấp, ở mỗi dân tộc để cùng sống và giúp tiến hóa lẫn nhau, hầu xây dựng một xã hội có lý tưởng nhân đạo, có lập trường Nhân Chủ, có ý thức nhân sinh thời. Đó là quan niệm văn minh của Phật Giáo vậy.

Vì thế, nói văn minh Phật Giáo không có nghĩa là nói riêng đến tinh thần đạo đức Á Đông suông thôi, rồi không nhấm vào tiến bộ khoa học, vào giải pháp áo cơm cho chúng sinh; hoặc không có nghĩa là quá thiên về văn minh vật chất Tây phương kiểu xâm lược dã man. Bởi đạo Phật lấy giác ngộ của con người để giải thoát Luân Hồi, cái tạo Tự Nhiên và cái tạo Nhân Sinh thì không có một thứ tiến bộ kỹ thuật khoa học nào lại đuổi kịp được, không một thứ đạo đức nào có thể bị kịp khi Phật lấy 'cơm làm lành đạo cả' (ý, bát), khi Phật lấy sự bình đẳng về màu da, tiếng nói, về

chủng tộc quyền lợi, ngụ trong câu: 'Nhất nhất chúng sanh đều bình đẳng'.

Rời thử tự hỏi xem: những tiến bộ về khoa học của các cường quốc trong cuộc chinh phục không gian đã làm thay đổi được những gì quan trọng trong ba nghìn nghìn thế giới, và đã thay đổi được những gì ngoài mọi khổ não do thiên nhiên tạo ra: sinh, lão, bệnh, tử, nắng, mưa, gió, rét của cõi vô thường.

Rời lại tự hỏi xem: nhân loại đã tự giác ngộ để tiến bộ đến những bước nào, trong thập pháp giới của Phật, đến như bản Hiến Chương Liên Hiệp Quốc cũng còn phải bổ túc bằng Tuyên Ngôn Quốc Tế Nhân Quyền, mà nhân loại cũng vẫn chưa có 'Nhân Quyền' chưa có hòa bình, và vẫn cứ bị đe dọa thường xuyên.

Nhìn sang bức màn sắt, hàng ngũ Quốc tế đại đồng của thế giới cộng sản cũng càng ngày càng đổ vỡ vì tinh thần địa phương của mỗi quốc gia dân tộc đang nổi dậy. Phải chăng đó là một thất bại của chủ trương văn minh kiểu Mandarin: đã không giải quyết nổi

vấn đề quyền lợi sống còn của chủng tộc, lại thiếu tinh thần giác ngộ của Nhân Chủ, trong việc xây dựng lý tưởng người? Nên cái nền tảng học thuyết bất nguồn từ triết lý Duy Vật quả là không xây dựng nổi một nền văn minh nhân loại toàn diện.

Còn nhìn về bên này bức rào thưa của Thế Giới Tự Do thì các cường quốc vẫn cứ mâu thuẫn nhau vì quyền lợi, vẫn chưa ý thức được vai trò lịch sử tiến hóa của nhân loại phải đi về đâu; và các nhu cầu tiểu thì dù có giác ngộ chân lý Phật, có muốn xây dựng một nền văn minh Phật, nhưng cũng vẫn còn cứ bị cản trở bởi tất cả những cái gì là thiếu thông cảm, là thiếu giác ngộ của các cường quốc? Nên thật là chưa có cơ xây dựng nổi một xã hội lý tưởng chung cũng như riêng, theo ý muốn của nhân loại đang khắc khoải hoang mang.

Nói tóm lại, nhân loại vẫn còn phải chờ sự giác ngộ về một quan niệm văn minh đúng nghĩa, như văn minh Phật, mới có thể giải thoát khỏi những bế tắc của lịch sử, những mâu thuẫn chiến tranh, hầu mang lại hòa

binh, hạnh phúc và con người đang mong mỏi, đợi chờ.

2. CHỦ TRƯỞNG KIẾN THIẾT VĂN MINH PHẬT

Sau khi đã ý thức được thế nào là một nền văn minh đúng nghĩa theo tin thần đạo Phật, không méo mó theo riêng góc cạnh vật chất hay tinh thần, địa phương hay suốt mặt thì người Phật tử mới có đủ căn bản giác ngộ để chủ trương xây dựng một nền văn minh mới.

Mà xây dựng như thế nào đây?

a) Xây dựng văn minh Phật không phải chỉ là việc đưa Phật Giáo ra nắm chính quyền, như một số chính khách lầm tưởng, theo kiểu 'tranh quyền cướp nước' của thứ chính trị thiên cạm. Vì căn bản kiến thiết văn minh Phật là ở sự giác ngộ lý tưởng Phật, chứ không ở sự tranh đoạt chính quyền.

b) Xây dựng văn minh Phật cũng không phải là tìm cách tiêu diệt

tiếp theo trang 17

tiếp theo trang 5

MAY THAY SINH Ở NƯỚC NAM

Nam bang!" May mắn thay, chúng ta sinh ở nước Nam!

Sau Ngô Thi Nhậm, một sử thần Việt Nam sang Trung Quốc làm việc từ thiện, thân hữu, vẫn còn bị gọi là "man di," đến nỗi nòng một "măng trà đưa." Cuốn Mãn Thành Tập Thảo của Lý Văn Phức kể chuyện ông đi Phúc Kiến năm Tân Mão (1831). Mãn Thành là thành của người Mãn, tên gọi dân vùng Phúc Kiến trong thời gian người Trung Hoa gọi nước ta là Lạc Việt. Lý Văn Phức là nhà ngoại giao lão luyện, từng đi sứ một lần sang Phi Luật Tân (đảo Luzon) và hai lần qua Bengal. Trong đời ông làm sứ thần sang Trung Quốc tổng cộng bốn lần.

Chuyến đi năm 1831, khi ông 46 tuổi, có lý do nhân đạo. Gia đình một người Trung Hoa tên là Trần Khái đi biến gặp bão, thuyền trôi giạt vào hải phận Việt Nam. Vua Minh Mạng cử một phái bộ đưa cả gia đình này về nguyên quán. Lý Văn Phức cảm thấy phải đoàn đi bằng đường biển. Nhân đó ông có dịp "đấu tranh ngoại giao" về một vấn đề nhỏ về nghi thức thủ tiếp nhưng lại đụng chạm tới thể diện quốc gia. Xung khắc bắt đầu khi viên tống đốc họ Tôn gán cho sứ thần nước Việt danh hiệu "Man Di," hai chữ mà ông Triệu Đà đời xưa tự nhận.

Ngày hôm mới tới, được đưa kiệu đến

trước cửa ngôi nhà tạm trú, Lý Văn Phức đã lùi bước, không vào. Chỉ vì trên cửa có tấm giấy ghi: "Việt Nam quốc Di sử Công quán." Di là tên gọi các giống dân "mọi rợ." "Di sử" là sử gia của dân mọi. Sau khi họ chịu gở tấm bảng đó, Lý Văn Phức mới bước vào. Ngày hôm sau, họ phải thay bằng một tấm bảng khác: "Việt Nam quốc Sử quan Công quán." Sử quan, chứ không phải Di sử!

Mấy ngày sau, Lý Văn Phức viết một bài "Biện Di Luận," bàn luận về tên gọi Di. Sau khi mô tả nước Việt Nam sông dài, biển rộng mở ra đến các đảo ở Đại Hải; lại kể ra các phong tục tập quán, và nền giáo dục, thì cứ ở nước ta

không thua kém gì bên Tàu; ông hỏi: "Như thế mà lại gọi là Di được hay sao?" Lý Văn Phức lại tìm trong sách sử Trung Hoa, trích dẫn ra: "Vua Thuấn vốn là người Đông Di, Văn Vương vốn là người Tây Di; truyện sử có chép như thế." Hai ông để, ông vương được kính trọng nhất nước Tàu, cùng gốc người "sắc tộc thiểu số!" Như vậy thì người Trung Hoa không có lý do gì thị những sắc tộc sống ngoài biên cả!

Chưa hết, Lý Văn Phức còn phân tích thêm để "nói móc" cho người địa phương phải hổ thẹn. Bài Biện Di Luận viết: "Có phải các ông gọi một sắc tộc là Di vì cách ăn mặc và tiếng nói của họ (khác với mình) hay không? Nếu vậy thì trong xứ Mãn Thành này, quý vị ăn mặc không giống, nói tiếng nói không giống dân các tỉnh khác của Trung Quốc; quý vị cũng là "di" hay không?"

Lý Văn Phức thẳng thắn nêu ra một điều đáng hổ thẹn cho người địa phương. Hai ngàn năm trước thì Mãn Việt, cũng như Lạc Việt không hề

thuộc vào nước Tàu. Triệu Đà là ông tướng Tàu đầu tiên đánh chiếm Mãn Việt. Bảy giờ xứ Mãn đã biến thành một tỉnh, người dân bị đồng hóa thành người Trung Quốc! Lý Văn Phức muốn hãnh diện khoe: "Chúng tôi, người Việt Nam thì vẫn là một nước độc lập!"

Bài Biện Di Luận được Lý Văn Phức đem treo trước công quán. Dân Phúc Kiến, thấy giáo, học trò kéo nhau đến đọc, có người chép lại đem về nhà. Trong hồi ký ông kể lại, có một viên quan huân đạo (lo về giáo dục) tên là Lý Chấn Nhậm đọc bài đó xong đã tự giặt mũ, ném cái mũ xuống đất, nói: "Chúng ta là Di mà lại còn gọi người khác là Di làm gì!"

Chi tiết "giặt mũ ném xuống đất" này được đưa vào rất đúng chỗ, và có hậu ý. Vì một trong những thứ mà người Trung Hoa đời thượng cổ tự hào họ hơn các giống Di, Địch, là họ biết đội mũ, trong khi dân man di còn búi tóc hoặc để đầu trần! Hậu Hán Thư đã kể công hai ông thái thú Tích Quang và Nhâm Diên dạy dỗ dân Giao Chi, Cửu Chân thay



đối trang phục, với việc “chế vi quan, lý, 制為冠履” – tức là chế tạo ra mũ đội và làm dép đi vào chân. Người Phúc Kiến vào đời thượng cổ cũng quần khăn chứ không đội mũ. Lý Văn Phức nêu ra chi tiết Lý Chấn Nhấn “giật mũ ném xuống đất” trong bài văn là cố tình nhắc đến một phong tục cổ mà người Mãn đã mất sau khi bắt chước người Hán mà đội mũ! Đọc bài Biện Di Luận, những người có học ở xứ Mãn phải thấy xấu hổ, giật mũ ném xuống đất!

Tuy vậy, chúng ta cũng không nên phân biệt người Việt với người Phúc Kiến. Người Phúc Kiến với người mình xưa nay vẫn thông cảm. Tổ tiên các vua nhà Trần gốc từ Phúc Kiến di cư sang Đại Việt! Hứa Tông Đạo người Phúc

Kiến có sang nước ta năm 1276; năm 1321 ông đã viết một “bản minh” khắc trên quả chuông ở Thông Thánh Quán (Bạch Hạc, Vĩnh Tường) ca ngợi Trần Nhật Duật. Trong bài ông còn dùng chữ “giặc Bắc sang xâm lược” để chỉ quân nhà Nguyên. Nhưng di dân gốc Phúc Kiến nhiều người rất giỏi, họ đi làm ăn khắp Đông Nam Á và thành công. Một thi sĩ Việt Nam nổi tiếng đầu thế kỷ 20, Đông Hồ Lâm Tấn Phác gốc người Phúc Kiến; nhưng không người Việt nào phân biệt gốc tích gia đình ông. Cũng như không ai để ý thi sĩ Hồ Dzếnh gốc Quảng hay nhà văn Vương Hồng Sển gốc Tiểu, dù đọc lên tên của hai vị có thể thấy.

Nhưng các câu chuyện kể trên cho thấy người

Việt Nam thường hãnh diện về nước mình; vì mình không mất gốc để biến thành người Trung Hoa. Ngược lại, chắc nhiều người Trung Hoa cũng thương hại cho người Việt có cơ hội “nhập tịch” làm dân đại quốc mà bỏ mất! Tách ra độc lập từ thế kỷ thứ 10 nên bấy giờ dân Việt không được làm công dân của một cường quốc với sản lượng kinh tế cao nhất thế giới; và đang phụng dưỡng hóa tiên Hằng Nga, vệ tinh Ngọc Thỏ lên cung trăng!

Chúng ta không nên so sánh giữa người Lạc Việt với người Quảng hay người Mãn xem ai may mắn hơn ai. Mà thật ra cũng rất khó so sánh. Nhiều biến cố lịch sử tình cờ xảy ra, cùng địa thế, núi sông, đã quyết định số phận các dân

tộc; không phải tất cả đều do con người quyết định. Các sắc dân gọi là Bách Việt ở Triết Giang, Hồ Nam, Phúc Kiến, Vân Nam, Quảng Đông bây giờ có thể đang tự hào họ là một thành phần của Trung Quốc. Họ cũng đóng góp, tạo ảnh hưởng trên văn hóa nền tảng của người Hán, chứ không phải họ chỉ thụ động tiếp nhận. Trong lịch sử gần đây nhiều người đã lên cầm đầu cả nước Tàu mà gốc từ Quảng Đông (Tôn Văn), Hồ Nam (Mao Trạch Đông), Tứ Xuyên (Đặng Tiểu Bình). Nhưng nơi đó trước đây hai ngàn năm chưa phải là Trung Quốc. Như vậy cũng đáng cho những sắc dân ở các vùng này hãnh diện, vì họ đã tranh đấu để được đối xử công bằng với dân gốc Hán thuần

tục. Trong khi đó, một người Việt Nam dù làm vương làm tướng thì cũng chỉ đứng đầu một nước nhỏ nhỏ mà thôi! Tổ tiên đã lựa chọn. Nếu một người Việt và một người Trung Hoa cãi nhau về vấn đề này thì chắc không thể nào thỏa hiệp được. Nhưng giữa người Việt Nam với nhau, có lẽ cũng nên bỏ qua tự ái dân tộc, thử suy nghĩ với tinh thần bình tĩnh, khách quan về câu hỏi: “Làm dân một nước lớn, hay một nước nhỏ, có lợi hay bị thiệt thòi hơn nhau không? Người Việt Nam có nên tiếc mình đã mất cơ hội không được gia nhập làm một phần của Trung Quốc hay không?”

Nghe câu hỏi này chắc đồng bào Việt Nam nghe sẽ giận lắm. Nhưng muốn suy nghĩ cho rõ ràng, vẫn nên



ALL MINE BYEN SOUYER

đặt mình đứng bên ngoài, thử đặt câu hỏi cho rõ ràng, thẳng thắn. Biết đâu trong dân Việt Nam có người lâu lâu lại nghĩ tiếc rẻ tổ tiên mình ngày xưa dạn dặt, không tình nguyện làm dân Trung Quốc cho con cháu được hưởng? Được vậy thì bây giờ chắc không ai phải đi biểu tình đòi quần đảo Hoàng Sa, thềm Bắc Giốc; mà cũng không phải lo sẽ mất hết Trường Sa!

Khi đi tìm câu trả lời cho vấn đề này, chúng ta sẽ biết ơn tổ tiên nhiều hơn. Căn theo tiêu chuẩn khách quan khi xét lại quyết định của tổ tiên, khi các cụ chọn tự mình xây dựng một quốc gia nhỏ nhỏ, với một dân tộc tương đối thuần nhất. Thuộc đồ thực tế để thẩm lượng lựa chọn này là: Quyết định lập quốc sẽ tăng thêm hạnh

phúc hay chước lấy tai họa cho con cháu đời sau? Bởi vì, làm dân một nước lớn hay nhỏ không quan trọng. Tiêu chuẩn quan trọng để thẩm định là người dân nước nhỏ hay nước lớn dễ sống ấm no, hạnh phúc hơn.

Việt Nam vẫn là một quốc gia trong vùng Đông Nam Á chứ không chìm trong biển người Trung Hoa, vì tổ tiên mình, khi giành được quyền tự chủ rồi, không ai nuôi tham vọng mở rộng vùng quyền lực lên phía Bắc! Có thể nói, các vị anh hùng lập quốc của chúng ta không vì máu tham quyền mà bỏ mất gốc rễ! Có thể vì họ thương người, sợ chiến tranh kéo dài chỉ chết lính, làm khổ dân; Nguyên Trãi gọi là chủ trương "toàn quân." Thử nhìn vào những triều đại như nhà Nam

Hán ở Quảng Đông, các nước Nam Chiếu, Đại Lý ở Vân Nam, chúng ta thấy số phận người dân mỗi vùng thay đổi do quyết định của người lãnh đạo. Khi so sánh, mới thấy tổ tiên mình không nuôi tham vọng "làm vua nước lớn" là điều may cho con cháu. Đạo quân Nam Chiếu đã đi chinh phục các "chiếu" khác khi được nhà Đường khuyến khích. Lập quốc rồi, các ông vua Nam Chiếu vẫn chưa thấy đủ, họ đi chiếm thêm đất đai, tiến sang đến cả Miến Điện, tàn phá, giết chóc, xóa tan một vương quốc Pyu, tiến qua tận bên Lào. Quân sĩ theo các vị chủ tướng đi cướp nước. Người trên thì cướp ngôi vua, bên dưới thì cướp của; có thể nói họ không ràng buộc với nhau bằng một "tình thân dân tộc"

nào cả. Khi đến lượt ngôi vua Nam Chiếu bị diệt thì quân lính cũng tan rã. Không có một ý thức dân tộc làm điểm quy tụ thu hút lòng trung thành của họ.

Quân Nam Hán sang đánh nước ta vào thế kỷ thứ 10 vì ông vua, cũng như các triều đại Tống, Lương trước đó, mang tham vọng chiếm lấy một lãnh thổ lớn; nếu được thì chiếm tất cả hay một nửa Trung Quốc. Họ không thỏa mãn nếu chỉ làm vua một nước nhỏ, chỉ làm chủ một số sắc tộc trong nước Nam Việt cũ. Ngày nay những nước Nam Hán, Nam Chiếu, Đại Lý đã biến mất.

Các nhà lãnh đạo nước ta thì khác. Họ chỉ quan tâm đến nước mình, không nghĩ tới cả lục địa Trung Hoa. Ngô Quyền, Đinh Bộ

Linh đã chọn nước Việt Nam. Lý Thường Kiệt kéo quân sang đánh châu Ung, châu Liêm, cũng tàn sát dân bản xứ một cách tàn nhẫn không kém đoàn quân Nam Chiếu đời trước khi chiếm thành Đại La. Nhưng sau đó rút quân về ngay vì các vua nhà Lý không ham mở rộng đất đai lên phía Bắc. Trong một quốc gia nhỏ nhỏ, vừa đủ để cai trị "theo lối gia đình," ông vua đồ một mà dân cũng đồ khổ cực vì chiến tranh. Nhờ thế, nước Đại Cồ Việt vẫn còn, là nước Việt Nam ngày nay; khác số phận Quảng Đông, Vân Nam.

Một điều chúng ta biết chắc, là chính các sắc dân các vùng từ Phúc Kiến, Quảng Đông cho tới Vân Nam, Từ

tiếp theo trang 20

TRẦN VĂN LỆ thơ thơ từng ngày

UYÊN NGUYỄN

tiếp theo trang 1

MÙA XUÂN TRÊN QUÊ HƯƠNG NGOÀI KÝ ỨC

sống". Thoạt nghe dễ bị hiểu lầm chỉ đi ra khỏi quê hương mới thấy nhớ thương còn ở lại thì không. Không phải thế, quê hương không còn là nơi để sống bình yên nhưng tình yêu dành cho quê hương đã lớn lên trong tôi ngày những ngày còn ở đó.

Dọc hành lang các công ty Mỹ thường treo tranh ảnh. Có khi là bản sao một danh họa và có khi chỉ là một tấm ảnh nghệ thuật để làm kín bức tường. Bức tranh treo bên ngoài phòng làm việc của tôi là một ngọn đồi xanh với những bụi hoa dại nhiều màu mọc đỏ đây, và xa hơn là một cánh rừng. Bức tranh đơn giản, không phải là một tuyệt phẩm hội họa nhưng với tôi lại quá đẹp. Mỗi ngày

đi ngang qua, nhìn bức tranh, tự nhiên cảm thấy một chút gì đó ấm áp trong lòng. Bởi vì cảnh trong bức tranh rất giống ngọn đồi phía sau nhà, nơi cha mẹ tôi sống trong những ngày tản cư ở Quê Sơn, Quảng Nam. Nơi đó, những buổi chiều, tôi đứng lặng nhìn ngọn đồi như cố thu hết từng hoa sim tím, từng giọt nắng vàng vào trong trí nhớ còn rất nhiều chỗ trống của mình như để một ngày nào đó còn đem ra xem lại. Cuốn phim thời thơ ấu đây bất trắc còn rất rõ. Tôi vẫn xem lại đoạn phim trong những ngày gió cha mẹ tôi, những chiều mưa rất buồn, những đêm trăng rất sáng.

Tôi thường chỉ bức tranh và hăm diện

khoe với các đồng nghiệp người Mỹ "Quê hương tao giống hệt như vậy đó". Các bạn Mỹ thường hỏi xã giao "Mày có về thăm quê mày lần nào chưa?" "Chưa". Tôi trả lời và rồi chỉ vào đầu "nhưng không sao, quê hương là ở đây, trong ký ức của tao." Nói thế, vì tôi biết dù có trở về, quê hương cũng không còn như thế nữa. Ngọn đồi sim tím có thể đã bị san bằng và cụm rừng kia chắc đã bị khai hoang. Nếu về lại, tôi sẽ làm gì? Tôi sẽ ngồi xuống như đang ngồi đây và hình dung một khoảng thời gian, một khoảng không gian đã mất. Tôi sẽ cảm thấy rất đau khi tất cả những gì gắn gũi nhất của tôi trên thế gian không còn nữa. Mơ mộng thì ở đâu mà chẳng mơ mộng được. Ngày mới tới đây, tinh thần chưa ổn định, nhiều buổi chiều tôi thường đi bộ một mình dọc bờ biển Đại Tây Dương nhìn những chiếc tàu hàng đi qua mà nhớ ngày nào mình từng cầu mong một con tàu như thế đi qua trên Thái Bình Dương.

Trong ngôn ngữ Việt Nam, quê hương là một trong những danh từ gây nhiều cảm xúc

nhất. Một phản phát xuất từ tình yêu sâu đậm dành cho nơi chôn nhau cắt rốn và phần khác mang đặc tính rất con người, đó là quyền sở hữu. Khi nhắc đến quê hương, dù hai người cùng lớn lên trong cùng một tỉnh, một quận huyện hay cả một thôn xóm, vẫn cảm thấy quê hương là của riêng mình. Cùng một dòng sông, một bến đò, một đồi sim nhưng hình ảnh của chúng khác nhau trong mỗi tâm hồn.

Những nhạc phẩm quê hương bao giờ cũng đậm đà, tha thiết. Bài hát về quê hương tôi thích nhất là bài Tình Quê Hương của Việt Lang.

Ngàn dâu xanh ngắt mấy nệp tranh xa mờ
Tiếng sáo bay dập dờn
đường về thôn xưa
Tình quê lại lóng dưới trời thu
Khói xây thành chập chùng mây đưa
Cảnh to liêu thấp thoáng bên hồ
Mùa nhớ nhưng dòng nước lòng lơ...

Quảng Nam là xứ trồng dâu, nuôi tằm, uôm tơ và dệt lụa nên tôi lại càng thấy gần gũi hơn với câu "Ngàn

dâu xanh ngắt mấy nệp tranh xa mờ" trong bài Tình Quê Hương. Làng tôi không trồng dâu nhiều bằng các nơi khác trong quận nhưng nuôi tằm và uôm tơ rất nhiều. Tuổi thơ tôi ở quê nội Duy Xuyên là những ngày quây quần bên những chiếc nia tròn nhìn những con tằm trắng cuộn mình trong những chiếc lá dâu xanh. Vì uôm tơ nên thức ăn chính trong bữa cơm gia đình ở làng tôi là nhộng. Nhộng xáo, nhộng rang khô, nhộng xúc bánh tráng, nhộng nấu canh, nhộng làm gỏi. Có tôi dạy tôi quây tơ và lớn hơn chút tôi được dạy uôm tơ. Quây tơ chỉ quây đều tay là được nhưng uôm thì kỹ thuật hơn, khéo tay hơn, đánh nhiều kén quá sợi tơ sẽ dày như sợi thảo và ít quá tơ sẽ đứt đoạn nhiều, không đều. Học uôm tơ rất vui nhưng nếu bị bắt ngồi uôm suốt mấy giờ liên tục lại là chuyện khác. Phần lớn công việc uôm tơ là của các chị trong làng. Đứng như các nhà thơ Quảng Nam thường hay tả thôn nữ Duy Xuyên, các chị trong làng tôi ngày ấy cả nẩy cũng đẹp. Nghé uôm tơ phải ngồi

Trời không rơi hạt, lòng
buồn buồn
Lạnh chẳng lẽ từ mưa
Cố Hương
(Trần Văn Lệ)

Ông họa sĩ Nguyễn Đình
Thuấn đi vắng, giao nhà
cho Lệ trông coi cả tháng.
Đứng ở trên tầng hai, từ
cửa sổ nhà tôi nhìn qua
con kênh cạn dòng mưa
này, nơi Lệ đang ở chỉ
cách chung mười thước
đường chim bay. Sau lần
gặp gỡ trò chuyện có đồng
anh em văn nghệ như
họa sĩ Dương Ngọc Sum,
anh Trần Ngọc, và thỉnh
thoảng trong một ngày vài
người bạn ghé vào rồi đi,
và một lần khác có Nguyễn
Lương Vy, thì mỗi ngày Lệ
vẫn gọi tôi một email chào
và chúc lành buổi sáng. Lệ
đề thương ở chỗ đó, ngồi
một mình vẫn nghĩ đến
bạn bè gần xa. Kèm theo
những lời chúc lành, mỗi
ngày Lệ gọi một bài thơ.
Thơ Lệ, như Ôn Mâm Giác
lúc còn sống nói: "Thơ Lệ
lúc nào cũng buồn!", dù
trong lời tựa của tập thơ
mới nhất "Mở Trong Bông
Chiều", Lệ vẫn một mực
không khẳng thơ mình
"không buồn, không vui.
Chỉ lặng lẽ như một ngày
trôi qua"

"Ngày hôm nay không mưa.
Ngày hôm nay không nắng.
Trời hình như rất nặng, chầm
mây về rất gần. Ngày hôm
nay, mưa Xuân mà sao buồn
chỉ lạ, còn hai tháng nữa Hạ,
còn năm tháng nữa Thu. Gió
nhè nhẹ, vì vu. Lộc non từ từ
nở. Trời hình như không nhớ
bảy giờ đã quá Giêng?"

Còn những mỗi tình riêng
nhân ngày buồn thỏ thẻ.
Tiếng những con chim sẽ
nhỏ hơn tiếng gió bay... Ôi
một ngày một ngày. Hai bàn
tay nắm chặt, tôi sợ mình
rơi mất những ngày Tết dễ
thương. Tôi thấy hình như
sương vừa sa sa ngoài ngõ.
Tôi ngo ra bờ cỏ, cỏ cui đầu
chào cá?

Ngày hôm nay bảy bảy bài
thơ tôi nước mắt, nuốt đi em
vị ngọt, nuốt giùm tôi xót
xa... Ngày hôm nay sẽ qua.
Sẽ qua hay sẽ vậy? Ai về
đấy nhìn thấy, nói giùm tôi
thời gian..."
(ÔI MỘT NGÀY MỘT NGÀY
- Trần Văn Lệ)

Một ngày của Lệ, là một đời
Thơ trum kín sương khơi quê
nhà, thơ vì thế như chài ruợu
có tuổi đã gần trăm năm
"bật nút", trào ực tâm sự.
Không phải khi không Thơ
bật nút
Mà vì tâm sự khó bao che

Thương nhà, nhớ nước, ai
không vậy?
Muôn dặm đường đi, một
chỗ về
(TRẦN VĂN LỆ)

Nói nhớ Đà Lạt, một cõi
quê nhà sương khói loáng
thoảng cuối chầm mây, nơi
ấp ủ hình bóng của đàn em
thơ học trò áo trắng, bảy giờ
đã qua mấy bận đòi dấu
biến, tự vấn Thấy còn gì và
cái em còn lại gì?

"Nhìn các em ngồi đó, một
góc sân trường xưa, thương
quá thời nắng gió, nhớ quá
chiều, sáng mưa... Đà Lạt,
các em ở. Đà Lạt, Thấy bỏ
đi. Các em thì vẫn nhỏ như
vàng trắng núi kia... Đà Lạt
các em ở, «anh biết nhè bầu
trời, ngược lên nhìn nói nhớ"
Thấy là áng mây trời... (Trần
Văn Lệ)

Mây trời, Thấy về đâu, nếu
không phải giờ này Lệ đang
cò độc lăm lăm trên "Những
con đường thăm thẳm «
rách tung trang thơ. Những
tình sâu nghĩa nặng lằng
lằng dùm, giọt mưa!".
Trong trường hợp này, thơ Lệ
không là lời bội bạc, bóng
cho ta hình dung ra những
tiếng thét gào cạy đá,
nghe ngáo, "giọt mưa"
tượng hình nước mắt:
Tôi làm thơ, một cách buồn.

tôi nói, có bài nào mưa gió
chẳng lẽ thế?
(MỞ TRONG BÔNG CHIỀU -
Trần Văn Lệ)

Hay
"Đôi lúc làm thơ mà muốn
khóc. Ném vào chữ nghĩa
trái tim đau..."
(TIẾN ĐÌNH TẠC DẠ - Trần
Văn Lệ)

Thơ của Lệ cũng là thơ cho
những tình nhân không biết,
dung nhan tình yêu trong
thơ Lệ chỉ là hương sắc hoa
nhụy, ong, bướm lang thang
tình cò bay vào đậu trong
tâm hồn, rồi bất chợt tạo
thành những ám vọng cùng
bạc ngàn nga với trời đất.
Người con gái nhấm tình của
Lệ bao giờ cũng đến muộn,
sau tất cả:
Lại một mùa Xuân nữa đến
rồi, ngoài sân hoa nở, nắng
thơm ơi! Chưa ai xông đất
nhưng bảy, bướm, không hẹn
mà về vui quá vui!

Đến muộn, nghĩa là không
đến, hay cũng có thể là đã
ngấm ngụ trị trong tâm hồn
người thơ. Đối tượng tình yêu
và người yêu trong thơ Lệ
là hình ảnh luôn bằng bạc
cỏ, bởi hình như trong tất cả
ngắm bài, Lệ đều nhắc đến
một nhấm tình với tên gọi
thiết tha, gần gũi, «a «a

tếp theo trang 14

bên núi nước sôi nên
đôi má của các chị lúc
nào cũng ửng hồng.
Tôi nghĩ hoặc đến cái
xứ Quảng nghèo nàn
nhưng gặp quá nhiều
khốn khó này. Hạnh
phúc thường hiếm hoi
và ngần ngại nhưng
tôi họa lại hay chọn
nơi này để đến và ở lại
rất lâu. Phải chỉ ngày
xưa ông bà chúng tôi
đi thẳng vào Sài Gòn,
Cần Thơ, Sóc Trăng,
Bạc Liêu thì hay biết
bao nhiêu. Dừng lại
bên kia đèo Hải Vân
làm chi. Sáu thế kỷ
trôi qua, bao nhiêu
thế hệ đã sống và đã
chết trên vùng đất định
mệnh đó.

Đó chỉ là vài trong vô
số kỷ niệm của tôi về
một quê hương trong
kỷ ức. Nhưng nếu quê
hương chỉ là những gì
trong kỷ ức thôi, thật là
buồn tẻ, khô khan và
giới hạn. Tôi có thể viết
cả cuốn sách về tuổi
thơ và quê hương trong
kỷ ức nhưng rồi để làm
gì. Kỷ ức không chết
khi nào con người còn
sống nhưng kỷ ức chỉ
là quá khứ không thay
đổi, không cũ đi và
cũng chẳng mới hơn.
Kỷ ức là chất nhựa,
sức bật cần thiết để
con người từ đó vươn
lên chứ không phải từ
đó dứng lại. Phải sống
trong hy vọng vào một

ngày mai. Nhưng hy
vọng chưa đủ, phải
hoạt động tích cực để
hy vọng trở thành sự
thật.

Câu chuyện của
chuyên viên ngân
hàng Andy Dufresne
trong phim The Shaw-
shank Redemption
là một lời khuyên tốt.
Andy Dufresne, nhân
vật chính trong phim
bị kết án hai bản án
chung thân về tội giết
người mà anh không
gây ra. Oan ức nhưng
anh không «xem đồ như
số phận an bài. Andy
dành gần 19 năm để
khoét một đường hầm
chỉ lớn đủ cho một
người chui qua bức
tường dày của nhà tù
bằng chiếc búa rất
nhỏ thường dùng để
đục đẽo những con cò
bằng đá. Không giống
như các bạn tù khác ở
tù lâu năm nên nhận
thư của họ bị cơ chế
hóa, Andy sống trong
hy vọng và đeo đuổi
ước mơ mà anh hằng
đêm thù dặt như có
lắm anh ta nói với Red,
một người bạn tù "Hy
vọng, có thể không
phải là điều tốt nhất,
nhưng là điều tốt và
trước nay chưa có điều
tốt lành nào chết đi." Mơ
ước của Andy là
được đến Zihuatamejco,
Mexico, một vùng
biển anh ta chưa bao

giờ đặt chân đến, để
sống một cách tự do
cho đến hết đời mình
vì, như anh đọc đâu
đó, miền đất ấm đó là
nơi không giữ một dấu
vết nào của quá khứ.
Mỗi ngày Andy đục
một chút vào trên vách
tường, bỏ vào túi quần
và rải xuống đất khi đi
bộ trong sân nhà tù.
Cuối cùng, sau gần 19
năm, anh đục xuyên
bức tường dày và vượt
ngục thành công.

Trong thời gian chính
phủ Nam Hàn hiện đại
hóa thủ đô Seoul bắt
đầu từ thập niên 1970,
rất nhiều cơ sở thương
mại phải bị dời đi,
nhiều tòa nhà bị phá
hủy, ngay cả nhiều
cảnh đẹp dọc dòng
sông Hán cũng bị thay
đổi nhường chỗ cho
các con đập lớn, đại
lộ, đường xe điện cắt
ngang qua thành phố.
Dòng sông Hán từ triều
đại Baekje trước công
nguyên đã gần đã
liên với lịch sử và đời
sống người dân Triều
Tiên. Không phải ai
cũng đồng ý. Nhiều nơi
trong thành phố dân
chúng biểu tình phản
đối. Chính phủ Nam
Hàn không thay đổi
quyết định mặc dù đã
xây thêm một số công
viên để người dân giải
trí. Thủ đô Seoul từ một
thành phố gần như

một đồng gạch vụn
sau bốn lần bị đối chủ
trong chiến tranh Triều
Tiên với gần hai trăm
ngàn tòa nhà bị san
bằng và hơn một triệu
người không nơi nương
tựa, đã vượt qua kỳ ức
đau thương, tang tóc
để đạt đến một quê
hương ngoài kỳ ức tự
dọ, dân chủ, phồn vinh
hiện đại như hôm nay.
Những người phản
đối chỉ vì họ sợ mất
đi hình ảnh quá khứ
mà họ trân quý nhưng
đồng thời họ chưa hình
dung được quê hương
ngày mai sẽ đẹp đến
mức nào. Giới lãnh
đạo Nam Hàn, những
người có tầm nhìn xa,
biết rằng hiện đại hóa
đất nước phải bắt đầu
từ thủ đô Seoul. Kết
quả, Seoul được phép
tổ chức Olympics 1988
và người dân Nam
Hàn hành diện về các
công trình xây dựng,
các kiến trúc tân kỳ,
hiện đại của thủ đô họ.

Hai câu chuyện nhỏ,
một hư cấu và một thực
tế, cho thấy quá trình
chuyển hóa giữa quá
khứ, hiện tại và tương
lai trong con người
quan trọng đến dường
nào. Đó là một chuỗi
các chọn lựa cam đảm
bắt đầu từ mỗi con
người cho đến phạm vi
toàn đất nước. Tôi thật
sự tin, con người và cả

dân tộc Việt Nam cũng
thế, hơn bao giờ hết,
phải chọn lựa giữa tiếp
tục đi trên một lối mòn
của số phận hay vượt
qua quá khứ, hành
động cho tương lai để
sải cánh vào bầu trời
tự do của văn minh
nhân loại.

Ba mươi sáu năm
trước, ngồi trước chén
bơ bơ, tô nước muối
khua lòng, đĩa rau
muống luộc, niêm cao
ước của mỗi người
dân là thấy được chén
com ngon, một tô canh
ngọt, một đĩa thịt thơm.
Nhưng ngày nay, giữa
thời đại con người
đang du lịch cùng
trăng, nếu vẫn tiếp
tục mơ một chén com
trắng, tô canh ngọt,
đĩa thịt thơm, làm sao
đất nước sẽ đuổi kịp
đà tiến văn minh?

Ba mươi sáu năm
trước, Việt Nam là một
quốc gia cô lập từ thế
giới, tiếng động nửa
khuya là tiếng động
của xích kiềng, ánh
sáng le lói trong căn
nhà tranh được thắp
lên từ que diêm cuối
cùng trong đêm dài
lịch sử, mơ ước của
người dân là được
sống bình an dù bình
an trong cơ chế, được
«xem phim ảnh dù đã

tếp theo trang 14



NGÀY, GIA ĐÌNH 20.3

GIA ĐÌNH, NƠI ẮN NẤU CUỐI CÙNG ĐÃ TAN VỠ BỞI BẠO LỰC

NGÂN HÀ
www.tgkd.mothegioi.vn

Bạn tôi hỏi Ngày Gia đình năm nay, bạn tính làm gì?
Tôi chưa kịp nghĩ, mãi lo đọc net và 7000 đứa trẻ
chết mỗi năm ở nước này khiến tôi kinh hãi hơn khi
nghĩ đến cánh phải đóng cửa gia đình.



Ảnh: LÊ VĂN HUNG

Hôm nay cả trong số chúng ta đâu lòng khi nghe tin cháu Đỗ Doãn Lộc, 8 tuổi, bị cha đẻ dùng thanh gươm giường đánh trọng thương đã qua đời trong bệnh viện? Trước đó, cháu đã từng bị đánh dã man như thế mà không em em thiệp.

Và em bé ấy có phải chỉ là một đơn vị trong 7000 hay nó đã được nhấm lên ở các con số hàng trăm, hàng ngàn...?

Không chỉ tại nạn, bệnh tật khiến đứa trẻ qua đời trong oan ức, bạo hành gia đình dẫn đến những cái chết tức tưởi cho những sinh linh bé nhỏ, và con người, nếu còn chút lương tâm, sẽ biết cái phần thù trong mình nó tìm bạo cô nào. Loài người đã trở về

bản năng động vật hoang dã?

Là lúc con người nóng giận, tổn thương vì đã từng bị chà đạp... họ phải trút xuống một kẻ yếu hơn? Không may, đứa con, vốn đã bị đẻ nên trong tầng tầng lớp lớp trầm tích của những quan niệm sô hủ, thuộc về cha mẹ nó, đã trở thành nạn nhân đầu tiên. Nếu như ngày trước một đứa trẻ nghe câu: "nếu tao biết mày cái lời như vậy tao đã bóp mũi cho mày chết lúc mày ra đời". Và người làm cha mẹ nói câu đó như một lời... như không, cho rằng nó vô hại vì điều đó là lẽ đương nhiên. Trong một xã hội mà đứa con không được xem như một thực thể con người được tôn trọng, chỉ là vật sô hủ của cha mẹ nó, ngày lập tức, người

ta có thể sử dụng nó như một công cụ để sai khiến, và đập chết nó khi cần thiết. "đập chết", cảm hiểu theo nghĩa rộng hơn, đó là sự cấm đoán, áp đặt, giết chết mọi mơ ước và khát vọng cũng như những nhu cầu thiết yếu của một đứa con - đang là vật sô hủ của người lớn.

Nhưng tại sao điều này, ở những nước nghèo đói và chậm phát triển lại nhiều hơn những nước khác- nơi mà quyền con người được lấy làm hiến pháp?

Đọc trong bài Diễn văn Gettysburg của Tổng Thống Hoa Kỳ Abraham Lincoln, có đoạn: "một quốc gia mới, được thai nghén trong tự do", tôi tự hỏi, tại sao tất cả những ông bố, bà mẹ khi tạo ra

một đứa trẻ, không thai nghén nó trong tự do? không cho nó cái tự do được sinh ra mà cho rằng nó được sinh ra nhờ mình, ắt nó phải phụ thuộc vào mình và cuối cùng nó phải là "tài sản" của mình, để mình sử dụng, đánh đập, hành hạ, hiếp đáp và giết chết mọi ý thức làm một con người có quyền bình đẳng từ trong trứng nước.

Người bạn tôi làm công tác xã hội, hoạt động chủ yếu của cô là hỗ trợ kiến thức cho các bà mẹ ông bố nuôi con, trong đó thời giáo là phần việc quan trọng để tạo ra một đứa trẻ hoàn chỉnh về thể xác và tinh thần. Nhưng dấu cho những bài thời giáo ấy có cảm động và ý nghĩa thế nào, tôi vẫn thấy thiếu hẳn những bài

cả, lời hát ru dạy cho con người ý thức về tự do của mình, sống thế nào để vượt lên một đời sống nó lệ vào kẻ khác.

Cho nên, khi đứa trẻ sinh ra đời, một sinh linh yếu đuối đã bị đón hén ngay từ lúc người lớn âm bóng nó, chăm sóc nó, dạy dỗ nó và cho cái quyền cai quản cuộc đời nó. Hậu quả là nếu nó không chết trong tay cha mẹ nó, nó cũng chết trong tay những kẻ mạnh khác giữa đời sống mà bạo lực đồng hành với thế quyền để rất nhiều kẻ nó lệ phải chấp nhận cuộc đời mình trong tay những kẻ khác

NGÂN HÀ

"Em!", và chỉ có "Em" thôi! Bởi một ngày còn yêu, Lê còn làm thơ, những câu thơ dễ thương như "tình vừa mới cấm" trên môi:

"Tâm nhang, Rụng, Rã, Rời, Gió bay vào tim phổi. Tôi nói như tôi trôi: yêu Em và yêu Em!"
(MÙA MÙA ĐÔNG - Trần Văn Lê).

Buổi sáng hôm nay ngời nhăm nhĩ tách cà phê lạt và đọc thơ Lê gói, thơ từng ngày kéo tôi mãi miết theo, rong ruổi trên những con đường xa tất tậm nơi góc khuất quê nhà bất giác, lung linh hiện rục rở một vùng kỷ ức hình ảnh của mái trường rêu phong, những mái tóc mượt con gái hồn nhiên sẫm trường áo trắng tinh khôi, tuổi họ hẹn của tình yêu

bạc đầu và tuổi xa người:
"Từ đó, em ơi, anh đã khóc.
Chia tay như vậy buồn ơi buồn.
Minh mong có buổi tay cầm chặt,
mà kẻ từ nay, thôi Cố Hương!"
(MÙA THU MÙA SUONG - Trần Văn Lê)

Song, thấp thoáng ó cỏi tình riêng tho mộng nào nếu có trong thơ của Lê, của đời biến đẫu, của buổi tha hương đất lạ, vẫn hiện bày một nỗi NHỚ tận cùng, linh lung giữa niềm cô độc vô biên. Nói nhớ QUÊ NHÀ:

Nửa thế kỷ rồi đó!
Dài ơi câu Tạm Thương!
Người ta mất Quê Hương
Ăn muối nghe chảnh ngọt.
(MỘT NGÀY CỦA TÔI)

TRẦN VĂN LÊ thơ thơ từng ngày

Thơ từng ngày của Lê, dù có hương sắc hoa bướm bay vào ngực, vẫn là tiếng thơ dài nào nùng:

"Có đêm tôi gặp người thiên cổ
Hỏi "chế sao người như khói sương?"
Người ấy đáp tôi qua nước mắt
"Ta mong về, thấy lại Quê Hương"
(NGƯỜI THIÊN CỔ - Trần Văn Lê)

Thơ từng ngày của Lê, dù tám toan đêm hoa bướm chao lượn về, làm dáng, vẫn là tiếng lòng buồn rục một nỗi nhớ nhung, như Ôn Mãn Giác nói: "thơ Trần Văn Lê là nước mắt!"

Thời thì khóc được, khóc cho vui
một gánh quơm sơm xa mất rồi
một chút tình mơn Em đi biệt
con lại thơ tôi khóc với đời
(**UYÊN NGUYỄN**)

MÙA XUÂN TRÊN QUÊ HƯƠNG NGOÀI KÝ ỨC

được kiểm tra từng chi tiết, được hát một bài tình ca dù đã được chọn lọc kỹ càng. Nhưng ngày nay, ngoài trừ các nhóm thổ dân trong thung lũng Javari vùng Amazon, Brazil và năm nước Cộng Sản còn sót lại, phần lớn nhân loại đang bước vào thời kỳ văn minh mới, trong đó ngay cả các khái niệm dân chủ pháp trị cũng đang bị xem là lạc hậu, nếu người dân Việt Nam bằng lòng được sống bình an trong cơ chế, được xem phim ảnh dù đã được kiểm tra từng chi tiết, được hát một bài tình ca dù đã được chọn lọc kỹ càng, dân tộc này sẽ đi lùi cho đến bao sâu?

Từ nhiều năm qua, hàng loạt người Việt

Nam đã ý thức các hiểm họa dân tộc lạc hậu đồ và lên đường dấn thân cho một Việt Nam mới. Phần lớn còn rất trẻ. Một số hy sinh, một số đang ở trong tù, và một số còn đang tranh đấu. Tình yêu nước trong tâm hồn họ vô cùng trong sáng. Nếu ai hỏi họ tranh đấu để được gì, tôi tin, câu trả lời chắc chắn không phải được gì cho bản thân họ. Nếu muốn thăng tiến trên con đường danh lợi cho bản thân, những bạn trẻ đó có thừa điều kiện để leo nhanh lên nấc thang xã hội hơn mà nhiều người đang chen lấn để leo. Nhưng các bạn chọn con đường khác, khó khăn nhiều nhưng cũng rất vinh quang, con đường đi dựng mùa xuân dân tộc.

Mùa xuân trên quê hương ngoài kỷ ức mà nhiều người Việt Nam yêu nước đang theo đuổi sẽ không có từ chính trị, không có đấu tranh giai cấp, không có tuổi thơ lầy lết ảm xim trên các vỉa hè, không có những em bé cất tiếng khóc chào đời trong thùng rác, không có các em học sinh mỗi ngày hai bận phải bơi qua sông đi học, không có các thiếu nữ Việt Nam trần truồng sắp hàng để được các ông Đài Loan, Hàn Quốc mua như mua thịt ngoài chợ, không có những ngư dân bị bán chết chỉ vì đi đánh cá trên vùng biển của tổ tiên để lại. Giòng sông quê hương trong ý thức của họ là dòng sông của tình người và tình dân tộc trong xam xui mát. Bài hát họ mơ học sinh Việt Nam sẽ hát mỗi ngày bắt đầu bằng lòng kính nhớ đến ơn đức tổ tiên, công ơn cha mẹ, tình thương yêu dành cho đồng bào ruột thịt và kết thúc bằng ý chí vươn lên sánh ngang vai cùng thời đại con người đang không ngừng đổi mới.

Mùa xuân trên quê hương ngoài kỷ ức là một Việt Nam dân chủ hiện đại với các trường

đại học tiêu chuẩn quốc tế, với các hạm đội hải quân trang bị tận răng mang tên Ngô Quyền, Trần Hưng Đạo, Hàm Tử, Bạch Đằng, Vạn Kiếp, với những binh đoàn, phi đoàn trang bị vũ khí tối tân mang tên Chi Lăng, Đống Đa, Nhật Tảo, với những công ty kỹ thuật, những nhà máy công nghiệp, nông nghiệp cao cấp cạnh tranh ngang ngửa với các công ty Nam Hàn, Đài Loan, Nhật Bản. Từ hăm mớ cho đến ruộng đồng, từ xa lộ thành thang đến sông dài, biển rộng, từ thôn làng xã ấp xa xôi cho đến chính phủ trung ương, tất cả nối liền nhau như những mạch sống trong cùng một cơ thể Việt Nam tự do, khỏe mạnh và cường tráng.

Con đường những người đang đi tìm một quê hương ngoài kỷ ức hôm nay, dù sao, còn khá ít bởi vì giai đoạn từ kiến thức chuyên sang nhận thức trước khi dấn tới hành động cụ thể vẫn còn là những chiếc cầu dài. Ngoài ra, không ít người Việt còn đang bị cơ chế hóa và số khác không đủ can đảm tự chặt đi một cánh tay làm lối của chính

minh. Nhưng không giống như các bạn tù của Andy Dufresne trong phim The Shawshank Redemption, các thế hệ Việt Nam sẽ lần lượt đứng lên như đã chứng minh nhiều lần trong suốt dòng lịch sử Việt Nam.

Nguyễn Trãi đã từng than "tuần kiệt như sao buổi sớm, nhân tài như lá mùa thu" để nói lên cảnh khô khan trong giai đoạn Lê Lợi mới dậy binh từ núi rừng Lam Sơn, Thanh Hóa. Nhưng trận đánh đầu tiên là những lần thất bại. Từ năm 1418 đến năm 1422, quân khởi nghĩa phải ba lần phải rút lên núi Chí Linh, giết ngựa, hái rau, luộc măng, đào củ chuối mà ăn. Nhiều trận đánh thua, quân tướng mỗi người mỗi ngã và có lần nhóm quân của Lê Lợi tan tác chỉ còn mỗi một mình ngài. Nhưng cũng từ đó, lớp lớp người dân, anh hùng hào kiệt từ khắp nơi về tụ hội dưới ngọn cờ chính nghĩa. Ý chí tự chủ dân tộc như ngọn lửa thiêng lại bùng cháy lên trong mỗi trái tim, trong mỗi tâm hồn Việt Nam để rồi 5 năm sau, ngày 20 tháng 9 năm 1427, chém đầu danh tướng nhà Minh là An Viễn



Ảnh: KHANG DUONG

TRẦN
TRUNG
ĐẠO

Đêm Ngồi Nghe Tiếng Chim Trên Biển

Hầu Liêu Thưởng tại
Mã Yên, giành lại chủ
quyền độc lập như
Nguyễn Trãi khẳng
định trong Bình Ngô
Đại Cáo "Ngàn năm
vết nhục nhả sạch lâu,
muôn thuở nền thái
bình vững chắc".

Mưa xuân trên quê
huang ngoại kỳ ức sẽ
đến nếu mỗi chúng ta
biết hy sinh một ít công
sức cho công cuộc vận
động tự do dân chủ
đang chuyển mình
trên đất nước hôm nay.
Như một lần kẻ viết bài
này đã viết, ba mươi
sáu năm là một quãng
đường dài, chúng ta
đã hơn một lần trẻ hèn
vội non sông, nhưng
không phải vì thế mà
không còn cơ hội nào
khác. Cơ hội vẫn còn
đó nếu chúng ta biết
đoàn kết, thấy được
hướng đi chung của
dân tộc và thời đại.
Chúng ta có nhiều quá
khứ nhưng đất nước
chỉ có một tương lai,
đó là tương lai tự do,
dân chủ, nhân bản
và khai phóng cho
những cá, sau những
điều tàn đổ vỡ, còn
biết nhận ra nhau, còn
biết yêu thương mảnh
đất thiêng liêng, vinh
quang và thống khổ
Việt Nam.

TRẦN TRUNG ĐẠO

Đêm ngồi nghe tiếng chim trên biển
Chợt nhớ ngày ra cửa Vũng Tàu
Một cánh chim chiều theo đưa tiễn
Vô tình ... cùng thấy một xa đau

Đùng theo, chim nhỏ, đùng theo nữa
Rối sẽ như ta lạc lối về
Ta như ngựa bỏ đời hoang dã
Quay nhìn mờ mịt dấu sơn khê

Từ nay cánh hạt vàng xa khuất
Chấm trời kỷ niệm trắng menh mông
Xung quanh chỉ một màu mây nước
Cách một trùng dương, vạm nổi lòng

Bóng dung ta mộng làm mây trắng
Rớt xuống quê hương những giọt sầu
Đêm nay mẹ có ngồi tham khóc
Nước mắt xin làm mây trắng bay

Đêm ngồi nghe tiếng chim trên biển
Như tiếng thu xưa thổi lá vàng
Lòng ta mấy độ vàng như lá
Từ buổi xa người trên bến sông

Ở đây ta sống đời khinh bạc
Sớm tối đi về một cõi riêng
Cả một sơn hà ta nở bỏ
Sá gì chỉ một trái tim em ...





LỜI 'CÒM' MẸ VIẾT BÊN LỀ 'PHÂY' CON

NGUYỄN THUY HÀ
www.tgkda.mothegioi.vn

Ảnh: LÊ VĂN HÙNG

Đã đôi lần mình nghe vài bực trên Facebook cảm râm về việc con cái không chịu cho cha mẹ vào friend list. Con trai mình cũng vậy, ngay từ đầu đã tỏ ý không muốn mẹ làm friend - mình đã hụt hẫng, rồi đành lo...

Đã đôi lần mình nghe vài bực trên Facebook cảm râm về việc con cái không chịu cho cha mẹ vào friend list. Con trai mình cũng vậy, ngay từ đầu đã tỏ ý không muốn mẹ làm friend - mình đã hụt hẫng, rồi đành lo (chớ biết làm sao) trong khi một số anh em, cô chú... thì lần lượt được là friend của nó, ừ không?

Ngậm ngùi dõi theo con từ bên ngoài Facebook... Ảnh: Thiên Lân

Ngậm ngùi dõi theo con từ bên ngoài Facebook...

Nhưng khi bình tâm, tự đáy lòng mình lại có suy nghĩ: lúc mình ở tuổi đó (tuổi mới lớn đến mười tám đôi mươi) - thì mình cũng như nó! Ở cái tuổi bắt đầu "có những niềm riêng làm sao nói hết", mình cũng chẳng sướng gì nếu cứ phải oang oang nói hết với sự có mặt (thường xuyên) của mẹ, của cha.

Mình vẫn nhớ cảm giác tức nghẹn ở cổ hồi 16 tuổi khi bị mẹ bắt "quả tang" chuyện "yêu đương vớ vẩn" mà mình thổ lộ tí mĩ trong quyển nhật ký màu xanh giấu nơi kẹt tủ. Sau đó, dù không thêm viết nhật ký nữa nhưng mỗi "yêu đương vớ vẩn" đó vẫn tồn tại, muốn thổ lộ quên sự quặt mo thì tâm với

bạn thân hoặc với chị sinh viên ở trọ nhà mình.

Giờ thì mình đã hoàn toàn thông cảm với mẹ ngày ấy khi biết nói thêm muốn được add friend với con là như thế nào! Bởi Facebook ở góc độ nào đó cũng tựa như cuốn nhật ký màu xanh; dù công khai hơn chứ không còn giấu trong kẹt tủ, nó vẫn là khoảng trời riêng với những ai thấy cần... Nó thoải mái sự bày tỏ và sẻ chia mà con cái tuổi mới lớn đôi khi bộc lộ với người thân bạn bè vẫn thoải mái hơn với mẹ với cha.

Hôm nay xi xôn anh này, em kia, ha ha lên một tràng, hôm khác chán đời ầm u ào nào hu hu lên một khúc... các friend xum vào còm ở á, phớt trò, an ủi... nhưng nếu

KIẾN THIẾT VĂN MINH PHẬT GIÁO VIỆT NAM

tất cả mọi nề văn minh khác, mọi gốc tôn giáo khác, rồi để biến mình trở thành một chính thể độc tài, một tôn giáo độc tôn. Vì hành động như vậy là phạm lại tinh thần văn minh Phật: điểm này đã được Phật Giáo Việt chúng minh, qua Triều Lý với chủ trương Tam Giáo Đồng Lưu, để vừa phát huy tinh thần Phật, vừa giúp đỡ ngoại đạo, hồng cùng sống và giúp tiến, theo luật Nhân Quả Biện Chứng, nghĩa là 'không có Cái Này thì chẳng có Cái Kia; cũng như Cái Này có thì Cái Kia cũng có; cả hai', 'Cái Này và Cái Kia đều hỗ tương nhau mà sinh sinh hóa hóa'. Chính vì lẽ sống còn cùng nhau đó mà chính quyền nhà Lý, tuy mang danh là chính quyền của Phật Giáo do Phật Giáo tạo nên, bởi bàn tay của các vị Thượng Tọa nhưng trên thực tế vẫn là chính quyền của toàn dân. Cho nên có thể nói sự phồn thịnh của Nho Giáo, từ nhà Trần về sau, cũng bắt nguồn từ nhà Lý vậy. Vì chính Phật Giáo Triều Lý đã khởi xướng nên việc xây Văn Miếu thời đức Khổng Tử, học hình Thất Thập Nhị Hiên, và mở khoa thi Tam Giáo. Rồi cũng chính Phật Giáo Lý - Trần đã khai sinh ra

vị Trưng Nguyên đầu tiên của nước Việt, là Nguyễn Văn Thịnh, dù ông này sau có phạm tội phản quốc mà nhà Lý cũng không nỡ khép vào tử tội.

c) Xây dựng văn minh Phật lại cũng không phải là việc cất nên nhiều chùa chiền, bầy ra nhiều lễ nghi để mê hoặc nhân tâm, để rồi biến đạo Phật thành một thứ tôn giáo, như mọi tôn giáo từ mị đã thấy trong xã hội loài người. Sau hết, dù Phật giáo cũng chia rẽ hai ngả Đạo và Đồi, dù Phật Giáo cũng đã mang ít nhiều hình thức của một tôn giáo, nhưng đó chỉ là một khía cạnh hay là một phương tiện để dẫn dụ người ta đi tới chỗ giác ngộ giáo lý thôi.

Để chứng minh cho những nhận xét trên, lịch sử Phật Giáo cũng đã có ghi những sự việc, như chuyện một vị sư Trung Hoa khi đắc đạo đã đem chế tượng Phật trong chùa ra dùng làm cùi đun bếp rồi lý luận rằng: 'Khi chưa giác ngộ đạo thì phải lấy tượng Phật làm tượng trung; còn khi đã giác ngộ rồi thì Phật ở trong lòng mình, đâu còn ở pho tượng gỗ kia nữa mà không bỏ đi?'

Xây dựng văn minh

Phật là giác ngộ Phật tỉnh ở ngay trong lòng mình, để xây dựng một lý tưởng. Trong xã hội lý tưởng đó, con người làm chủ lấy mình, và làm chủ cả vũ trụ, không có ai làm chủ loài người hết, Phật cũng không còn cấm cửu độ ai nữa: Chúng sanh đã biết tự cứu lấy mình, theo phương châm chỉ đạo của Phật, hay của bất cứ một phương tiện nào khác, miễn sao con người có thể đạt tới chân ý nghĩa của nền văn minh Phật Giáo.

3. XÃ HỘI LÝ TƯỞNG VĂN MINH PHẬT

Ở hai phần trên đã thấy rõ quan niệm về một nền văn minh đúng nghĩa và về một chủ trương Kiến Thiết Văn Minh Phật Giáo, để sau này có thể ý thức rõ xã hội lý tưởng văn minh Phật mà nhân loại phải đi tới.

a) Giác ngộ lập trường người để tranh đấu với vũ trụ, hầu giải thoát cho con người khỏi khổ não bởi tự nhiên, đồng thời biến cái và lợi dụng những luật tắc của tự nhiên để giúp ích cho đời sống người, đó là chủ trương của Phật Giáo để giải cho con người thoát kiếp luân hồi theo về ngã

Đạo. Nhưng cũng còn là chủ trương đem bộ óc và bàn tay của con người vào việc chinh phục vũ trụ ở ngã Đồi, như các nhà khoa học đang tiến tới. Vì chỉ có phương pháp tranh đấu với vũ trụ để giải thoát cho con người khỏi bị thiên nhiên chi phối như thế mới giúp cho con người tiến tới cõi hạnh phúc. Điều đáng tiếc hận cho nhân loại từ trước tới nay là không mang sự giác ngộ tư tưởng, không đem phát minh khoa học ra chinh phục vũ trụ, giúp ích cho đời sống con người mà chỉ nghĩ tới việc tiêu diệt lẫn nhau để sống một cách tối vô nhân đạo. Nên để noi theo công việc khám phá vũ trụ để tìm tới Ba nghìn nghìn thế giới của chư Phật, mãi đến nay nhân loại mới toan tính đến công cuộc chinh phục không gian và tìm cách lên nguyệt cầu. Như vậy quả là Đức Phật đi trước nhân loại về quan niệm chinh phục vũ trụ kể từ 2500 năm về trước, và không biết bao nhiêu năm về mai hậu nữa. Chúng ta tự hỏi, có lý thuyết nào, có tôn giáo nào thấy trước và thấy rõ, thấy đúng như Đức Phật để đặt mình ngang với Ngài chăng? Chính vì chủ trương giác ngộ của con người

để chinh phục vũ trụ, giải thoát nhân sinh, mà người ta quyết nghĩ rằng: Đạo Phật là khoa học tối cao về cả hai mặt viên kiến và thực chứng. Đối với người Phật Giáo Việt ta hiện nay tuy chưa tiến bộ bằng người về khoa học chinh phục không gian, nhưng với sự giác ngộ tinh thần Nhân Chủ để xây dựng một nền triết học Duy Nhân tương như thế cũng đủ hơn người trong cuộc chiến tranh ý thức hệ Duy Tâm và Duy Vật hiện tại rồi.

Chỉ có nền triết học Duy Nhân mới đưa con người thoát khỏi những cớ tri của hai ý thức hệ Tâm-Vật, hầu mang lại hòa bình hạnh phúc cho nhân loại mà thôi.

b) Giác ngộ lập trường dân tộc để hỗ tương sinh hoạt xã hội:

Mỗi dân tộc có một nguồn gốc khác nhau, màu da, tiếng nói khác nhau. Cũng như mọi tư tưởng phát sinh cũng do chỗ khác biệt về hoàn cảnh đó mà biến thái. Nên khi chung sống với nhau thường phát sinh mâu thuẫn tư tưởng, kỳ thị nhau về chủng tộc, đánh giá trị nhau về trình độ tiến hóa hay lạc hậu, để rồi xâm lược nhau ở trên tất cả mọi địa hạt.

tiếp theo trang 40

với cha mẹ thì hẳn không đơn giản vậy, thấy con bất thường thì có thể sẽ inbox "tại sao?", sẽ điện thoại "thế nào?", sẽ bị sấm soi lúc vào nhà ra ngõ... Đó là tâm lý tự nhiên (của những bà mẹ dốt ẹc như mình) làm con nó ngại?

Nên thôi, mình đành ngậm ngùi dõi theo con từ bên ngoài Facebook, con lại là đứa ít nói (chỉ huyền thuyên khi thỉnh thoảng trúng đũa) nên đánh đoán nó buồn vui bằng cách của mình. Chẳng hạn xem cái cách ăn cơm của nó: bỏ bữa, ăn vội ăn vàng hay nhấm nháp thích thú...; xem cái kiểu nó kéo vòi nước tưới cây có đeo headphone hát rống lên hay im lìm

tự lự; xem nó có đảo qua bếp đồ thùng rác cho mẹ sau giờ cơm tối hay chỉ về phòng sập cửa. Và dễ thấy nhất là xem cái cách nó giốn đũa với em gái mỗi ngày, có chỉ cho é siết chặt làm em phát cáu hay quay vòng khiến con bé cười sặc sụa không thôi...

Rồi khi đoán con vui, mình sẽ dò la cho nó nói, nếu nó không muốn nói cũng chừa sao, vì mình biết nó vui. Khi đoán con buồn, mình cũng dò la cho nó kể, mà nó không muốn kể cũng... không sao luôn, vì mình đã biết nó buồn. Bởi cái rối cũng phải sống với nỗi buồn và lớn khôn cùng với nỗi buồn (cả những nỗi buồn không thể tỏ cùng ai...)

Bởi khi con cảm, mẹ có thể thức đêm viết giúp ngay một đường dây dẫn chuyện cho chương trình văn nghệ có bán vé của con, nhưng mọi buồn lo thành bại "đến phát khóc" về chương trình ấy từ khi con bắt tay thực hiện thì nó chỉ thuộc về con thôi. Mẹ sẵn sàng giúp con tự làm món spaghetti hay bánh chuối để ăn hoặc để con gây bất ngờ cho cô gái nào đó, nhưng rồi đây những rặng ngời hay khó đau mà cô gái đó dành cho con (cùng spaghetti bánh chuối của con) thì chỉ mình con thấu cảm, mình con xử lý.

Mẹ có thể luôn cố gắng để con cảm nhận sự đầy đủ của một gia đình bên

nhau... nhưng những khoảng trống không thể lấp đầy nếu vẫn có ở con thì mẹ không biết làm sao, con phải tự mình san lấp.

Và khi thỉnh thoảng con thấy cảm phải ha ha hay hu hu, thì con có Facebook đó hay tay mẹ đây nếu con muốn tựa vào (như hồi thơ bé).

Nhưng để đứng thẳng lên thì phải tự chinh con thôi, con trai nhỉ?

NGUYỄN THUY HÀ
(Thế giới Tiếp thị)



tiếp theo trang 2

ẢNH HƯỞNG CỦA VĂN HÓA TRUNG HOA

không biết tình cha con, không biết đạo vợ chồng," nên Nhâm Diên dạy dân Việt cưới hỏi theo lễ giáo. Lúc đó, người Việt còn sống trong các bộ tộc theo phong tục tập quán riêng, và có thể còn theo mẫu hệ. Khi phiên dịch bộ Quốc triều hình luật của nhà

Hậu Lê (1428-1527), giáo sư Nguyễn Ngọc Huy (1924-1990) cho rằng một trong những thay đổi quan trọng mà sự đô hộ của người Trung Hoa đã mang đến cho dân Việt là: "Về mặt phong tục, người Việt đã từ chế độ mẫu hệ bước sang chế độ phụ hệ. Cùng

với việc làm lễ cưới hỏi theo lối Trung Hoa, người Việt đã có họ và theo họ của người cha. Hầu hết các họ mà người Việt Nam còn dùng đến ngày nay đều là những họ của người Trung Hoa, nhưng đọc trại theo tiếng Hán Việt. Việc kế thừa và lãnh đạo

thì chuyển từ con gái sang con trai theo một diễn trình dài dặc. Sau cuộc khởi nghĩa của Hai Bà Trưng năm 39 thì đến Bà Triệu đứng lên lãnh đạo cuộc tranh đấu chống người Trung Hoa năm 248. Nhưng từ đó trở đi, các cuộc vận động độc lập đều do người đàn ông Việt cầm đầu. Vậy ta có thể báo rằng cho đến lúc Bà Triệu dấy binh, xã hội Việt hầu còn ít nhiều tính cách mẫu hệ, nhưng sau đó thì hoàn toàn chuyển qua phụ hệ." (2) Tập tục mẫu hệ tồn tại trong các bộ tộc miền núi Việt Nam cho đến những ngày gần đây. Khi chủ thích Hậu Hán thư của Phạm Việp, trong đoạn viết về cuộc khởi nghĩa Hai Bà Trưng, trích từ Lý Hiên (nhà Đường) đã

viết vào thế kỷ thứ 8: "...Giáo Chi thái thú Tô Định dĩ pháp thăng chi, Trắc oán nộ cố phạm..." (...Thái thú Giáo Chi là Tô Định dùng luật pháp trói buộc nên [bà] Trắc tức giận làm phạm...). (3a) Chữ "pháp" mà thái tử Hiên dùng không phải chỉ một nghĩa hẹp là "luật lệ", mà chữ "pháp" ở đây có thể hiểu rộng hơn như là pháp chế, tổ chức hành chính, chính trị, cũng như kinh tế, văn hóa, phong tục. Trong một đoạn nói về việc cai trị của Mã Viện sau khi đánh dẹp Hai Bà Trưng, Hậu Hán thư (quyển 54, tr. 747) chép: "Điều tấu Việt luật dư Hán luật bác giã thập dư sự." (Luật dân Việt và luật nhà Hán khác nhau đến hơn mười điều). (3b)



Ảnh: LÊ VĂN HƯNG

Tuy Hậu Hán thư viết nhẹ như thế, nhưng chỉ cần "hơn mười điều" đi ngược lại phong tục tập quán xã hội cũng đủ trở thành gông cùm trói buộc tự do của người Việt.

Thứ nhì, công việc "giáo hóa" là nghĩa của các thái thú, phó biến Nho giáo, một triết thuyết hô hào tư tưởng "trung quân," nhằm "dạy" cho dân có Việt trung thành với nền quân chủ, từ trung thành với vua Trung Hoa, và chấp nhận nền đô hộ của Trung Hoa.

Mục đích chính của những nhà đô hộ Trung Hoa trong việc áp đặt lễ nghi cưới hỏi Trung Hoa cho dân chúng có Việt, nhằm buộc người có Việt

phải vào hồ sơ hộ tịch địa phương khi thành hôn (mới được thừa nhận). Nhờ thế, nhà cầm quyền đô hộ nắm được tình hình an ninh, số hộ dân để dựa theo đó mà thu thuế.(4) An ninh và thuế khóa là mục đích hàng đầu của chế độ đô hộ bóc lột.

Công việc "giáo hóa" của hai thái thú trên, nhất là việc áp dụng tục lệ cưới hỏi theo lễ nghi Trung Hoa bị người Việt chống đối. Một tờ trình của Tiết Tống (Hsueh Tsung) vào năm 231 gởi cho triều đình Đông Ngô thời Tam quốc (213 - 280), cho rằng cho đến khi ông đến Giao Chi dưới thời Sĩ Nhiếp (thái thú 187-226), tức là sau mấy trăm năm đô hộ, ảnh hưởng văn

hóa Trung Hoa không đúng theo như các báo cáo trước đó; và người Giao Chi và Cửu Chân vẫn còn giữ tục lệ gia đình của họ.(5)

Thứ ba, "Diên bèn truyền đức các thứ điển khi dạy cho họ khẩn ruộng." Dựa vào câu này, các sách xưa cho rằng chính Nhâm Diên đã dạy cho dân Việt biết cách dùng lưỡi cày bằng sắt (điển khi) để cày ruộng. Người Trung Hoa tự hào là họ đã dạy dân Việt cày cấy, nhưng thử hỏi người Trung Hoa thời xưa sống ở châu thổ sông Hoàng (Hoàng hà), trồng (lúa) mì và (lúa) mạch ở ruộng khô, chưa biết lúa gạo ở ruộng nước, làm sao giỏi kỹ thuật trồng lúa gạo ở ruộng nước, hơn người Việt mà dạy người Việt?

Chính một bộ sách xưa của Trung Hoa, Giao Châu ngoại vực ký, (viết khoảng giữa đời Tấn (265-420), Trung Hoa) đã viết: "...Hỏi xưa, chưa có quận huyện, thì Lạc điển tùy theo thủy triều lên xuống mà cày cấy. Người cày ruộng ấy gọi là Lạc dân, người cai quản dân gọi là Lạc vương, người phó là Lạc tướng, đều có ấn bằng đồng và dải sắc xanh làm huy hiệu..."(6) Nói cách khác, "Hỏi xưa, chưa có quận huyện...", nghĩa là trước khi người Trung Hoa đến có Việt lập thành quận huyện, người Việt đã biết làm ruộng "lạc," "tùy theo thủy triều lên xuống mà cày cấy," tức là ruộng "lô" (lúa) hay ruộng lúa nước, tùy theo thủy triều.

Trong sách Ancient China (1967), tác giả Edward H. Schafer viết rằng: "Thuật trồng lúa gạo và thuần hóa gia súc chắc chắn [Trung Hoa] đã tiếp thu từ các sắc dân tầm thường ở miền nam xa xôi hẻo lánh [nam Mân]." (Nguyên văn: "The art of cultivating rice and domesticating cattle were doubtless adopted from the despised races of the remote south." (7a) Cũng tác giả này cho biết thêm rằng Đức Khổng Tử (551-478 TCN) "phải sống chủ yếu bằng loại bánh làm bằng kê" (nguyên văn: "...Confucius must have subsisted chiefly on millet cakes..."), (7b) Như thế, Khổng Tử sinh sống ở Sơn Đông,

tiếp theo trang 32



Sếp theo trang 9

MAY THAY SINH Ở NƯỚC NAM

Xuân, họ không tự ý lựa chọn xin gia nhập nước Trung Hoa! Đất đai của họ bị chiếm đóng và khai thác; dân chúng bị đồng hóa, bị nuốt vào trong bụng Trung Quốc; không khác gì người Mãn Châu và nhiều người Mông Cổ sau này. Nếu trước đây mười thế kỷ, được trung cầu ý kiến, tự do lựa chọn, thì không biết họ sẽ bỏ phiếu theo giải pháp nào? Họ sẽ chọn

làm dân một tỉnh của Trung Quốc hay muốn độc lập?

Lịch sử không phải là một cuộc thí nghiệm, có thể xóa đi bất kỳ xem nó sẽ ra sao. Nhưng chúng ta cũng biết trong lịch sử gần đây nhiều nhóm người Trung Hoa đã ra khỏi lục địa, sống ở những lãnh thổ nhỏ và riêng biệt. Họ vẫn giữ ngôn ngữ và văn hóa Trung Ho. Nhưng không thấy

cái muốn trở lại làm dân Trung Quốc. Như trường hợp dân Singapore và Đài Loan. Họ không muốn "nước họ" lại bị nhập vào nước Tàu. Một phần vì họ không thể chấp nhận sống dưới chế độ độc tài toàn trị. Một khác, có thể vì họ thấy làm dân một nước nhỏ mà vẫn ấm no hạnh phúc thì sướng hơn, không cần làm dân một đại cường quốc cho mệt. Giáo sư Benedict

Anderson kể chuyện có lần ông dạy một lớp về phong trào dân tộc (nationalism) ở Đại học Yale, ông yêu cầu các sinh viên cho biết họ thuộc dân tộc nào. Một sinh viên từ Singapore đến học đã phản đối khi bị gọi là người Tàu, anh ta giận dữ nói: "Tôi là người 'Singaporean.' Tôi phát chán vì cứ bị người Mỹ bảo tôi là người Tàu, tôi không phải người Tàu!"

Trong khi đó, có lẽ nhiều người Trung Hoa trong lục địa lại ước ao được di cư sống ở những nước nhỏ như Đài Loan và Singapore; hoặc chỉ cần sang ở Hồng Kông cũng đủ vui rồi! Nếu được tự do lựa chọn, biết đâu bây giờ người dân các tỉnh Quảng Đông có thể cũng muốn tái lập một quốc gia nhỏ gọi là nước Nam Việt, như cái tên

gọi thời ông Triệu Đà?

Quy tắc lựa chọn thuận lý

Trên đây chỉ là những thí dụ cá biệt, đơn lẻ. Muốn bàn cho rõ ràng, phải đặt lại một câu hỏi tổng quát cho các dân tộc bình thường: "Nếu được tự do lựa chọn, quý vị thấy nên chọn làm dân một nước to lớn, hay làm dân một nước nhỏ nhỏ?" Giả thiết vào các thế kỷ thứ 9, thứ 10, người Việt bàn nhau về vấn đề này, nếu suy nghĩ hoàn toàn dựa trên lý trí, phân tích lợi hại không thôi, tổ tiên chúng ta nên lựa chọn thế nào?

Để cho việc quyết định chọn "nước lớn, nước nhỏ" có tính chất khách quan, công bằng, phải giả thiết rằng trong hai quốc gia tưởng tượng này chỉ có diện tích đất đai



A&A KINH DOANH DOANH

và dân số lớn nhỏ khác nhau thôi. Còn các điều kiện khác, như lợi tức đầu người, chế độ chính trị, tài nguyên, địa thế, v.v.v.v, tất cả đều tương tự như nhau hết (quy tắc *ceteris paribus* khi nghiên cứu khoa học).

Với một câu hỏi (hoàn toàn lý thuyết) như vậy, chúng ta có thể phân tích lựa chọn này giống như một quyết định thuần lý trong kinh tế học. Thí dụ, khi đầu tư người ta phải cân nhắc các rủi ro so, so sánh với lợi nhuận, xem có đáng đầu tư hay không. Nhà đầu tư biết tương lai có nhiều điều "bất định," ngoài tầm kiểm soát của mình. Họ phải đoán trước những điều bất định nào có thể xảy ra, mỗi trường hợp sẽ đem lại lợi, lỗ bao nhiêu, xác suất của mỗi trường hợp đó lớn hay nhỏ. Từ những

tính toán rủi ro và lợi lỗ, người ta chọn một dự án đầu tư có vọng lượng (expected value) tương đối cao nhất. Hãy thử quyết định chọn làm dân nước nhỏ hay nước lớn theo phương pháp thuần lý, giả thiết rằng ai cũng muốn tránh rủi ro, sợ bất trắc, như các nhà đầu tư khi lựa chọn giữa hai dự án lâu dài. Đối với các dự án đầu tư lâu dài, yếu tố an toàn thường được đề cao, khác với các vụ làm ăn "chộp giật." Dựa trên tiêu chuẩn đó, người ta sẽ tính toán xem con đường nào nhiều rủi ro nhất thì tránh, thì hành dự án an toàn tốt hơn, nếu kỳ vọng về lợi suất ngang nhau. Đối với một quốc gia vào mười thế kỷ trước đây, vọng lượng về lợi lỗ chỉ tùy thuộc vào tài nguyên. Mà tài nguyên thì không thay đổi, dù làm dân một tỉnh của nước

lớn hay làm dân một nước nhỏ độc lập. Cho nên có thể đặt một câu hỏi cụ thể: Làm dân nước nhỏ hay nước lớn, lựa chọn nào nhiều rủi ro nguy hiểm hơn?

Với giả thiết *ceteris paribus* kể trên, chúng ta thấy trong lựa chọn lớn hay nước nhỏ, chỉ còn một điều bất định, khó tiên đoán được và đáng lưu ý nhất, là chính quyền trong tương lai sẽ tốt hay xấu. Đời xưa chưa có thể chế dân chủ, dù sống trong một nước lớn hay nhỏ, có khi dân may được một minh quân cai trị, và có khi xui xẻo gặp phải tay bạo chúa tham tàn. Chế độ quân chủ độc tài luôn luôn là một cuộc số số, hên xui tùy thuộc cá nhân người lãnh đạo. Một nước, dù nhỏ hay lớn, cũng có thể sẽ gặp các ông vua hiền hay ông vua dữ.

Nếu gặp minh quân thì dân cùng sung sướng, dù nước lớn hay nhỏ, ít nhất cũng dễ thở như nhau. Tóm lại, nếu gặp may thì hai lựa chọn nước lớn, nước nhỏ có giá trị bằng nhau, không bên nào hơn hay kém. Ngược lại nếu bị xui gặp những chính quyền hà khắc, tàn bạo, thì dân một nước lớn sẽ khổ cực hơn, khổ gấp nhiều lần so với dân nước nhỏ. Những bạo chúa nhỏ nhỏ không có khả năng gây tai họa lớn. Còn sống trong một nước rộng lớn, mỗi chính sách sai lầm cũng gây những tai họa lớn hơn. Phải chờ cho tai họa tích tụ đến mức quá hiển nhiên, nếu không sửa chữa thì tất cả sụp đổ, tan tành, đến lúc đó đám dân cùng khổ mới nổi lên đòi thay đổi người cầm quyền. Trong thời gian chờ đợi, dân đen

cứ tiếp tục gánh tai họa. Nghĩa là khi một dân tộc không may mắn, thì nếu chỉ làm dân một nước nhỏ họ sẽ đỡ khổ hơn làm dân nước lớn.

Nếu may mắn thì hai lựa chọn có giá trị bằng nhau; nếu rủi ro thì làm dân nước lớn dễ bị khổ hơn dân nước nhỏ. Theo phương pháp quyết định thuần lý trong cuộc đời có may có rủi, chúng ta thấy tốt nhất là nên chọn làm dân một nước nhỏ nhỏ, vừa phải thôi, đừng lớn quá!

Lời phân tích trên đây, trong môn học về "Quyết định trong Hoàn cảnh Bất trắc" (Decision Making under Uncertainty), người ta gọi là "Stochastic Dominance," nghĩa là Ưu thế trong Hoàn cảnh Bất trắc. Theo phương pháp



này, người ta giả thiết một người phải lựa chọn giữa hai đường, gọi là A hoặc B chẳng hạn. Với tương lai bất trắc, mỗi lựa chọn sẽ đưa tới hậu quả khác nhau. Thí dụ gián dị nhất của tính bất trắc là gặp may hoặc rủi, giống như trời sẽ mưa hoặc sẽ nắng. Quyết định khá dễ hiểu: Nếu một trường hợp xảy ra, trời mưa chẳng hạn, mà hai lựa chọn A và B có giá trị như nhau; còn nếu trời nắng thì lựa chọn A có ưu thế hơn B; thì ai cũng biết nên chọn A. Dù không biết xác suất mưa hay nắng là bao nhiêu; lúc nào A cũng hơn B. Bởi vì khi mưa thì A và B bằng nhau, còn khi nắng thì A hơn B.

Trên bàn cân Phúc,
Họa

Như chúng ta thấy trong thực tế, làm dân một nước lớn mà gặp chính quyền ngu dốt, thói nát, hoặc tàn bạo, thì tai họa lớn hơn dân các nước nhỏ. Nếu nước Ukraine không bị ép gia nhập Liên Bang Xô Viết thì chắc dân tộc này không bị chết đói tới bốn triệu người trong thời gian năm 1934. Tất cả chỉ vì ông Stalin chưa Điện Kremlin lúc đó muốn thí nghiệm tập thể hóa nông nghiệp. Dân Ukraine chết đói nhưng không ai dám báo cáo với Stalin, vì sợ bị gán tội "phản động." Đối với một quốc gia rộng lớn như Liên Xô, bốn triệu người chết ở Ukraine không làm cho vị bạo chúa động lòng. Vì ông ta phải quan tâm đến "hạnh phúc" của

hàng trăm triệu người. Ông lại muốn giải phóng cả nhân loại, cho nên ông dùng dân Liên Xô làm thí nghiệm một cuộc cải cách ruộng đất, sẽ áp dụng cho mọi dân tộc khác. Cuộc cải cách ruộng đất của ông sau đã đem dậy cả cho người Việt Nam. Năm 1990 bao nhiêu nước nhỏ trong Liên bang Xô viết lục tục kéo nhau rút ra hết, dù có nước chỉ vài ba triệu dân. Cũng vì họ đã rút kinh nghiệm, thà làm dân một nước nhỏ cho nó an toàn!

Người Việt Nam đứng riêng, không làm dân nước lớn Trung Quốc, cũng tránh được khá nhiều mối họa như dân Ukraine phải chịu thời 1930. Trung Quốc thường trải qua nhiều

cuộc phân ly, tao loạn kéo dài. Những cuộc nội chiến kéo dài hàng trăm năm vào thế kỷ thứ 9, thứ 10, giữa đời Đường và đời Tống; hoặc vào thế kỷ 16, 17 khi nhà Minh còn chống trả lại quân Thanh. Trước khi một triều đại mới thống nhất thiên hạ thì hàng chục triệu người dân chết đói, chết rét, bị cướp bóc, bị phe này giết hay phe kia giết, hoặc cả hai, mạng người không bằng cỏ rác. Một cuộc nổi loạn Thái Bình Thiên Quốc vào thế kỷ 19 cũng làm chết trên ba chục triệu người; nếu Việt Nam đã trở thành một tỉnh của Trung Quốc thì thế nào cũng phải đóng góp một số nhân mạng! Sang thế kỷ 20, một chính sách kinh tế sai lầm của Mao Trạch

Đông gọi là "Bước Nhảy Vọt" chỉ trong vài ba năm đã làm ba chục triệu người chết đói. Rồi Cách Mạng Văn Hóa lại đẩy dọa hàng chục triệu người nữa. Nếu Việt Nam cũng là một tỉnh, như Văn Nam, Quảng Đông, thế nào mà chẳng phải đóng góp một số mạng người trong đám nạn nhân đó?

Tại những nước nhỏ như Việt Nam, nếu có các bạo chúa thì họ cũng không đủ sức gây ra những tai họa lớn. Vì họ không có cơ hội, thiếu phương tiện để làm chết nhiều người như vậy. Có một thời gian người Việt cũng dạn dặt bất chước phương pháp giết người của ông Mao Trạch Đông, bắt



ALL XINE EYEN SOUYEN

con tổ cha, rồi vợ chửi chồng, nhưng chạy theo được nửa đường thì cũng phải ngừng. Vì dù có mù quáng và sát đã đến mấy, người ta cũng phải cảm thấy những lối cư xử đó không phải là cách người Việt muốn sống với nhau.

Nước Việt Nam khó sinh ra một ông Napoleon hay Hitler; những người có chí lớn và muốn dân chúng nước mình cùng chia sẻ cao vọng của họ làm cho nước lớn hơn, đông dân hơn. Có người Việt cứ còn tiếc sao vua Quang Trung không sống thêm vài chục năm để tấn công đòi lại đất Quảng Đông, lập một nước lớn như nước Nam Việt của nhà Triệu. Nghĩ vậy là không hiểu ý tổ tiên mình. Từ mười thế

kỷ trước, các cụ tổ đã quyết định chọn mình làm dân một nước nhỏ. Châu Âu may mắn hơn Trung Quốc

Trung Quốc cũng nhiều lần phân liệt, chia ra nhiều nước nhỏ. Họ thường hay tách thành hai miền Nam Bắc trên và dưới dòng Trường Giang, là cách phân chia tự nhiên, hợp với địa dư nhất. Mỗi miền lại lập ra một hay nhiều nước khác nhau mà biên giới luôn thay đổi; trong mỗi nước có nhiều ông vua thay phiên nhau cai trị. Vì thế các nước nhỏ nhỏ đó cứ thế giữ được nền độc lập, nước Trung Hoa bây giờ sẽ là một lục địa với nhiều nước nhỏ, giống như các nước ở Âu Châu. Thử hỏi, nếu như thế

thì người dân có sung sướng hơn hay không? Hay là được làm dân "Trung Quốc vĩ đại" thì họ sung sướng hơn?

Có thể đoán rằng được làm dân nước lớn cũng không sướng gì hơn dân nước nhỏ. Trong lục địa Âu Châu nhiều nhóm dân nhỏ bé đã liên tục tranh đấu để giữ nền độc lập từ ngàn năm nay. Và họ vẫn tồn tại như các quốc gia có chủ quyền, cho tới bây giờ. Các nước Hòa Lan, Thụy Sĩ, Ba Lan, Cộng Hòa Tiệp, Slovak; các nước vùng Baltic hoặc Thụy Na Đan ở Bắc Âu; mỗi nước này có thể nhỏ hơn một quận, huyện của Trung Quốc. Người Phần Lan, người Lithuania nhất định không chịu làm dân Nga, dù nước Nga rất

lớn. Các nước Ukraine, Georgia sau khi tách ra khỏi Liên Xô rồi, rất khó thuyết phục họ gia nhập vào một liên bang khác do người Nga đứng đầu!

Người dân các nước nhỏ đó vẫn tiến bộ. Chẳng cần làm công dân của một đại cường quốc nào cả mà họ vẫn ấm no, hạnh phúc. Nước Slovenia sau khi tách khỏi Nam Tư, dù cả nước chỉ có vài triệu dân, cũng thực hiện chế độ dân chủ, giúp cho kinh tế phát triển nhất trong vùng. Có lần tôi gặp một nhóm học sinh tiểu học người Slovene trong một quán trọ thanh niên ở Wien, nước Áo. Vài chục em bé vui vẻ đùa rôn trong phòng ăn của quán trọ. Thấy giáo, có

giáo dẫn các em đi "du lịch và học hỏi" từ từ chăm sóc học trò, phả lo không cho các em giành chỗ, không được đuổi nhau chạy quanh bàn, trông như cánh "trồng con mọn." Hỏi thăm, nói đến thời nước họ còn nằm trong Nam Tư, các thầy cô cười ồ, nhún vai. Trông các em bé ngây thơ dưới 10 tuổi nó đùa, chọc nhau, cãi nhau chỉ chớ, lại búi ngùi nghĩ đến các cháu bé nước mình. Sao một quốc gia chỉ có 2 triệu dân mà trẻ em tiểu học cũng được cho đi du lịch tập thể ra nước ngoài như vậy nhỉ? Ở một nước nhỏ khác, cũng tách ra từ liên bang Nam Tư cũ, dân Croatia cũng sung sướng với tài nguyên

Sếp theo trang 38

KHOẢNG KHÔNG CỦA ANH?

Đời sống như một cái boongke trong trận địa pháo. Không kịp thở không kịp ngóc đầu không kịp nhìn lui Nó là một sự tiếc nuối khôn nguôi về những tháng ngày yên bình đã qua không ai biết cái gì sẽ xảy ra khi pháo ngóc đầu. Không ai biết được cái gì sẽ bị bốc khói lảng quên. Không ai biết khi nó đã trở thành quá khứ.

Đời sống như một con đường đang phải hứng chịu quá nhiều tiếng kêu của kỷ niệm. Một con đường bị đâm nát nhừ chìm trong bụi mờ. Chúng ta đã chạp qua nát lại quá nhiều lần. Quá nhiều cuộc đời đã đi qua. Quá nhiều những số phận đã bị đánh dấu.

Đời sống là một thứ tên gọi. Nhiều khi chúng ta gọi tên nhau chỉ để biết chúng ta quá cô đơn quá nhạt nhòa. Chúng ta đã lãng quên từ khi bắt đầu cuộc chiến.

Một cuộc chiến không có bom đạn. Một cuộc chiến không có sát thương nhưng cực kỳ đau đớn bởi những lạnh nhạt bẽ bàng của lòng người. Người ta giết nhau không phải vì yêu thương hay căm ghét cũng không phải thù hận, đơn giản chỉ vì người ta quá buồn.

Đời sống là một thứ thành phố được trôi lên từ những sợ hãi được mọc lên từ những phế phẩm của hận thù. Không ai tin rằng mình chỉ là một cọng rác trong một đồng rác. Không

ai biết rằng mình chỉ là một hạt bụi trong muôn nghìn hạt bụi.

Chúng ta hít thở trao đổi dưỡng chất đời cho nhau. Chúng ta sống bằng chính hơi thở của nhau hàng ngày. Chúng ta phun thối vào nhau triệu triệu những nỗi buồn. Không ai biết chúng ta đang tồn tại bằng cách ăn vào nhau để tồn tại.

Đôi khi anh đã phải biết kinh hãi chính mình vì những giấc mơ. Những giấc mơ đầy thịt cá. Những giấc mơ tanh hôi bởi những bia rượu mới mèm. Anh chỉ muốn ới ngay trong những giấc mơ. Anh chỉ muốn chết đi khi mơ mất ra vì vẫn thấy mình là người.

Ai đó đã bảo anh rằng: Cần phải có thái độ sống đối với những bất công đang ngày đêm găm rù quanh những boongke của hồn mình. Họ bảo anh phải đứng dậy trong khi họ ngồi xuống. Họ bảo anh xông lên trong khi họ ở lại.

Anh không biết phải làm gì với hồn mang đời sống này khi đã cố gắng hết sức để vượt qua hết một con đường. Một con đường bom đạn rồi một con đường không đạn bom. Một con đường sống rồi một đường chết.

Anh biết anh chỉ là tiếng nổ sau cùng của một giấc mơ. Một bóng tối cuối cùng của một ánh sáng. Anh đã sớm mai hết mình khi biết mình đã chiếu rọi.

Anh là một cuộc chiến khôn nguôi không bao giờ kết thúc vì bởi nó là những kỷ ức không cùng không tận vì bởi Anh chính là đời sống của anh của kỷ niệm của những giấc mơ hoang đường đang chờ đến ngày không kia lấy động...

NGUYỄN TÂN CƯ

Binh Facebook: Nguyễn Tân Cư





Ảnh: LÊ VĂN HƯNG

ĐỒ TRUNG QUÂN

me

Con sẽ không đợi một ngày kia...
khi mẹ mất đi mới giật mình khóc lóc
Nhưng dòng sông trôi đi có trở lại bao giờ?
Con hốt hoảng trước thời gian khắc nghiệt
Chạy điên cuồng qua tuổi mẹ già nua
mỗi ngày qua con lại thấy bơ vơ
ai niu nói thời gian?
ai niu nói bao giờ?

Con mỗi ngày một lớn lên
Mẹ mỗi ngày thêm già cỗi
Cuộc hành trình thăm lặng phía hoàng hôn.

Con sẽ không đợi một ngày kia
có người cài lên áo cho con một nụ bạch hóng
mới thoáng thốt nhận ra mình mất mẹ
mỗi ngày đi qua đang cài cho con một bông hóng
hoa đẹp đấy - có sao lòng hoảng sợ?
Giọt nước mắt kia bao lâu nữa của mình?
Ta ra đi mười năm xa vòng tay của mẹ
Sống tự do như một cánh chim bằng
Ta làm thơ cho đời và biết bao nhiêu người con gái
Có bao giờ thơ cho mẹ ta không?

Những bài thơ chất ngộp cả tâm hồn
đau khổ - chia lìa - buồn vui - hạnh phúc
Có những bàn chân đã giẫm xuống trái tim ta độc ác
mà ta vẫn cứ đem về thao thức làm thơ
ta quên mất thêm xưa đáng mẹ ngồi chờ
giọt nước mắt già nua không ứa nổi
ta mẹ mãi trên bàn chân rong ruổi
mất mẹ già thăm lặng đôi sầu lung

Khi gai đời đâm ứa máu bàn chân
mấy kẻ đi qua
mấy người dừng lại?
Sao mẹ già ở cách xa đến vậy
trái tim âu lo đã giục già đi tìm
ta vẫn vô tình
ta vẫn thản nhiên?





KIẾN THIẾT

Hồi đầu khi anh bước vào ngôi nhà tối ám, ẩm mốc chỉ thấy những đôi mắt sáng quắc hoang dại như mắt mèo nhìn anh. Không khí nguy hiểm khiến trương trùn khắp. Anh bật đèn. Nhận ra anh, đám con nít mừng rỡ. Có lẽ lâu quá anh không về chơi. Nhìn vế rách rưới, tà to của quần áo, nhìn những vết thương tủa máu đang cố kìm nén cơn đau trên thân xác kiệt tòn của lũ trẻ anh như muốn khóc, muốn hét lên. Và anh cay đắng vì đang tâm chối bỏ ngôi nhà của mình cho đến bây giờ. Mọi người trong đời đều có chốn ngụ cư. Nếu như nơi ấy có những kỷ niệm đứt ruột, có một đoạn đời chôn sâu thì dù cố ý hay vô tình tâm thức ta cũng tình nguyện ở lại một đời. Đó trở thành nơi ngụ cư cho những đoạn tâm thức khác mà ta hàng ngày đi qua và sống trải. Chỉ cần nhắm mắt lại là căn nhà đó hiện ra và trong nhà đầy những mảnh tâm thức của ta đang

cư ngụ. Chúng cũng có hình hài, có tiếng nói nhưng ta thường không muốn nghe ra. Có những người cả đời chối bỏ để cuối cùng chết đi đầy hối tiếc, vĩnh viễn giữ một tâm thức đói khát rách nát lang thang qua cầu Nại Hà. Anh đâu muốn như thế. Vì vậy một đêm khuya trong giấc ngủ chập chồn anh nghiêng rặng bước vào căn nhà tâm thức và bật đèn lên. Cố gắng kìm nén tiếng nấc, anh nhận diện từng đứa rồi bắt tay băng bó cho đứa đang nằm co quắp vì vết thương. Đây là anh ngày cũ khi bị gió đời thổi qua, tuy không phải là mũi dao mà làm anh chảy máu vì ngộ nhận và anh để mặc bao năm từ đó đến giờ. Đứa bé thật xanh xao. Băng bó xong xuôi anh lấy ra một gói kẹo đưa cho thằng bé nhất. Đó chính là anh lúc năm, sáu tuổi, thêm khát một viên kẹo một que kem mà không có đủ tiền mua. Nó thật vui sướng và ăn ngon lành. Anh nói chuyện với những đứa còn lại. Có đứa là anh khi thống khổ, có đứa là anh khi bị bỏ rơi, có đứa là anh khi nuôi mộng đẹp làm gì đó cho đời. Rồi anh bàn bạc để cùng sửa sang ngôi nhà. Cứ thế từng đêm hay cả khi uống trà một mình ban ngày rảnh rỗi, anh đều quay về ngôi nhà để quét dọn, sửa sang, chăm lo cho lũ trẻ. Khi lũ trẻ trở nên vui mừng hớn hở hẳn lên thì anh nhận ra mình cũng không còn quá căm ghét, không quá giận dữ, không quá tủi thân nữa và bắt đầu trải nghiệm được niềm vui. Dần dần căn nhà ngập tràn ánh sáng và tiếng cười đùa, anh bắt đầu thư thả hơn vì không còn nhiều việc phải làm nữa. Anh đi ra ngoài, gặp gỡ những người khác, nói chuyện về sự sửa sang căn nhà của chính họ, nằm trong tâm thức họ và không ai khác có thể vào. Sự gặp gỡ cũng có hạn nên anh ngồi vào bàn viết, kể lại trải nghiệm tu sửa căn nhà tâm thức của mình bằng ngôn ngữ. Anh thả những tác phẩm đó trôi đi trên dòng tâm thức chung nhằm loại để hy vọng có thể neo đậu lại nơi một vài người. Biết đâu từ những căn nhà nhỏ bé cá nhân ta có thể xây chung một ngôi làng thanh khiết, nơi chỉ có ánh sáng và tiếng cười. Rồi dòng chảy tâm thức chung hết đó sẽ chỉ lấp lánh những niềm an vui.

Sài Gòn, ngày 16/3/2014

HOÀNG LONG



LÀ CON NGƯỜI VỚI NHAU

Ông luôn khẳng định rằng mình thương nhớ nhất vẫn là bài hát Du Âm. Theo lời ông kể, đó là đứa con tinh thần mà cuối những năm 50, ông bị kiểm điểm và buộc viết cam kết từ bỏ bài hát này như một sản phẩm nhuộm tinh thần bệnh hoạn tiểu tư sản. Nhưng chính trị viên văn hóa đã lôi ông đi khắp nơi, để buộc ông nói lời xin lỗi trước ‘nhân dân’ và nhận sai vì đã sáng tác bài hát ủy mị này.

Năm 2005, khi tôi hỏi ông vì sao ông vẫn yêu nhất Du Âm. Ông nói “đó là tiếng lòng của tôi bị tước bỏ. Nhưng cái khác dù hay, dù nổi tiếng cũng chỉ là tuyên truyền, là đồ bỏ”.



TUẤN KHANH

Nhân dịp cả một xã hội xôn xao chuyện một diễn viên điện ảnh về già kêu tham trước giá sảm 10 tỷ sắp mất. Chợt nhớ đến ông Nguyễn Văn Tý, nhạc sĩ, nay đã gần 100 tuổi.

2 con người, là 2 số phận khác biệt mà lại rất chung. Nam diễn viên điện ảnh này nổi lên nhờ một bộ phim do nhà nước đầu tư cho chính sách văn nghệ tuyên truyền và được lãng-xe hết cỡ. Sau phim đó, ông ít khi chứng minh được gì thêm ngoài việc đã sống trọn sức trẻ cho một tác phẩm tuyên truyền, đặc biệt ở một giai đoạn mà người Việt Nam hầu như không được tiếp xúc với các tiêu chuẩn điện ảnh thế giới.

Với nhạc sĩ Nguyễn Văn Tý, ông cũng lừng danh từ các bài hát mà ông sáng và làm việc ở miền Bắc trong thời chinh chiến phẫn chí. Và dù được biết nhiều với các cơ khúc như Mẹ Yêu Con, Dáng Đứng Bến Tre... Nhưng ông luôn khẳng định rằng mình thương nhớ nhất vẫn là bài hát Du Âm. Theo lời ông kể, đó là đứa con tinh thần mà cuối những năm 50, ông bị kiểm điểm và buộc viết

cam kết từ bỏ bài hát này như một sản phẩm nhuộm tinh thần bệnh hoạn tiểu tư sản. Nhưng chính trị viên văn hóa đã lôi ông đi khắp nơi, để buộc ông nói lời xin lỗi trước ‘nhân dân’ và nhận sai vì đã sáng tác bài hát ủy mị này.

Năm 2005, khi tôi hỏi ông vì sao ông vẫn yêu nhất Du Âm. Ông nói “đó là tiếng lòng của tôi bị tước bỏ. Nhưng cái khác dù hay, dù nổi tiếng cũng chỉ là tuyên truyền, là đồ bỏ”.

Năm 2014. Khi diễn viên điện ảnh này kêu gọi mọi người chú ý về cuộc đời riêng của ông, như một cách nhắc lại công lao tuyên truyền mà ông đã đóng góp. thì đâu đó ở khu chợ Tân Định, Sài Gòn, người nhạc sĩ già đầy bệnh tật, thiếu thốn tiền bạc vẫn lặng im, ngó nhìn qua cửa sổ. Ông như một phần lịch sử của Việt Nam đang héo úa, chờ ra đi trong kiêu hãnh và tự trọng.

Trở lại câu chuyện của Nam diễn viên điện ảnh. Quyến lén tiếng là quyến của bất cứ cái. Nói khổ đang được chia đều trên tất cả sinh linh của đất nước này, theo một cách tình nào đó. Nói khổ hẳn rõ trên gương mặt của những mẹ già thất thểu về số cảm tay qua mọi con đường, nói khổ khác rõ hình dạng những người vợ, người con chôn đời mình kêu oan trước các cánh cửa công đường, nói khổ là tương lai bấp bênh của những đứa trẻ không cơm, không

quần, không được học hành ở các đồi núi Việt Nam.

Nói khổ cũng vẫn đang lặng im và hằn rõ trong đuôi mắt của người nhạc sĩ già vang danh chờ từ thần đến gọi, mà tôi được thấy.

Khác với muôn loài, Ngựa vằn Châu Phi chỉ cất tiếng kêu vào lúc tuyệt vọng. Tiếng kêu khổ đau đó là tiếng kêu ý nghĩa nhất để gọi bầy khi cái chết đến, chứ không phải là tiếng kêu vì mất phẩm có tuổi xanh khi sống giữa bầy đàn.

Là con người với nhau, hãy cất tiếng kêu cho điều xứng đáng nhất, cho nỗi khổ đau nhất mà chung quanh có thể mở lòng chia sẻ. Mất phẩm có tuổi cho riêng mình, chưa bao giờ được coi là điều đáng nhớ trong lịch sử con người. Đó chắc chắn là một nỗi buồn, nhưng chưa bao giờ được xưng gọi là khổ đau giữa cõi nhân sinh vô vọng này.

Tôi xin gửi nơi đây lòng kính trọng với nhạc sĩ Nguyễn Văn Tý, một trong những đại thụ của âm nhạc Việt Nam. Ở nơi nào đó với chiếc gậy, run rẩy bước đi, ông vẫn lặng im.

Tàn Cuộc Chiến

Những người nghèo không muốn nghèo
Họ làm việc cật. Làm nhiều hơn chơi.
Hình như tất cả ông Trời
Đều không để mắt ngó người làm tham?

Họ sinh làm côi nhơn gian?
Bằng lòng cái Nghiệp họ mang trong đời?
Ít khi tôi thấy họ cười
Chỉ thấy họ gạt mồ hôi thỏ dãi...

Tôi là ai? Côi trần ai...
Đi qua như thế chim bay cuối ngàn
Tôi không nghe những câu tham
Tôi làm tho tôi trắng vàng ngăm ngà...

Những ngôi Chùa tôi ngang qua
Nhưng cánh cổng sắt, những tòa nhà kia...
Thiện nam, tín nữ, đến, về...
Nhưng chiếc xe đẹp đậu kẻ trong sân...

Tiếng chuông tung mỗi tiếng ngân
Tiếng con nít nói trong ngân hơn chuông
Người lao động cây cối buồng
Dang tay ôm chặt đứa con hôn, mừng...

TRẦN TRUNG TÁ

"Con về cho kịp bữa cơm
Lát Ba xong việc, chiều hôm Ba về!"
Chưa con hai cái mặt kẻ
Ngày trời...rồi những chuyện gì cũng trời!

Tôi, người lính, bóng lạc loài
Máu xương mình đổ chi ngoài biên cương?
Người lao động thấy bên đường
Chẳng qua là chuyện đời còn ước mơ?

Tôi, tàn cuộc chiến, làm tho
Nhiều khi thấy mắt mình mờ...nhiều khi!



BAO GIỜ ANH THÔI SỐNG HÈN?

những người phụ nữ của mình phải làm cái công việc vốn là của con trâu (tham ôi, dưới thời phong kiến phụ nữ không phải kéo cày), chẳng làm gì hết khi những người phụ nữ của mình bị đẩy ra đường, bị bỏ đói, bị đối xử bất công (trường hợp của Nhã Thuyên, của cô Nguyễn Thị Bình còn đang là thời sự đấy thôi). Đa số các anh chẳng làm gì hết, thế nhưng ngày mồng tám tháng ba vẫn còn có thể thốt ra được những lời chúc mừng mỹ miều cho phụ nữ.

Cũng tương tự như việc đa số các anh im lặng, buông xuôi, trước những dấu hiệu rõ rệt, không thể phủ nhận, về sự lệ thuộc của đất nước này vào Trung Quốc.

Cả nhăm tôi, từ những gì nhìn thấy và biết được, tôi cho rằng số dĩ có tình trạng phụ nữ phải kéo cày như thế này, số dĩ có sự suy thoái toàn diện của xã hội hiện nay, có sự mất độc lập quốc gia hiện nay là vì đa số đàn ông các anh hèn và quá hèn. Không phải các anh không biết, không phải các anh không thấy. Các anh thấy hết, biết hết, nhưng nhắm mắt làm ngơ, lấy im lặng và nhắm nhục làm mục đích tồn tại.

Tôi muốn hỏi tất cả đàn ông các anh, những người đàn ông của chúng tôi, câu này :

« Bao giờ các anh sẽ thôi tán phét trong các quán nhậu ? Bao giờ các anh quyết định thôi sống hèn ? »

Hầu mồng tám tháng ba
NGUYỄN THỊ TỪ HUY

Các anh có bao giờ tự soi gương?

(Tiếp lời chị Từ Huy trong bài: Bao giờ các anh thôi hèn?)

Những người Việt có quan tâm đến chính trị không? Nhiều người nói "Không", họ nói người Việt thờ ơ lắm. Con tôi thì ngược lại, đầu đầu tôi cũng thấy người Việt, đặc biệt là đàn ông, bàn về chính trị. Các anh nói về chính trị trên bàn nhậu, ở quán cà phê đầu hẻm, trên những chuyến xe bus du lịch hay trên máy bay. Các anh nói rầm rộ nữa là đằng khác. Các anh quan tâm tới tình hình Ucraina, quan tâm tới chuyện con ông Dũng về Kiên Giang, quan tâm tới anh X với anh 4S chém nhau ra sao, cái về phe ai. Các anh cũng biết luôn là Bùi Hằng bị bắt, biết cả chuyện bé Phương Uyên đi tù, biết ngày nào có biểu tình, rồi các anh luôn tặc lưỡi thỏ dãi: "Cũng chẳng đi tới đâu!" Tệ hơn nữa là những anh vốn hướng quan lộc, miệng leo leo dạy đời: "Đừng là phường đàn bà, nghe lời mùi giục của bọn luật sư nước ngoài với mấy thằng dân chủ cơ hội trong nước, vô tù là đáng!"

Khi tôi hỏi các anh rằng: "Các anh có hài lòng với cái xã hội mà các anh đang sống không?" Phán nhiều các anh lắc đầu. Các anh thấy xã hội bất ổn, trộm cướp tùm lum. Chỉ cần nhắc tới 4 chữ "cảnh sát giao thông" là mặt các anh hầm hầm, chửi nào là chó vàng, nào là quăm cướp ngày. Nói tới công việc là các anh tham phải đứt lót, chực chột. Các anh chán cái xã hội này vô cùng tàm. Nhưng khi hỏi: "Anh nghĩ xã hội này có thay đổi được không?"

tiếp theo trang 42

Hôm nay tôi đọc được bài báo « Xem nông dân Hưng Yên kéo bua thày trâu », ở link này : <http://www.baomoi.com/Xem-nong-dan-Hung-Yen-keo-bua-thay-trau/144/7784090.epi>

và thấy những hình ảnh người nông dân, trong thời đại được tuyên bố là công nghiệp hóa, phải dùng sức mình kéo bua. Và nhất là, phụ nữ phải thày trâu kéo cày, như thế này :

Đàn ông các anh, nhìn cảnh này có nghĩ gì không, có cảm thấy gì không ?

Các anh nói gì khi đặt hình ảnh này cạnh câu khẩu ngôn được treo khắp mọi vùng miền trên đất nước này : « Dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh, hạnh phúc » ?

Hay là các anh sẽ chẳng nghĩ gì, chẳng cảm thấy gì, chẳng nói gì hết và chẳng làm gì hết? Chẳng làm gì hết trước việc những người phụ nữ của mình bị bán đi làm nô lệ tình dục cho đàn ông nước ngoài, chẳng làm gì hết trước việc

ẢNH HƯỞNG CỦA VĂN HÓA TRUNG HOA

vùng hạ lưu Hoàng Hà, đã từng đi du thuyết nhiều nơi ở Trung Hoa, có thể không ăn cơm.

Tại Mê Linh (Vĩnh Phúc, Phú Thọ ngày nay) quận Giao Chỉ (châu thổ Hồng Hà), người ta mới phát hiện được những bộ xương trâu đã có mặt tại đây khoảng 2.000 năm trước Công nguyên, và hai lưỡi cày bằng đồng theo mô thức Đông Sơn (thế kỷ thứ 5 TCN đến thế kỷ 1 SCN) dùng cho trâu cày. (8) Như thế, dân Lạc Việt đã biết làm ruộng, đã biết nuôi trâu cày và đã biết sử dụng điện khi trước khi người Trung Hoa đến xâm lăng. Lúc đó, dân Lạc Việt dùng lưỡi cày bằng đồng vì đó đồng là nghề luyện kim chính của dân Lạc Việt (vốn nổi tiếng về trống đồng), và nhất là đồ sắt bị hạn chế, do việc bà Lữ hậu nhà Hán đã ra lệnh cấm xuất cảng sắt xuống phía nam Trung Hoa từ năm 183 TCN. (9)

Thái thú Nhâm Diên không phải là người khai tâm dân Việt dùng điện khi để cày cấy, như Hậu Hán thư đã viết và các bộ sử khác chép theo, kể cả các bộ sử Việt Nam, từ Đại Việt sử ký toàn thư của Ngô Sĩ Liên (thế kỷ 15) cho đến các bộ sử gần đây. Một nghi vấn có thể được đặt ra là phải chăng Nhâm Diên, thái thú Cửu Chân, từ vùng châu thổ sông Mã, nơi có trung tâm trống đồng Đông Sơn (Thanh Hóa), chứng kiến dân chúng địa phương đã cày cấy bằng lưỡi cày bằng đồng theo mô thức Đông Sơn, rồi báo cáo như trên về triều đình Trung Hoa để lập công, như ông đã từng báo cáo không đúng sự thật về việc ông giáo hóa dân Việt, mà Tiết Tống trình cho nhà Đông Ngô năm 231?

Nói chung, tổ chức cai trị của Trung Hoa ở các vùng đô hộ tại miền nam sông Dương Tử, trong đó có Cổ Việt, nhắm mục đích chính là khai thác và bóc lột dân chúng thuộc địa,

chứ không nhắm mục đích khai hóa. Do đó, người Trung Hoa chỉ truyền bá những gì cần thiết cho nền đô hộ của họ. Riêng việc dùng điện khi để trồng lúa nước hoàn toàn là sáng kiến của người Việt.

2. ẢNH HƯỞNG VĂN HÓA TRUNG HOA THỜI ĐỘC LẬP

Ngày nay, nhiều người cho rằng vì bị Trung Hoa đô hộ một ngàn năm, nên người Việt bị ảnh hưởng nặng nề của văn hóa Trung Hoa. Không ai có thể phủ nhận điều này, nhưng vấn đề nảy cần được xét sâu rộng hơn nữa, để thấy rõ việc Trung Hoa đô hộ Cổ Việt trong hơn một ngàn năm, không phải là tác nhân duy nhất đưa đến ảnh hưởng sâu đậm của văn hóa Trung Hoa về sau này.

Nguyên sau khi đánh đuổi quân Nam Hán năm 938 và xưng vương năm 939, chính quyền Ngô Quyền tiếp tục sử dụng chữ Nho (chữ Hán) làm văn tự hành chính, dấu người Việt vẫn nói tiếng Việt. Lúc đầu, nhờ có trình độ văn hóa, giỏi chữ Nho, các thiền sư Phật giáo được vua chúa trọng dụng. Dần dần các triều đại quân chủ Việt nhận ra rằng Nho học, với hệ thống xã hội xây dựng trên tam cương, (10) với tư tưởng trung quân ái quốc, là kim chỉ nam hành động của sĩ phu, mới thiết thực ích lợi cho công cuộc cai trị, cho trật tự xã hội và nhất là cho chế độ quân chủ, hơn là các triết thuyết khác. Từ đó, Nho học được các chính quyền Việt đưa vào chương trình học tập, giảng dạy và thi cử của nhà nước.

Trước kia, dưới thời Trung Hoa đô hộ, chữ Nho chỉ được dùng trong hành chính của chính quyền Trung Hoa ở Cổ Việt. Việc học chữ Nho và Nho học đối với dân chúng Việt có tính cách tùy thích, không bắt buộc. Nếu dân chúng Việt không có nhu cầu

cộng tác hay liên hệ với nhà cầm quyền đô hộ thì chẳng cần học. Nhà cầm quyền đô hộ Trung Hoa không tổ chức thi cử cho dân chúng địa phương tại Cổ Việt.

Từ thời đất nước được độc lập, các chính quyền quân chủ Việt sử dụng chữ Nho làm văn tự chính thức của triều đình. Đương nhiên người Việt vẫn nói tiếng Việt. Để chọn lựa nhân tài ra làm quan, các chính quyền quân chủ tổ chức thi cử bằng chữ Nho. Nội dung thi cử dựa trên Nho học. Tất cả mọi người dân Việt muốn tiến thân, đều phải học chữ Nho, học chương trình Nho học, để thi cử đỗ đạt, mới được ra làm quan. Nội dung thi cử gồm chính yếu là các bộ tứ thư, ngũ kinh, (11) lịch sử và văn chương Trung Hoa. Ngoài ra có thêm lịch sử và văn chương Đại Việt. Nói cách khác, chương trình Nho học rất nặng về văn chương, lịch sử, văn minh, văn hóa Trung Hoa.

Vị vua đầu tiên cử sử thần sang Trung Hoa thỉnh cầu kinh (tứ thư và ngũ kinh) của Nho giáo năm 1007 (đinh mùi) là Lê Long Đĩnh (trị vì 1006-1009). Dưới thời vua Lý Nhân Tông (trị vì 1072-1127), triều đình mở khoa thi tam trường đầu tiên năm 1075 (ất mão), để kén chọn nhân tài ra giúp nước. Thi cử là phương pháp tuyển chọn nhân tài rất dân chủ, được nước ta bắt đầu áp dụng từ đây. (Trong khi ở Âu Châu cho đến thế kỷ 19 mới bắt đầu có thi cử.) Kỳ thi hương cuối cùng theo Nho học diễn ra vào năm 1918 và sau đó là kỳ thi hội và thi đình cuối cùng năm 1919, dưới thời vua Khải Định (trị vì 1916-1925).

Như thế, rõ ràng trong thời Trung Hoa đô hộ, chữ Nho và Nho học có tính cách "nhiệm ý," học cho biết; trong khi vào thời nước ta độc lập, chữ Nho và Nho học có tính cách

"bắt buộc," học để tiến thân. Tất cả những điều này đưa đến các kết quả sau đây: Thứ nhất, xã hội Việt được hình thành theo mô hình quân chủ Nho giáo, dựa trên tam cương, ngũ thường. (12) Nhưng vua quan, anh hùng, thần thánh, phong tục, tập quán, luật pháp Trung Hoa trở thành những mẫu mực chẳng những của các cấp lãnh đạo xã hội Việt, mà cả của dân chúng Việt. Các điển lễ trong cuộc sống xã hội Việt, như cưới hỏi, tế tự, tang ma, trang phục... từ triều đình xuống tới thứ dân Việt, đều hoàn toàn rập khuôn theo điển lễ Trung Hoa, nhất là "Chu lễ" (tức nghi lễ nhà Chu bên Trung Hoa).

Từ dân trong xã hội có điển lễ là "sĩ nông công thương." Đây không phải là sự phân biệt giai cấp, nhưng điều này cho thấy xã hội nông nghiệp Việt rất tôn trọng "kế sĩ," là những người theo đuổi Nho học, và xem nhẹ các ngành công nghệ và thương mại.

Thứ hai, với sự hỗ trợ của chế độ quân chủ,

nên Nho học chiếm địa vị bậc nhất trong một thời gian dài ở nước ta, ít nhất từ thế kỷ 15 đến thế kỷ 19. Điều này một mặt giúp chế độ quân chủ ổn định trật tự xã hội, nhưng một mặt khác, vì sự sùng thượng Nho giáo quá độ, Nho học trở thành giáo điều, kinh điển. Có một thời, những gì "Tứ viết" (tức Khổng Tử nói) là khuôn vàng thước ngọc cho Nho sinh Việt.

Trong bất cứ xã hội nào, giáo điều luôn luôn giới hạn sự suy tư của dân chúng, và làm cho xã hội trở nên xơ cứng, không tiến bộ được. Điều này không phải chỉ diễn ra ở Đại Việt, mà ở ngay cả quê hương của Nho giáo là Trung Hoa, nhất là sau thời kỳ nhà Tống (968-1279). (13) Song hành với sự sùng thượng Nho học là sự sùng thượng văn hóa Trung Hoa, khiến nhiều người Việt chỉ xem trọng giá trị Trung Hoa, và xem thường tất cả những giá trị văn hóa khác.

Thứ ba, do bị ảnh hưởng nặng nề của văn hóa Trung Hoa, người Việt không mấy coi trọng văn hóa Tây





Chùa Hội An (Bí Quên Hội An), Hội An, Việt Nam - Ảnh: LÊ VĂN HÙNG

phương khi người Âu Châu đến xin mở cửa để giao thương. Có thể nói văn hóa Nho giáo trở thành một rào cản tự nhiên ở Đại Việt (đối thành Việt Nam từ thế kỷ 19) chống lại sự xâm nhập của văn hóa Tây phương, vì nền văn hóa Tây phương có nhiều điểm khác biệt với văn hóa Việt lúc đó.

Vua chúa thời Trịnh Nguyễn và triều đình nhà Nguyễn lo sợ nền văn hóa Tây phương sẽ làm lung lay nền tảng xã hội Nho giáo và ảnh hưởng đến quyền lực của họ. Cảm chú ý là Nho giáo là ý thức hệ căn bản của chế độ quân chủ trong đó khái niệm trung quân được đưa lên hàng đầu, nên các vua chúa lo ngại nền tảng Nho giáo bị thay đổi do sự xuất hiện của văn hóa Tây phương, có tính cách phóng khoáng, dân chủ và trọng nữ quyền. Xã hội Nho giáo lúc đó chấp nhận đa thê. Những người đa thê thường là vua chúa, quan lại và giới giàu có. Trong khi đó, giáo luật đạo Thiên Chúa du nhập từ Tây phương, cấm đoán

phong tục đa thê. Điều này vi phạm vào quyền lợi của giới lãnh đạo xã hội Nho giáo. Chính Thanh Đô Vương Trịnh Tráng (cầm quyền ở Đàng Ngoài 1623-1657) đã từng lên tiếng: "Đạo nào [Thiên Chúa] các người giảng trong nước ta? Các người truyền cho thần dân ta chỉ được lấy một vợ mà ta thì muốn có nhiều để sinh nhiều con trung thành với ta." (14)

Dân chúng Việt vốn bị ảnh hưởng sâu đậm văn hóa Trung Hoa, xem nhẹ việc buôn bán, xếp thương giới vào hạng cuối cùng của xã hội Nho giáo (sĩ nông công thương). Từ xưa, người Việt vốn không có nền ngoại thương, nên người Việt chẳng có nhu cầu buôn bán với người nước ngoài. Do đó, người Việt cũng thờ ơ với việc mở cửa, trao đổi giao dịch với người Tây phương.

Chính vì không thể thuyết phục được người Việt mở cửa để giao thương, chính quyền Pháp đã lợi dụng việc triều đình Việt Nam cấm đạo và đàn áp giáo sĩ, gây ra

những vụ tử đạo, (15) để kích động dư luận dân chúng Pháp, đưa quân xâm lăng và bảo hộ Việt Nam vào năm 1884.

Tóm lại, ảnh hưởng của văn hóa Trung Hoa trong gần một ngàn năm nước Việt độc lập (939-1884) có thể nói còn sâu đậm hơn trong một ngàn năm nước Việt bị Trung Hoa đô hộ (208 TCN-938). Toàn bộ hai lần ảnh hưởng này bao trùm lên nền tảng văn hóa bản địa Việt, khiến đôi khi có thể bị lầm tưởng trước đây, nền văn hóa Trung Hoa độc tôn tại nước ta.

(Toronto, 17-4-2006)

CHỮ THÍCH

1. Nguyễn Phương tích dịch, Việt Nam thời khai sinh, Huế: Phong Nghiên cư Sĩ, Viện Đại Học, 1965, tr. 186-187.
2. Nguyễn Ngọc Huy, Quốc triều hình luật Phiên âm, dịch nghĩa và chú thích, quyển A, Viet Publisher, [không đề nơi xuất bản], 1989, tr. 19.
3. Nguyễn Phương tích dịch, sách tr. 176 (3a) và 137 (3b).
4. Fera Trung Hoa thời Chiến Quốc (479-221 TCN), tại nước Tần, dưới đời Tần Hiến Công (cầm quyền 361-338 TCN), để thu thuế, tế tướng Thương

- Uông hợ Vệ Uông (390-338 TCN), bầy ra cách tế như họ khác.
5. Keith Weller Taylor, The Birth of Vietnam [Việt Nam khai sinh], University of California Press, 1983, tr. 75. Về việc này, tác giả Taylor căn cứ trên sách Tam quốc chí của Trần Thọ. (Sách này khác với Tam quốc chí diễn nghĩa của La Quán Trung là một bộ tiểu thuyết)
6. Lê Túc, An Nam chí lược [chữ Nho], Huế: Uj Ban Phiên Dịch Sư Liên Việt Nam, Viện Đại Học, 1961, tr. 39.
7. Edward H. Schafer, Ancient China, New York: Time-Life Books, 1967, tr. 16 (7a), tr. 37 (4b).
8. Keith Weller Taylor, sách tr. 35.
9. Quốc sử quán triều Nguyễn, Khâm định Việt sử thông giám cương mục, Hà Nội: bản dịch của Nxb. Giáo Dục, 1998, tập 1, tr. 92.
10. Tam cương: ba sự giới lớn của các loài, nghĩa bóng là ba giới mỗi của xã hội: vua tôi (quân thần), chồng vợ (phu phụ), cha con (phụ tử). Ngự thư: năm đạo của con người: nhân, nghĩa, lễ, trí, tín.
11. Tư thư: Đại học, Trung dung, Luận ngữ, Mạnh tử. Ngự kinh: Thi, Thư, Dịch, Lễ, Xuân thu.
12. Ngự thư: Năm đức tính thông thường của con người: nhân = lòng thương người; nghĩa = hợp với lễ phép; lễ: phép tắc cư xử, trong xã hội; trí: hiểu biết, khả năng suy nghĩ; tín: thành thật tin cậy.
13. Thời nhà Tống, xuất hiện nhiều danh sĩ Nho giáo rất

báo thù nổi tiếng như Trương Hoành Cơ (Trương Tế, 1020-1976), Trần Y Xuyên (Trần Di, 1033-1107) và Chu Hối Am (Chu Hy, 1130-1200) "thường quá thiên về đường quy thư, quá trọng về đường thương lễ và cư kinh cho nên thành ra e dè, bó buộc về một thứ ư, làm ngơ vờ, thật là hại cho sự tiến hóa" (Trần Trọng Kim, Nho giáo, quyển hạ, Sài Gòn: Trung Tâm Học Liệu, Bộ Giáo Dục, tái bản 1971, tr. 165-166.)

14. Alexandre de Rhodes, Histoire du royaume de Tonquin, bản Việt dịch của Hồng Nhữ, Lịch sử vương quốc Đàng Ngoài, TP.HCM: Tủ sách Đại Kết 1994, chương 20, tr. 124.

15. Tử đạo (mortu): nghĩa là chết vì đạo. Chữ "mortu" (Anh) bắt nguồn từ chữ "mortu" (Hy Lạp), có nghĩa là người làm chứng cho một sự kiện nào chính bản thân người đó chứng kiến hay kinh nghiệm. Nói cách khác là lời chứng bản thân mình làm chứng cho điều mình tin là có thật và mình đã chứng kiến hay kinh nghiệm. Nếu tình một đề ý, các chế độ cộng sản Liên Xô, Đông Âu, Trung Hoa Việt Nam, chủ trương đàn áp tôn giáo, nhưng không bao giờ gây ra những vụ tử đạo, mà chỉ sử dụng những biện pháp hành chính, hay những vụ án hình sự, chính trị, để bắt giam giam ai vi phạm đến các tôn giáo.



Bức "Iris" này được Van Gogh thực hiện năm 1889 trong đường tá tịa Saint Paul-de-Mausole ở Saint-Rémy-de-Provence, France, một năm trước khi ông qua đời năm 1890.

tếp theo trang 1

BÍ ẨN QUANH CÁC BỨC HOA DIÊN VĨ (IRISES), LẤY LÒNG CỦA VAN GOGH

Monica, Hoa Kỳ. Tôi có cơ hội đối mặt với một trong những bức vẽ hoa Diên Vĩ "Iris" nguyên thủy (original) của danh họa Van Gogh. Bức này là bức đắt giá thứ ba của ông, so với bức "Dr. Gachet" là một trong những bức tranh đắt giá nhất thế giới. Bức chân dung bác sĩ Gachet là người chăm sóc ông trước khi ông qua đời được bán đấu giá năm 1990 với giá 82.5 triệu đô.

Bức "Iris" hiện nay thuộc sở hữu của Getty Museum. Đứng trước bức tranh nguyên thủy nổi tiếng này, tôi tự hỏi không biết nó đẹp và hay ở chỗ nào mà lại đắt giá đến vậy. Tôi hỏi người hướng dẫn, hiện tại nó trị giá bao nhiêu? Bà ta từ chối trả lời mà bảo, nó "vô giá". Đó là một cách trả lời khôn ngoan nhất của Getty Museum. Từ xưa tới nay, Getty luôn luôn giấu kín giá của những sưu tầm có được, kể cả các báu vật quý hiếm. Nếu chúng ta tò mò muốn biết giá

phòng trưng của nó trên thương trường, ta có thể phỏng đoán từ sự kiện nó được đem ra đấu giá năm 1987. Cách đây 26 năm nó đã được Alan Bond, một nhà buôn tranh mua với giá 53.9 triệu đô và sau đó Getty là một bảo tàng viện giàu nhất trong các bảo tàng viện thế giới bị một mưa lợi với 1 giá kinh khủng nào đó không ai biết. Phải nói là, những tác phẩm nghệ thuật đối với khách thưởng ngoạn nếu không biết và hiểu thì nó chẳng có giá trị gì, nhưng với người yêu thích mà am tường thì nó quá vô giá. Do đó Getty không bao giờ tiết lộ cái giá họ trả vì cho dù nếu họ mua quá đắt hay quá rẻ, cả hai điều này đều vô nghĩa với giá trị nghệ thuật chân chính của tác phẩm đó.

Bức "Iris" này được Van Gogh thực hiện năm 1889 trong đường tá tịa Saint Paul-de-Mausole ở Saint-Rémy-de-Provence, France, một năm trước khi ông qua đời năm 1890. Nó

được ông vẽ trước khi bị đột quỵ nên người ta có thể nhận ra sự tinh tâm mảy mẩn có được trong tác phẩm cuối đời này của ông. Bức này chịu ảnh hưởng của kỹ thuật tranh in mộc bản (Ukiyo-e woodblock prints) của Nhật Bản, cũng như trong phần lớn các tác phẩm khác của ông. (Loại tranh in bằng bìa khắc gỗ của Nhật Bản được ra đời trong khoảng thế kỷ từ 18, được lưu dụng đến thế kỷ 20, lúc đó hầu hết các họa sĩ trên thế giới đều chịu ảnh hưởng loại tranh này). Từ nơi an trí của bệnh viện tâm thần 57 Paul-de-Mausole, những tác phẩm lấy lòng ra đời như phật dương quang bùng dậy của người họa sĩ tài danh. Thiên nhiên, cây cỏ, côn trùng và nhất là hoa rực sáng, và tươi nó trong tim ông. Qua khung cửa trời đầy màu vàng chín của cánh đồng lúa mì và sắc xanh của cây ô-liu già, bức "Diên Vĩ" với sắc lam tím đã ra đời miêu tả trọn vẹn những cảm xúc buồn

bã, cô độc, vui, buồn, giận ghét trong một con người chịu nhiều sóng gió. Người họa sĩ nghèo khổ, cô đơn này đã từng tự cắt tai vì mất tình bạn với Gauguin, đặt tay trên lửa nóng và kết thúc cuộc đời vô vọng của mình bằng một phát súng trên cánh đồng lúa mì gần nhà thương điên.

Nếu bạn hỏi tôi, tìm thấy gì trong bức Diên Vĩ này, xin chia sẻ cùng các bạn cảm nghĩ của tôi khi đứng trước nó.

"Nó đánh mạnh vào thị giác của người xem bởi những gam màu sắc tuyệt đẹp. Trong khoảnh khắc của một cảm ảnh, bạn như đang đứng trước một vườn hoa Diên Vĩ rực sắc xanh tím lạ kỳ, sống động, mạnh khỏe và bùng sáng. Người xem như bước thật sâu vào tranh và đang là một đoá xanh lam tím trong những đoá xanh. Tôi để ý thấy được một đoá màu trắng to, khỏe, ở bên góc trái bức tranh, nở miệng trái tim cười. Tôi đoán đó là hiện thân của Van Gogh, không biết bạn có nghĩ như tôi không?

Những thân lá uốn éo tạo những nét cong, gãy, ấn tượng, thể hiện tâm hồn yếu đuối của nghệ nhân. Những ảo giác mơ hồ trùng điệp trong rừng hoa như vẽ vờ u buồn lại mơn dạt của sắc xanh pha lam tía, khiến tôi liên tưởng đến sự mạnh thiêng liêng của Mẹ

Đất (Earth Mother) giờ đang bị tổn thương. Nó hết như tâm hồn cô đơn, quằn quại của Van Gogh khi đã tìm được khoảnh khắc an bình thanh thản khi sáng tác bức Diên Vĩ này. Qua đó, bạn có thể trực diện cảm nhận được niềm tin thần thánh của họa sĩ về thiên nhiên và nghệ thuật."

Mỗi một bức vẽ Diên Vĩ, ông vẽ mỗi khác. Ông cẩn thận nghiên cứu hình dáng và chuyển động của chúng kể các bóng rọi, bóng nghiêng, nét uốn lượn, quằn quại, rợn sóng. Ông để ý quan sát và tạo hình chúng như chính ông là hoa Diên Vĩ vậy. Đến nói Octave Mirbeau, một nhà phê bình nghệ thuật người Pháp, chủ nhân đầu tiên của bức "Iris" phải thốt lên rằng "Bằng cách nào mà Van Gogh thấu hiểu sự thanh tú tự nhiên của hoa cỏ tinh tế đến vậy?"

Trong khi bức "Vase of Iris" (Bình hoa Diên Vĩ) ông thực hiện một năm sau (1890) thì khác. Bức này hiện thuộc về bộ sưu tập của viện bảo tàng Metropolitan Museum of Art ở New York.

Ông không dùng lối vẽ đắp nặng nề và sắp xếp màu đen làm viền nữa. Bằng những nét cọ nhỏ đặc thù quen thuộc, người họa sĩ xứ Hà Lan lần này đã phối màu nhẹ, mát mắt và ít dữ dội hơn. Ông sử dụng màu lam tía, xanh lá cây, xanh nước

PHỔ ĐỒNG

Giọt nắng

Ta mang một giọt nắng
Nghìn năm đọng hai bờ
Suong tan cuối mây vô
Ảnh hiện trắng đáy soi.

Dòng sông ánh mây hiện
Bóng bính lạc xứ xa
Ráng chiều nghiêng đổ hạt
Rừng sâu mờ núi xa.

Chùng ngu quên giọt nắng
Mơ mắt gió đông về
Mưa xuân hoa chao động
Nắng loam rụng bóng chiều.

Tuông rêu xanh năm cũ
Sáng lên một chút buồn
Ngày qua lay đầu mộng
Mối mai cuốn xa nguồn.

Tàn xuân nghiêng soi nhớ
Nắng ngủ bờ rặng pha
Sợi tóc mềm bên đở
Luân lưu tháng năm gầy.

Giọt nước

Chiêm sâu trong đáy huyết
Cỏ liêu một kiếp người
Quán trọ cuối triều nguyệt
Mưa xuân, sẩy bước chân.

Lênh đênh đầu bọt sóng
Ta giọt nước mong manh
Nghìn năm xưa lớp lánh
Vị mặn nào đối thay.

Biển trăm giọt nắng đợi
Mưa tràn lòng trời xa
Triều dâng chờ nguyệt hạ
Đáy lòng biển lặng câm.

Bọt sóng phù tang hoá
Nước lạnh bờ bến xa
Muôn đời hạt cát mịn
Giọt nước cuối buồn chưa?

Một nụ cười

Ngày xưa buồn hiến hiện
Kiếp người quá mong manh
Nỗi đau lòng cạnh cánh
Thương cho một nụ cười.

Hôm nay buồn đi vắng
Không nói buồn, mệnh mỏng
Trần đầy tâm ảnh hiện
Thế giới ngập hoa không.

Mai kia buồn lắng đọng
Soi rõ bản mặt xưa
Một cục thịt cau đờ
Máu trào nổi đường qua.

Thoảng qua từng hơi thở
Vào ra một kiếp người
Êm đêm như lắng đọng
Nhật hoa miệng mỉm cười.

biến đổi chơi lại ánh sáng của nền và màu trắng của chiếc độc bình với những điểm vàng trong bó hoa như màu tương phản. Màu xanh của chiếc bìa lấp lại màu xanh thẫm lá của những cành Diên Vi, tạo dáng chủ đạo trong nghệ thuật xếp xếp của bình hoa và phá lên nét nhìn thanh nhã thẳng đứng.

Tôi tìm thấy gì trong bức Diên Vi này?

Cũng như lần trước tôi tìm ra Van Gogh như ẩn hiện trong một đóa hoa bên góc phải bìa. Để ý kỹ, bạn sẽ thấy bên góc phải một đóa hoa với ba cánh đang tàn ủa với màu sắc khác lạ. Nhất là cái cánh hướng về phía dưới trông giống khuôn mặt người với cái miệng là một đốm màu vàng. Cánh hoa tàn ấy mang tâm trạng u uất, hoang mang và hỗn loạn của một người đang quyết định cho mình một chọn lựa chưa khoát, một chia ly. Bức tĩnh vật "Bình Hoa Diên Vi dựa trên nền vàng" (Vase with Irises Against a Yellow Background), Bức thư ba này hiện thuộc sở hữu của Van Gogh Museum tại Amsterdam, The Netherlands, Europe. Nó được thực hiện năm 1890 có lẽ là Bức Diên Vi cuối của đời ông.

Ông đã phân tích bức họa của mình cho người em là Theo hiểu khi viết thư cho Theo vào tháng 5, ngày 11 và 12:

"Bó hoa tìm được đặt trên nền vàng chanh sáng cùng sắc vàng tương phản của chiếc độc bình, mang lại cảm tượng lớp màu này

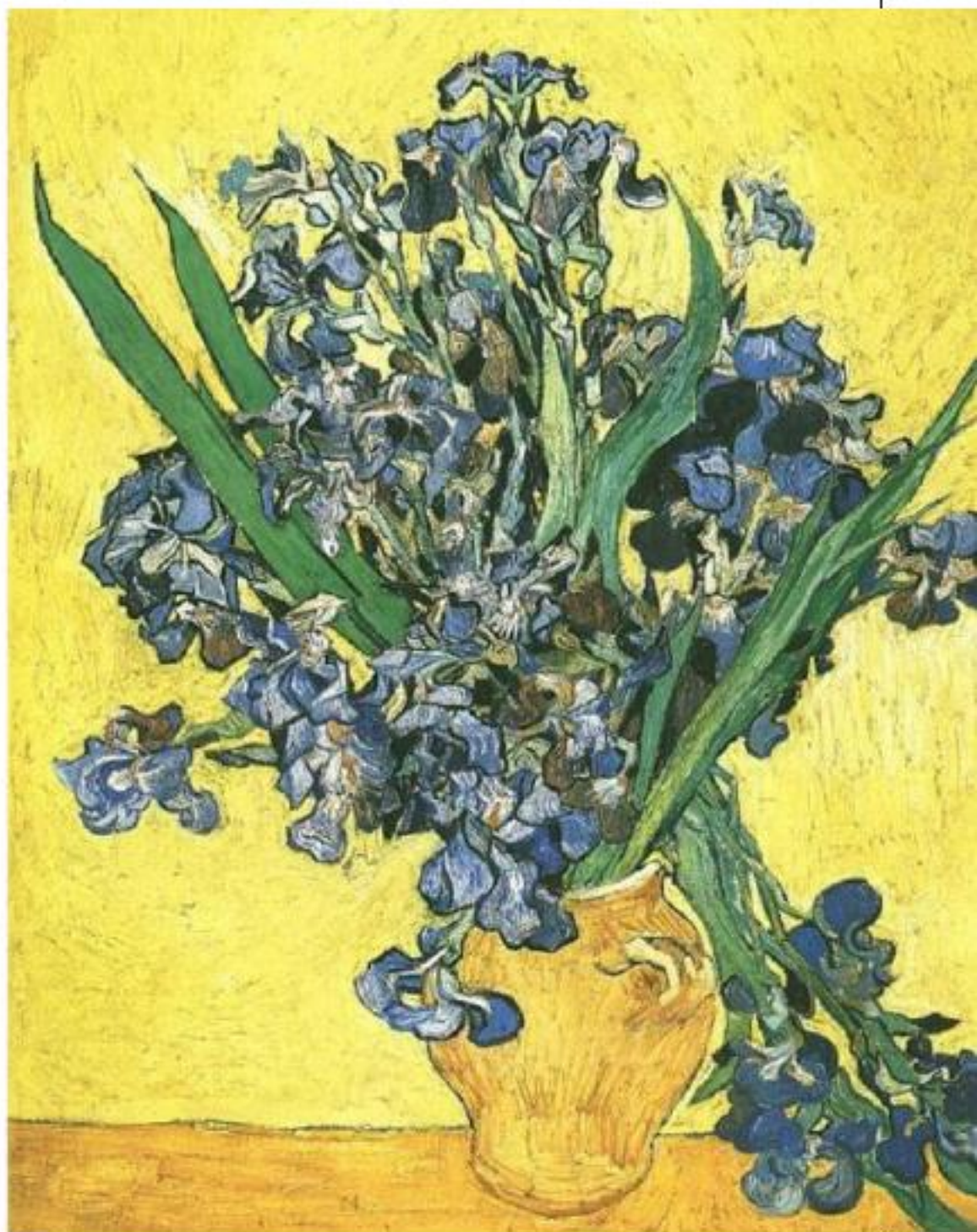
chồng lên lớp kia. Tuy nhiên sự tương phản khiến mỗi màu sắc nổi bật nét riêng của mình." Dựa vào bức họa này, Dale Lerner với một suy luận dựa trên một vài chứng cứ nào đó đã đưa ra kết luận rằng VanGogh chính là Jack The Ripper một kẻ sát nhân. Dale tuyên bố sau 3 năm nghiên cứu ông đã tìm ra VanGogh, một bệnh nhân tâm thần với bề ngoài nhút nhát nhưng chính là kẻ sát nhân hàng loạt có tính toán. Năm 2004, sau khi đọc những lá thư của VanGogh, Dale bắt đầu nghi ngờ và so sánh khuôn mặt của Mary Kelly, một nạn nhân của Jack The Ripper bị giết ở London, với bức họa nói trên. Dale cho rằng khi nhìn những bông hoa Diên Vi trong bức họa được VanGogh tạo hình, mỗi bông là một mảnh thân thể của Mary. Đây là website mà Dale Lerner trình bày giả thuyết của mình. (http://vincentaliciasjack.com/VanGogh_Ripper_Irises.html). Nhiều người đã vào tìm đọc và phê bình, có người tin, có người cho suy luận mơ hồ không căn cứ. Lerner tưởng tượng quá mức. Hoặc giả đây chỉ là một scandal không gây được một tiếng vang nào đáng kể. Phút gặp gỡ đầu tiên giữa tôi và bức "Hoa Diên Vi" số 1, giống như phút giây tôi biết đến Van Gogh lần đầu. Sau phút tạo phùng so ngộ ấy, tôi tìm hiểu thêm về người và tranh, mới bật ngửa ra rằng, chưa bao giờ nghệ thuật, con người và số phận lại quấn lấy nhau riết róng, bền chặt và bí ẩn dường

ấy như trường hợp của Van Gogh. Thiên nhiên, cuộc đời, tay vẽ, đam mê và những xúc cảm trong con người ông hoà quyện với nhau làm một. Trong suốt 10 năm ông làm hội họa, hơn 500 tác phẩm khác nhau ra đời. Mỗi bức tranh, mỗi trang đời, trong mỗi giai đoạn, là mỗi một câu chuyện trong cuốn hồi ký dài 500 trang tự thuật. Ông đã để lại cho thế giới một kho tàng, một bộ sưu tập mỹ thuật sáng tạo vô giá gồm những cái đẹp của một vũ trụ hỗn mang, chao đảo. Tôi xin dùng một lời phát biểu của Họa

Sĩ Nguyễn Thuyền về VanGogh để thay lời kết: "Mỗi họa sĩ, sau khi thừa hưởng di sản quá khứ sẽ đầy được hội họa tới trước được bao xa? Dù chỉ là một chút xiu? Lúc trẻ tôi không chiêm nghiệm được cái lớn của Gauguin và Van Gogh. Mỗi họa sĩ đều phải đi con đường khó ai của chính mình và giải được những câu hỏi của con Sphinx trong nghệ thuật. Sau khi cố gắng làm tranh có vẻ như có 3 chiều, Gauguin và Van Gogh hiểu rằng việc chấp nhận hai chiều sẽ làm tranh có tính tạo

hình(plastic) nhất, hiểu tại sao họ thích tranh Nhật. Nhưng mảng phẳng dẹt, và bút pháp của hai ông là điều chưa từng thấy, nó giải phóng tay vẽ, theo tôi Van Gogh chỉ vẽ có một lớp dầy, và hoàn tất, nó đòi hỏi sự điều luyện biết chừng nào. Và màu sắc, có cái thấy một palette như bức này trong lịch sử hội họa Tây phương trước đó? Và màu của Gauguin nữa, chúng là những bữa tiệc trần gian mà người say mê hội họa không bao giờ biết chán."

TRỊNH THANH THÙY



"Tôi luôn tìm được đặt trên nền vàng chanh sáng cùng sắc vàng tương phản của chiếc độc bình, mang lại cảm tượng lớp màu này chồng lên lớp kia. Tuy nhiên sự tương phản khiến mỗi màu sắc nổi bật nét riêng của mình."

MỘT TRANG, NHIỀU TIẾNG NÓI

Đó là một trang web mới, nơi đăng các bài viết của nhiều nhà văn, nhà thơ, nhà bình luận, nhà nghiên cứu độc lập.

Họ cầm bút một cách tự do và độc lập. Không ai ép buộc họ phải viết thế này hay thế kia. Một thời đất nước mình các nhà văn phải viết theo chỉ thị, một kiểu rất mực xã hội xã hội chủ nghĩa, và bây giờ tuy chế độ đã vào nền kinh tế thị trường, nhưng văn học vẫn hiện thân giữa các rào cản mới, có khi tinh vi hơn và có khi thô bạo hơn.

Trang web mới có tên là Văn Việt, địa chỉ ở: <http://vanviet.info/>

Trong bài đầu tiên, bài có tựa đề "Lời chào Văn Việt," nhóm các

nhà văn độc lập này tự giới thiệu:

"Bạn đọc, bạn viết thân mến!

Thế là Văn Việt, trang web văn chương của Ban vận động Văn đoàn Độc lập Việt Nam, đã chào đời.

Như tuyên bố của Ban vận động Văn đoàn Độc lập Việt Nam, Văn Việt ra đời "với mong muốn góp phần tích cực xây dựng và phát triển một nền văn học Việt Nam đích thực, nhân bản, dân chủ, hiện đại, hội nhập với thế giới, có thể đóng vai trò tiên phong dùng như nó phải có trong sự nghiệp phục hưng văn hóa, phục hưng dân tộc mà lịch sử đang đòi hỏi." Slogan Văn Việt đã chỉ rõ: Vì một nền văn học Việt Nam đích thực, đó là

mục tiêu của Văn Việt, ngoài ra không có mục tiêu nào khác. Năm 1987 trên báo Tuổi trẻ nhà thơ Nguyễn Duy đã nói: "Văn hóa cao và rộng hơn chính trị. Văn học không phải là cái đuôi chính trị, nhà văn không phải là cái đuôi của nhà chính trị. Nếu văn học là cái đuôi của chính trị thì ở thái cực nào cũng tầm thường như nhau." Nhà văn luôn cần có trách nhiệm cao đối với mọi vấn đề của cuộc sống, không có bất cứ điều gì liên quan đến con người là xa lạ đối với chúng ta, nhưng chúng ta không dùng văn chương để hoạt động chính trị, không biến văn chương thành công cụ của chính trị, "dù ở thái cực nào". Văn Việt quyết mãi đi theo ý hướng đó. Kể từ đây Văn Việt xin

được làm bạn đường với bạn đọc, bạn viết tiếng Việt cả trong và ngoài nước. Văn Việt sẵn sàng đón nhận tác phẩm của tất cả mọi người với tiêu chí trước tiên và trên hết: văn chương phải hay. Nếu như trên Văn Việt còn có những trang văn không hay, đó là do Văn Việt còn yếu kém chứ không phải tiêu chí văn chương của Văn Việt thay đổi.

Đầu còn rất lâu chúng ta mới vươn tới tầm cao của văn chương nhân loại, nhưng văn chương Việt Nam là một bộ phận không rời của văn chương nhân loại, vì thế chúng ta không thể đi chệch hoặc đi ngược với văn chương nhân loại: văn học vì con người.

Đường còn rất xa, còn lắm chông gai, nhưng

Văn Việt quyết đi tới. Rất mong bạn đọc, bạn viết sát cánh bên Văn Việt để hướng đến một nền văn học Việt Nam đích thực, ước mong chung của chúng ta.

Văn Việt." (hết trích)

Nhưng các nhà văn này là ai? Họ là Văn Đoàn Độc Lập Việt Nam.

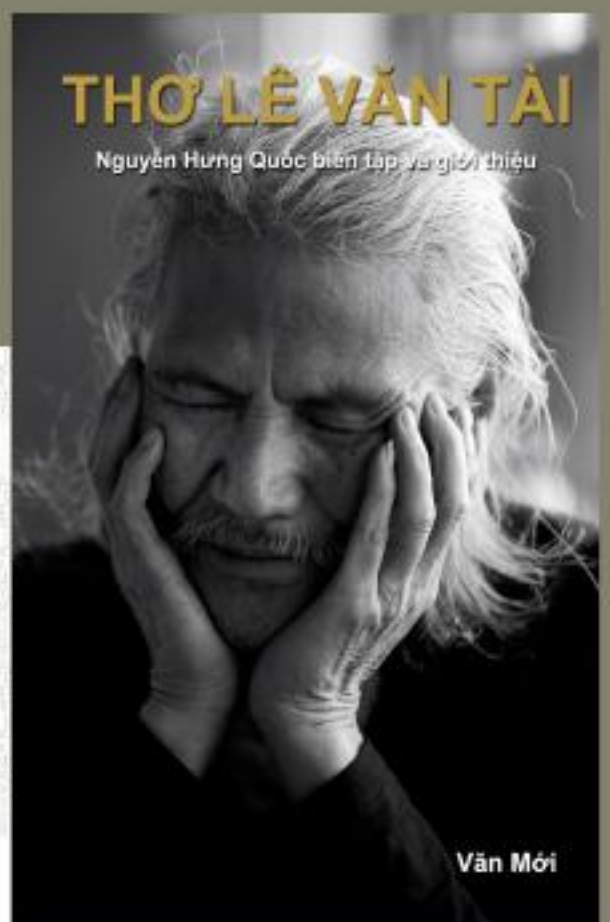
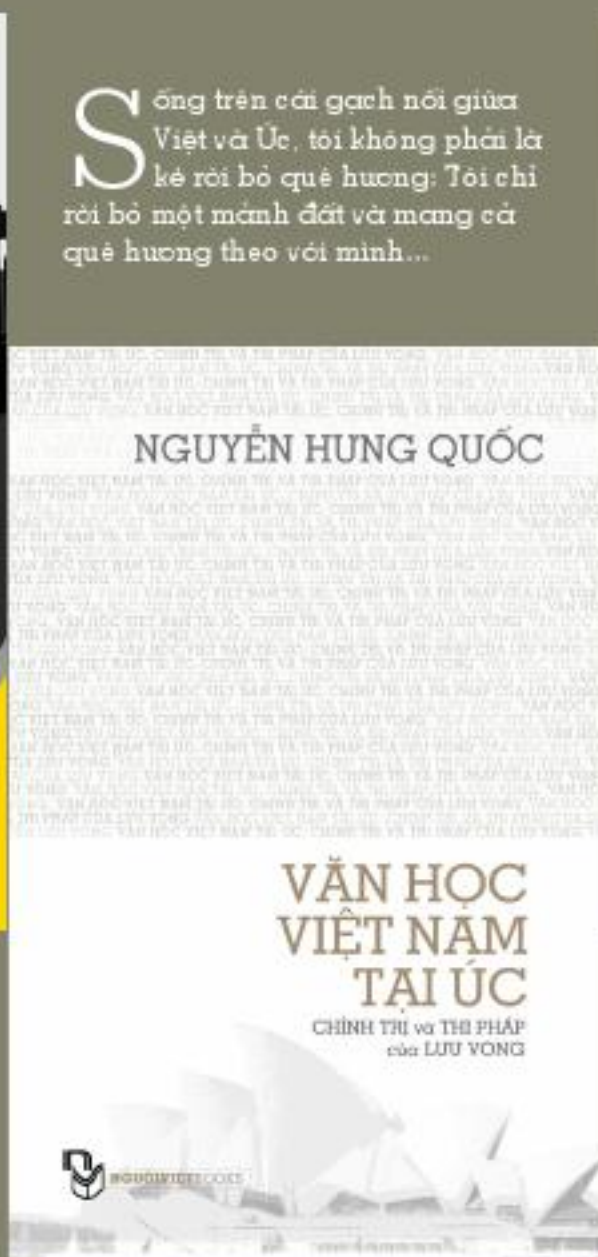
Trên trang web, có ghi danh sách Ban đại diện VDDLN:

"Nhà văn Nguyễn Ngọc, Nhà văn Bui Ngọc Tấn, Nhà văn Võ Thị Hào, Nhà văn Trương Hạ, Nhà văn Trần Thùy Mai, Nhà thơ Ý Nhi, Nhà ngôn ngữ Hoàng Dũng, Nhà thơ Bùi Chát."

Có vẻ như trong này, đa số là các nhà văn



Đây là cuốn sách đầy đủ nhất về phương pháp dạy tiếng Việt cho người ngoại quốc cũng như cho trẻ em Việt Nam ở hải ngoại. Nội dung bao gồm các vấn đề chính: Các lý thuyết, phương pháp và nguyên tắc giảng dạy ngôn ngữ; Cách thức dạy tiếng Việt, từ việc dạy nói đến việc dạy đọc, dạy viết và dạy tư duy; Cách thức dạy học một cách sinh động để học sinh thấy hứng thú khi học tiếng Việt.



Hãy tìm đến với Lê Văn Tài, nhà thơ kiêm họa sĩ Úc gốc Việt. Cũng như tất cả những tác phẩm nghệ thuật sáng giá, tranh và thơ của ông sẽ làm thay đổi cách nhìn và cách đọc của bạn. Lê Văn Tài là một con người vùng vẫy giữa hai bờ, đứng chênh vênh giữa hình tượng và văn bản, giữa bầu trời và mặt đất, để mang màu đen và màu trắng vào nhau. Ông viết và vẽ những hình ảnh đẹp rợn người.

không được chính phủ ưa thích.

Có những người trong đó không còn được chính thức in hay xuất bản sách trong nước nữa - thí dụ, nhà thơ Bùi Chát, người sáng lập Nhà xuất bản Giấy Vụn tại Việt Nam, được Hiệp hội các nhà xuất bản quốc tế, IPA, trao giải Tự do Xuất bản 2011. Giải này được trao tại Buenos Aires, trong khuôn khổ Hội chợ sách quốc tế lần thứ 37 diễn ra tại thành phố này. Giải Tự do Xuất bản? Hẳn là những gì chính phủ không ưa thích, vì lẽ vi phạm luật xuất bản VN là bị quy chụp liên tội "lợi dụng dân chủ."

Trong khi Bùi Chát sinh năm 1979, một hình ảnh của thế hệ trẻ (nên hiểu là tương đối trẻ, vì chính phủ không cho giới cầm bút trưởng thành sớm, nên tuổi nào cũng có thể gọi là trẻ hay chưa già lắm), nhà văn Nguyễn Ngọc là một cây bút kỳ cựu, sinh năm 1932, mang hàm Đại tá Quân đội Nhân dân Việt Nam, từng nhiều lần tham dự biểu tình để phản đối việc Trung quốc gây hấn và lấn chiếm Biển Đông. Nhưng có lẽ, một trong những điều chính phủ không hài lòng là xin rút tên khỏi danh sách đề cử Giải thưởng Hồ

Chí Minh năm 2011.

Nhiều người cầm bút khác cũng đã có những suy nghĩ độc lập và và phong thái viết độc lập từ lâu.

Nhưng không phải ai cũng thuộc nhóm các nhà văn bị chính phủ đẩy qua bên lề: trong nhóm vẫn có những người được các cơ quan truyền thông của chính phủ ưa chuộng.

Nhìn toàn cảnh, họ không có gì giống nhau cả, vì họ không mặc đồng phục, và họ không vâng phục những cú điện thoại từ anh Ba hay chủ Tư nào cả. Và hẳn là, họ cũng bất đồng với nhau trong nhiều suy nghĩ, nhiều việc làm. Nhưng tất cả đều muốn có một trang web, nơi các tiếng nói bất đồng đều được trình bày — họ sẽ không bịt miệng nhau, họ đều muốn mọi nhà văn đều có quyền tự do sáng tác, và mỗi người đều nên là các ngôi bút tiên phong trong cách riêng.

Trong những bài đầu tiên trên trang Văn Việt, người ta thấy có truyện ngắn Nguyễn Ngọc Tư, thơ Nguyễn Quốc Thái.

Nhưng rồi bài viết tựa đề "8 câu hỏi về vụ lùm vắn thạc sĩ của Nhà Thuyền" cho

thấy một hình ảnh văn chương bị chính phủ vui dập, nơi đó Thạc sĩ văn chương Nhà Thuyền bị tước văn bằng và vị Giáo sư bảo trợ cho Nhà Thuyền bị cho về hưu sớm mấy năm.

Hóa ra, nhiều người sẽ thức mắc, sao thời này vẫn còn những "vụ án văn tự" như thế.

Nói ngắn gọn, vì các nhà văn trên Văn Việt không mặc đồng phục và vì mỗi người chấp nhận các dị biệt của nhau, chúng ta sẽ không thể nào nói đầy đủ về họ.

Cách đơn giản nhất, là xin mời nhau vào trang <http://vanviet.info/> để đọc những sáng tác tự do và độc lập của họ, để hiểu những cách họ tiếp cận văn học và sáng tác dị biệt, để chung sức và cùng mơ ước với họ để xây dựng một nền văn học xa lạ mọi gông cùm xiềng xích.

Ngắn gọn, các nhà văn trên Văn Việt sẽ là những cánh chim bay cao, đang bay tới những chân trời sáng tạo mới - và không chấp nhận các ràng buộc, kể cả những lông son có thép vàng.

TRẦN VĂN LỆ

lát rồi là thương nhớ...

Nhiều người đã tới đó / chào anh / vĩnh biệt anh. Hôm nay trời trong xanh, anh đi trong nắng ấm...

Tất cả những tình cảm / dành cho anh đậm đà. Anh đi trong tuổi già / chắc là đi thư thái?

Những người còn ở lại / tại sao buồn, sao buồn? Hối này là yêu thương, lát rồi là thương nhớ...

Làm con người thật ngộ / sinh tử như giấc mơ... Những cơn mưa say mưa, không ai cảm được lệ!

Anh ra đi như thế. Người ta đẩy anh đi. Con đường cuối, biệt ly, dài chỉ chừng trăm thước...

Những giọt lệ còn sót / xanh con đường nghĩa trang. Con bướm đậu hoa vàng, hôn anh lần cuối chắc?

Anh đi là anh mất. Anh mất là không còn. Tôi trở ngược lối mòn. Trở về. Ngày bóng xế...

Nói lời nào nhỏ nhẹ cũng là nói với anh. Hối nghĩa trang có xanh / gió bay bay nhẹ nhẹ...

TRẦN VĂN LỆ



trên tất cả
đỉnh cao
là lặng im

thơ
phạm công thiện

HƯƠNG TÍCH PHÁT VIỆT

Nguyễn Thị Từ Huy kể chuyện một nhân vật hư cấu để mượn cơ viết bản cáo trạng lối sống giả dối bao trùm trên xã hội hiện tại. Không cần nói ra, ai cũng biết, tác giả muốn mọi người thư tỉnh, từ chối cách sống đó. Bất đầu, phải có người nói ra: Tôi đang sống trong dối trá! Tôi từ chối, không muốn sống dối trá nữa!

nguyễn thị từ huy
gửi người yêu
và tin

diễn thuyết



tựa của Hoàng Ngọc-Tuân • hạt của Phan Huy Đường

HOANGVIET.INFO



lục bát
thơ hoài khanh

HƯƠNG TÍCH PHÁT VIỆT

Người lữ hành bước đi, tung con sóng của đại dương cuốn theo, xoa sạch từng dấu chân đi. Lưu lại trong khách ào ánh tiên thân, phảng phất mùi hương, và sắc màu quá khứ không phai nhạt.

Như huyền tượng, như chiêm bao, như thành phố giữa hư không, cũng vậy, những gì xuất hiện, tồn tại, rồi hủy hoại.

Đã đi rồi đã đi chưa
Thượng phương lục trướng đang
đưa giữa trời.

Trong mỗi bài thơ, trong cả tập thơ, tôi nhặt từng hạt sương, mà chợt nghe lạnh buốt âm thầm, bởi đâu đó trong hoài niệm xa xôi, đôi mắt u huyền của một thời, một đoạn đời đã thành thiên cổ. Nhưng hạt sương trong lòng tay chợt thoáng tan; dòng thời gian ngưng đọng, để dòng cảm thành hạt bụi, rơi rớt. Còn gì nữa chăng? Trong ta là núi là rừng Là trăm tiếng hát đã dùng trên môi.

Vẫn còn ngân vang mãi đó, lời ru của Mẹ, trong vắn thơ sáu-tám.



Kiếp theo trang 23

MAY THAY SINH Ở NƯỚC NAM

nhỏ bé của nước họ. Tôi đã gặp một người Việt Nam theo chồng về sống ở Croatia, chị kinh doanh thành công, gặp đồng bào thì vui vẻ mời về nhà, nhưng chị rất bận rộn vì có mấy cơ sở làm ăn, đặt ở mấy hòn đảo khác nhau (mà những hòn đảo ở Croatia thì đẹp lắm).

Âu Châu có diện tích gần bằng Trung Quốc. Lịch sử Âu Châu cũng có thời lập ra những đế quốc rất lớn, từ thời La Mã, thời Charlemagne, cho tới những ông Napoleon, Hitler; ông nào cũng muốn thống nhất san hà. Nhưng cuối cùng, không đế quốc nào thành công trong việc nuốt trọn Âu Châu làm một; như các ông Tấn Thủy Hoàng, Hán Cao Tổ đã đặt nền tảng cho Trung Quốc. Như vậy có thể nói rằng người dân Âu Châu thiếu may mắn, và thua kém người Trung Hoa hay không?

Nhìn vào đời sống của người dân Âu Châu bây giờ thì chúng ta thấy họ đang tiến bộ, hạnh phúc hơn người Trung Quốc rất nhiều. Họ đã phát triển kinh tế và dân chủ hóa sớm hơn Trung Quốc vài thế kỷ. Mà đây không phải là chuyện tình cờ.

Nguyên nhân chính gây khác biệt là Trung Quốc thì đã thống nhất từ hai ngàn năm nay; còn bên Âu Châu vẫn giữ được nhiều dân tộc, nhiều văn hóa, tập hợp trong nhiều quốc gia độc lập, nhờ hoàn cảnh đó chính quyền các nước phải ganh đua với nhau. Âu Châu mới thì nghiệm "thống nhất" một cách lỏng lẻo từ cuối thế kỷ 20; với hiệp ước Maastricht năm 1993, tuy vậy vẫn còn nhiều nước không muốn tham dự; năm 2012 nhiều người Anh còn muốn rút ra. Việc tham dự vào Liên hiệp Âu Châu (EU) hay việc sử dụng đồng

euro hoàn toàn do dân chúng mỗi nước tự quyết định bằng lá phiếu, cho nên nó chậm chạp. Nhưng cứ chậm như vậy lại an toàn hơn.

Trong lịch sử loài người, khi nào quyền chính trị được tập trung quá thì sẽ cản trở những tiến bộ văn minh. Khi nào quyền hành được phân tán, con người được tự do hơn thì dễ tiến bộ hơn. Nhờ tự nhiên cạnh tranh Âu Châu có điều kiện phát triển nhanh hơn Trung Quốc. Tại Âu Châu không triều đại nào dùng trùm cả "thiên hạ" hàng ngàn năm như bên Tàu, các ông vua nhỏ cũng phải ganh đua với nhau, họ đã tiến bộ sớm hơn Trung Quốc mấy thế kỷ. Vì ngay những lúc ở một, vài quốc gia có tay bạo chúa nắm quyền, vẫn còn một số dân tộc khác sống trong những lãnh địa tự do với chủ quyền

độc lập, các bạo chúa không can thiệp vào được. Không có một ông vua hay triều đình nào ra lệnh cho tất cả Âu Châu phải nghe. Các nước nhỏ nhỏ trở thành nơi trú ẩn cho các người "bất đồng ý kiến" và bị đàn áp từ các nước đang bị cai trị hà khắc. Nhiều triết gia, văn sĩ, nhiều nhà khoa học từ nước này chạy sang nước khác lánh nạn, có khi lại còn được vua chúa nước khác mời đón nồng hậu, nhờ thế họ có cơ hội tiếp tục làm việc và sáng tạo. Một vài nước nhỏ có nếp sống bao dung được nhắm tài các nơi về quy tụ. Những người Do Thái bị bức hại đã chạy từ Tây Ban Nha lên Hòa Lan, mới sinh ra Spinoza. Những nhà khoa học, triết gia Pháp được đón tiếp ở Thụy Điển, Đức, Thụy Sĩ hay Nga. Họ giúp cho khoa học, kỹ thuật, thương mại và văn hóa các nơi đó phát triển; sau cùng dân Âu Châu đều được hưởng. Bị vua Pháp cấm đạo thì cả một nhóm người bỏ sang Anh sống để giữ tôn giáo của mình. Một ông vua ngăn sông cấm chợ thì các thương gia kéo nhau đi nước khác, làm giàu cho quê hương mới!

Trong khi đó, ở Trung Quốc thì chỉ cần một

ông vua ra lệnh cấm là hàng trăm triệu con người trong cả một lục địa phải tuân theo. Đời nhà Minh, nghề hàng hải của người Trung Hoa đứng hàng đầu thế giới, chính người Ả Rập đã học nghề của họ cho nên sau này kiểm soát được đường hàng hải từ châu Âu qua Ấn Độ dương. Thử so sánh hai câu chuyện của Christopher Columbus và của Trịnh Hòa ta sẽ thấy chế độ chính trị độc tài trên một quốc gia rộng lớn gây tai hại như thế nào.

Columbus tin rằng trái đất tròn, nên "lập dự án" theo đường biển về phía Tây để tìm cách khác sang Ấn Độ. Ông hy vọng con đường biển mới sẽ ngắn hơn đường đi về phía Đông, lúc đó phải vòng xuống qua mũi Hảo Vọng ở phía Nam châu Phi, mất quá nhiều thời giờ. Ông trình bày dự án đó với vua Bồ Đào Nha từ năm 1485, mấy lần không được ủng hộ, vì các quan cận thần ghét nên dèm pha. Ông lại đem bán dự án này cho chính quyền các thành phố thương mại Genova, Venezia, vân vân, cũng bị họ bác, vì họ thấy nhiều rủi ro bất trắc quá so với kỳ vọng về lợi nhuận. Đến năm 1492 ông mới tìm được



Ảnh: MINH HUYEN NGUYEN

nhà bảo trợ là vua Ferdinand và Hoàng hậu Isabella ở nước Tây Ban Nha. Khi kho tàng của nhà vua không đủ tiền trợ cấp, Columbus đã dùng uy tín của hoàng gia để gây vốn với các thương gia người Ý. Nhưng "nhà đầu tư mạo hiểm" này đóng góp gần một nửa chi phí, với hy vọng được chia lợi nếu dự án phiêu lưu này thành công. Columbus lên đường. Câu chuyện này không khác gì các tay đầu tư mạo hiểm (venture capitalist) ở Mỹ góp vốn khởi công cho các xí nghiệp mới, bắt đầu khai phá kỹ thuật tin học và internet đời này!

Cũng trong thế kỷ 15, ở nước Trung Hoa, ông vua nhà Minh nắm toàn quyền sinh sát. Một ông Chu Lễ (Minh Thành Tổ) sùng cả Thái giám Trịnh Hòa, từ năm 1421 trao quyền và cấp tiền cho ông ta thực hiện những chuyến hải hành lớn nhất thế giới. Nhưng sau khi hai vua cũ chết, người cháu lên nối ngôi đối chính sách, cấm mọi người Trung Hoa không được đi ra nước ngoài. Ra lệnh cấm đóng tầu đi biển, triều đình còn sai phá hết các xưởng đóng tầu mà vị đồ đốc cũ xây dựng, đốt cả các tài liệu và các

kỹ vật mà ông thái giám đã tích trữ được sau những chuyến hải hành! Hậu quả là nghề hàng hải của nước Trung Hoa ngưng suốt mấy thế kỷ, không phát triển được như trước.

Nếu ở Âu Châu có một ông vua cũng "nghe lời sấm tấu" mà cấm dân không được đi biển, như Minh Nhân Tông bên Tàu, thì một ông Trịnh Hòa ở đó sẽ làm theo lời Columbus. Ông ta sẽ đi tìm một ông hoàng khác mời bỏ vốn. Các thợ đóng thuyền chuyên môn khéo tay sẽ di cư sang nước khác tìm việc, và chắc sẽ được trọng dụng. Kỹ thuật hàng hải của Trung Hoa thật lùi, chậm chạp hơn người Âu Châu mất mấy trăm năm. Ngày nay, mua được một chiếc hàng không mẫu hạm cũ của Ukraine về, đem đi diều vó trong Biển Đông, lấy làm hùng thù lắm. Thống nhất thiên hạ sớm, để thành một đế quốc vĩ đại có ích lợi hay không?

Xét cho cùng, làm dân một nước nhỏ hay nước lớn đều phải chịu những họa phúc bất ngờ. Nhưng cái họa ở nước lớn thì cũng lớn, còn cái phúc có khi lại đến với nước nhỏ nhiều hơn. Vào đầu thế kỷ

21, so với Việt Nam thì kinh tế Trung Quốc tiến mạnh hơn; giới lãnh đạo của họ có trình độ cao hơn, thanh niên, trí thức được tự do phát biểu nhiều hơn trên các mạng vi tính. Nhưng ưu thế đó không phải là nhờ họ là nước lớn. So với các nước nhỏ khác như Hàn Quốc, Đài Loan, dân Trung Quốc vẫn chỉ mong đuổi theo cho kịp. Vì vậy, không thể nói làm dân nước nhỏ thì thua thiệt so với dân nước lớn.

Tổ tiên người Việt đã chọn làm dân một nước nhỏ bé nhưng độc lập, đã giúp con cháu đời sau tránh được nhiều tai họa mà dân Trung Quốc phải chịu trong mấy ngàn năm lịch sử. Nếu bảy giờ nước mình không tiến bộ bằng họ thì lý do cũng không phải vì nước mình nhỏ, mà chỉ vì giới lãnh đạo mình lảm lẩn, và dân mình còn nhiều người nhu nhược, không đủ ý chí tự cường. Có lúc nhiều người Việt lại nhầm mất "học tập" để phạm đúng những sai lầm của người Trung Hoa; không biết rằng hôm cảnh nước mình nhỏ hơn, dân ít hơn, mà người Việt cũng không ăn ở với nhau như lối của người phương Bắc.

NGÔ NHÂN DUNG

TRẦN MẠNH HẢO

RÊU XANH

Rêu của trời xanh biếc cỏ xanh
Em đâu cấm đổ nước khuyên thành
Sớm mai chợt thư rêu bầy tóc
Rêu của buồn thương phủ kín em
Nói lời nào nhỏ nhẹ cũng là nói với anh.

LỤC BÁT BUỒN

Một ngày buồn, hai ngày buồn
Tôi ngồi mở hết ngọn nguồn trời xanh
Chẳng ai hành cùng đoạn đường
Hình như tôi chợt hóa thành người ta

Tôi đây tôi tới bao la
Chinh em vừa đẩy tôi ra khỏi mình.

TƯỚNG NGOÀI VÔ TẬN

Mình từ đâu đến thành ta
Ta trong mình giữa thiên hà long đông
Ngước lên trời mới rờn rờn
Tuổi ngoài vô tận mà trong lòng mình

NGUYỄN HÙNG QUỐC

MẤY VẤN ĐỀ PHÊ BÌNH VÀ LÝ THUYẾT VĂN HỌC



THAY LỜI GIỚI THIỆU

Lời nói đầu

Trong cuốn sách này, tôi muốn chứng minh một số điểm chính:
Thứ nhất, dù tôi không tin là cứ thế có một lý thuyết mới, văn học Việt Nam sẽ tức khắc đổi khác, nhưng tôi tin một cách mãnh liệt là nếu cứ duy trì mãi những cách nhìn hẹp hòi, cứng nhắc và cũ kỹ, thậm chí đầu trí, như hiện nay, văn học Việt Nam sẽ không có hy vọng gì thoát khỏi sự bế tắc vốn đã kéo dài quá lâu. Những góc nhìn mới, hướng nhìn mới và tầm nhìn mới tuy không có khả năng giúp người ta tự động vươn tới những đỉnh cao nhưng chắc chắn sẽ giúp giới cầm bút tự tin hơn trong việc tìm tòi và thử nghiệm và giúp giới độc giả cởi mở hơn, từ đó, nhạy bén hơn trong việc đánh giá cũng như tiếp nhận những tìm tòi và thử nghiệm ấy. Theo tôi, chính thái độ tự tin và cởi mở ấy là những điều kiện cần - tuy dĩ nhiên là chưa đủ - để một nền văn học được khởi sắc, hoặc ít nhất, khởi động.
Thứ hai, tuy không ở đâu và không thời nào không có cái gọi là văn học nhưng văn học lại không phải là một cái gì chung nhất và vĩnh cữu. Nó được tạo thành chứ không có sẵn và sự tạo thành ấy diễn ra liên tục chứ không

tiếp theo trang 17

KIẾN THIẾT VĂN MINH PHẬT GIÁO VIỆT NAM

Điển hình cho sự xâm lược toàn diện này, có thể lấy ngay xã hội Việt làm thí dụ. Vì mảnh đất bé nhỏ này đã chứa đựng bao trào lưu tư tưởng Đông Tây Kim Cổ, và đã chịu bao nhiêu phen thống trị ngoại bang, nhưng nhờ có cội bản tư tưởng Việt vững, lập trường dân tộc Việt bền, nên chúng ta không bị mất nguồn gốc, mất nôi giống mà còn có thể hồ tương với các nguồn tư tưởng khác, dân tộc khác để sống tới ngày nay. Chủ trương Hồ Tuong Sinh Hoạt này có thể chia làm hai thời kỳ:

Thời Thứ Nhất, là sau nạn Bắc thuộc gần một nghìn năm đô hộ, dân tộc Việt lấy lại quyền Tự Chủ, nhưng lòng người chia rẽ bởi ý thức hệ mới xâm nhập: Lão, Phật và Khổng, nên không thể nào thống nhất để tự cường được. Mãi đến đời nhà Lý Phật Giáo mới đứng ra làm công việc hồ tương sinh hoạt cộng đồng Tam Giáo, để mở cho nước Việt một thời đại mới.

Thời thứ hai, là xã hội hiện tại thì người Việt được hấp thụ thêm văn hóa quốc tế, từ bốn phương mang lại, nhưng vì chưa dung hòa kỹ nên mới sinh ra nhiều mâu thuẫn về tôn giáo và đảng phái giai cấp, tranh dành nhau, chẳng khác gì thời Thập Nhị Sứ Quăm xưa. Tình trạng này chỉ có thể ổn định được nhờ phương pháp Hồ Tuong Sinh Hoạt của Phật Giáo (như đã nói trong phần Nhân quả Biện Chứng). Điểm đáng tiếc trong việc áp dụng phương pháp Hồ Tuong Sinh Hoạt của Phật Giáo là ở chỗ Phật Giáo, sau ngày cách mạng 1-11-1963, đã bị tinh thần dân tộc thúc đẩy quá mạnh, khiếm một số người ngộ nhận là Phật Giáo chủ trương tôn giáo độc tôn. Thêm vào đó là những mặc cảm tâm thường của người đời cho rằng: Phật Giáo chủ trương làm chính trị. Nên vội đưa ra những hành động phá hoại lẫn nhau, khiến Phật Giáo vì đó mà chịu điều khen chê không đúng sự thật. Nhưng nếu hiểu rõ chủ

trương Hồ Tuong Sinh Hoạt của Phật Giáo ở thời kỳ thứ nhất trên, tất phải tin tưởng rằng: Phật Giáo vẫn còn mang một sứ mệnh trong công cuộc thống nhất dân tộc về góp phần giải quyết hòa bình cho nhân loại ở tương lai. Mà lại không phải vì Phật Giáo hay vì một lẽ riêng tư gì hết, ngoài lẽ sống còn của con người.

c) Giác ngộ tình thương của con người để giải quyết hòa bình nhân loại:

Nhân loại chiến tranh vì Tham, Sân, Si. Vì chính cái bệnh tham sân si đó đã tạo ra những nghiệp quả luân hồi, hết thế hệ này qua thế hệ khác.

Hậu quả của hai cuộc thế chiến vừa qua như thế nào, nhân loại hãy còn sợ hãi chưa quên. Nhưng muốn giải quyết hòa bình tất không thể giác ngộ nhân đạo, lấy tình thương ra giải quyết mọi mâu thuẫn như: tiêu diệt, thống trị, áp bức, bóc lột lẫn nhau. Mà đích ra là

phải thay vào đó bằng những công nghiệp đại nhân, đại nghĩa là các việc giúp đỡ lẫn nhau để cùng sống và giúp tiến. Có thể thì nhân loại mới mong có hòa bình được. Một triết gia kiêm chính trị gia Việt X, Y, Lý Đông A cũng đã nói: 'Nhân loại chiến tranh không phải vì văn minh quá, hay ngu xuẩn quá, mà vì dưới đáy tầng thế giới còn nhiều áp bức quá. Những áp bức đó dần dần lớn lên, gây thành những cuộc chiến tranh quy mô hơn nữa. Cho nên sau chiến tranh người ta vẫn lo sợ còn có những cuộc chiến tranh khác tiếp theo v.v...'. Đây là tất cả những nguyên nhân phát sinh ra chiến tranh và cũng là nguyên nhân để giải quyết hòa bình. Nhân loại hiện đang đứng trước cửa ngõ của một cuộc chiến tranh mới có pha màu sắc về tư tưởng, và nhân loại cũng đang tìm biện pháp tránh chiến tranh đó. Vì cuộc thế chiến thứ ba kia sẽ không còn kẻ thắng người bại: Tất cả thế giới loài người sẽ bị

tiêu diệt bởi nguyên từ lực, do các cường quốc chế tạo sẵn, dù chưa dám đem ra để thử sát. Nếu nhân loại không sớm giác ngộ tình thương, nếu các cường quốc còn cứ coi nhục tiếu là một mối lợi riêng tư để tranh chấp nhau, để kéo dài chiến tranh ra mãi thì, chính các cường quốc sẽ bị suy yếu, trước khi nhục tiếu sẽ bị tiêu diệt.

Chúng ta tự hỏi xem: Ai có thể cứu được nhân loại thoát khỏi họa chiến tranh? Ngoài sự giác ngộ tình thương của nhân loại để tự cứu lấy nhân loại thì còn biết trong mong vào ai!

d) Giác ngộ lẽ công bằng xã hội, trong việc xây dựng lại xã hội:

Theo lẽ tự nhiên, về mặt vật lý, cái gì thiên lệch mất thăng bằng tất phải đổ vỡ. Cho nên, về mặt xã hội cũng vậy, muốn tránh đổ vỡ cần phải thực hiện lẽ công bằng. Đức Phật dạy: 'Nhất nhất chúng sanh đều bình đẳng'. Vậy mà

phải chỉ có một lần, trong một quá khứ xa vời nào đó. Nói cách khác, văn học thực chất là một tiến trình chứ không phải là một sản phẩm, một cái gì đang hình thành chứ không phải đã hoàn tất. Nhưng cái được gọi là tinh văn học, bằng giá trị văn học hay là điển phạm đều mang tính lịch sử và văn hoá nhất định. Điều đó có nghĩa là sẽ không có một định nghĩa chung cuộc nào cho văn học cả: lịch sử văn học là lịch sử của những định nghĩa và tái định nghĩa văn học không ngừng. Việc định nghĩa và tái định nghĩa ấy được thực hiện chủ yếu thông qua các tác phẩm mang tính thử nghiệm được xem là "thành công". Trong một nền văn học giàu có, gồm nhiều tác phẩm thành công, các "định nghĩa" được đề nghị càng đa dạng, chân trời văn học càng rộng rãi. Thứ ba, có nhiều điều người cầm bút phải khám phá nhưng điều thiết yếu nhất mà hẳn phải khám phá với tư cách một người sáng tạo là các khả tính

của văn học: bằng tác phẩm của mình, hẳn phải thâm dò các giới hạn trong cách nhận thức về văn học, phải đề xuất được những định nghĩa mới về văn học, và phải mở rộng hơn, dù chỉ một chút, địa dư của văn học. Tầm vóc của hẳn được đo lường ở khoảng cách đối với những gì đã được định hình trước đó.

Cuối cùng, khi văn học được nhìn như một tiến trình, người đọc sẽ đóng một vai trò quan trọng. Người đọc không còn là một kẻ tiêu thụ thụ động các sản phẩm có sẵn như ngày xưa, cái kẻ đi vào thế giới văn học với tâm thế, nói theo Xuân Diệu, "cứ lặng chúi theo dòng cảm xúc / như thuyền ngư phủ lạc trong sương." Văn học ngày nay, nhất là dòng văn học cách tân, đòi hỏi người đọc phải tham gia vào tiến trình sáng tạo. Điều này vừa là một vinh dự lại vừa là một trách nhiệm đối với người đọc: người đọc chỉ có thể thâm nhập vào tác phẩm - tức là hiểu và cảm - khi trở

thành đồng tác giả. Khi là đồng tác giả, người đọc làm cho tác phẩm trở thành phong phú hơn. Có thể ví tác phẩm như một ngân hàng: nó giàu, một phần, nhờ số tiền người khác ký thác. Điều này cũng có nghĩa là mọi văn động đối mới văn học sẽ không thể nào được thành công nếu không có cuộc vận động đối mới cách đọc - cũng có nghĩa là cách phê bình. Mỗi thời kỳ văn học có, và cần có, một văn hoá đọc riêng. Tiến đề của một văn hoá đọc mang tính cách tân là sẵn sàng đối diện với những thách thức đến từ những cái khác, cái lạ, cái nằm ngoài tầm kỳ vọng quen thuộc và cái mà mình, thoạt đầu, có thể không hiểu gì cả.

Vừa nhấm vào văn hoá viết vừa nhấm vào văn hoá đọc, trong cuốn sách này, tôi đề cập đến mấy vấn đề chính: vai trò của lý thuyết, chức năng điển phạm hoá (canonisation) và giải điển phạm hoá (decanonisation) của phê bình, nhu cầu đối mới, đề tài chiến tranh

trong quan hệ với hiện thực và với quá trình tái cấu trúc ký ức tập thể, ý nghĩa của văn hoá tục, tinh văn bản và liên văn bản của văn học, lưu vong với tư cách một phạm trù mỹ học, và cuối cùng, việc du nhập chủ nghĩa hậu hiện đại vào văn học Việt Nam. Theo tôi, đó là những vấn đề cần bàn và quan trọng nhất hiện nay.

Một số bạn bè trong giới văn nghệ ở Việt Nam đề nghị tôi chỉ trình bày các luận điểm chính nhưng đừng liên hệ gì đến thực tiễn văn học Việt Nam cả để có thể xuất bản được ở trong nước. Tôi cảm kích trước những đề nghị ấy nhưng tôi cũng chỉ đủ kiên nhẫn để viết mấy chục trang giới thiệu ngắn gọn đặt trong phần Phụ Lục. Tôi không thể nào chịu được những câu văn không mang hơi thở của mình, những kiến thức không được tái cấu trúc theo sơ đồ riêng của mình, những tư tưởng không có dấu ấn của mình, và những vấn đề không liên hệ

gì đến kinh nghiệm đọc và viết của chính mình cả.

Cái "mình" ấy, dĩ nhiên, không thể thoát khỏi ảnh hưởng của một số điều kiện lịch sử và văn hoá nhất định, nghĩa là, nói cách khác, thực chất, trong chừng mực nào đó, chỉ là một thứ tập thể trá hình. Cách đây mấy chục năm, giữa thời cao trào của lý thuyết, đồng sáng tạo mới tập-thể-trá-hình như thế bao giờ cũng là một trường phái lý thuyết nhất định mà người ta có thể định danh được dễ dàng: người này là Mác-xít, người nọ là Phê Bình Mới, người kia là cấu trúc luận hoặc hậu cấu trúc luận, v.v... Bây giờ thì khác. Trong những năm đầu tiên của thế kỷ 21 như hiện nay, lúc các đại lý thuyết chỉ còn là những dư âm và cuộc chiến tranh giữa các lý thuyết đã chấm dứt, không ai cần dựng lên chiến hào quanh mình nữa, bởi vậy, danh xưng trở thành một điều vô nghĩa.

NGUYỄN HUNG QUỐC

con người đã không sớm giác ngộ nguyên tắc bình đẳng đầu tiên của xã hội là bình đẳng giữa chúng sinh, nghĩa là không thiên lệch rồi cho phép chủng tộc, giai cấp hay cá nhân nào được ăn trên ngồi trốc dân tộc khác giai cấp khác hay cá nhân khác.

Chủ nghĩa phong kiến đề cao tộc đảng bị đào thải! Chủ nghĩa tư bản cá nhân cũng đang bị biến thái! Chủ nghĩa cộng sản đề cao giai cấp vô sản cũng đang đi đến chỗ hủy diệt; chủ nghĩa dân tộc độc tôn để lãnh đạo cả thế giới loài người cũng không còn lý do tồn tại nữa. Tất cả đều thiên lệch và phi nhân, trái với lẽ công bằng nên quốc gia loạn, quốc tế cũng loạn. Loạn mới cho đến khi nào tất cả mọi chủ nghĩa thiên lệch đều không còn tồn tại trong xã hội loài người được nữa. Đánh rằng xã hội loài người kết hợp từ cá nhân đến giai cấp và từ quốc gia dân tộc đến thế giới loài người, nhưng không thể 'chỉ biết có mình, không biết có người' mà có thể yên được. Cho nên, lẽ sống hợp lý nhất của nhân loại vẫn là ở chỗ 'Bình' và cùng hỗ tương nhau cùng sống và tiến mãi. Có như thế mới không còn lo có tai họa chiến tranh nào xảy ra tới cho loài người nữa.

e) Giác ngộ nội tâm mới con người Phật:

'Xã hội chỉ phối cả mọi người, nhưng trái lại, ý chí của mọi người cũng có thể cải biến được xã hội'. Nguyên tắc này rất hợp với tinh thần 'Tự giác và giác tha' của nhà Phật. Vì sự giác ngộ của mỗi người, về Phật tính, sẽ gây ảnh hưởng tốt cho người khác, chủ nghĩa dù hay đến đâu nhưng khi mang thi hành mà người không hay sẽ đi đến thất bại. Đó là một nguyên tắc giác ngộ của Phật giáo hằng chủ trương: Trước hết phải lấy giác ngộ nội tâm rồi sau mới tới giác ngộ xã hội.

Tóm lại, việc Kiến Thiết Văn Minh Phật Giáo phải làm bằng tất cả mọi phương châm chỉ đạo đúng đắn nhất, không thiên lệch méo mó như người đời thường lầm tưởng. Nên văn minh đó, nếu thực hiện được thì sẽ là một nền văn minh riêng của nhân loại, chứ không phải văn minh riêng của Phật Giáo. Và ngay cả Đạo Phật cũng không còn là Đạo Phật như giới hạn ngày nay.

Vì Phật là tất cả cái gì Toàn Thiện, Toàn Chân, Toàn Mỹ của thế giới loài người xưa, nay và mai hậu.

THÍCH ĐỨC NHUẬN



Các anh có bao giờ tự soi gương?

Các anh cũng lác đầu luôn. Các anh bảo: "Nhiều lúc anh cũng muốn đi biểu tình, anh cũng muốn làm cái gì đó đóng góp cho xã hội, lật đổ cái chế độ này đi. **NẾU** không vì vợ dại con thơ mẹ già thì anh chơi tới bến!"

Ừ, vợ dại, con thơ, mẹ già, các anh có đủ cả

những thứ phế thai của Tàu về cho dân mình ăn, xuất khẩu hàng đi thì thợ vì tìm khách hàng tốt, các anh lại ép giá đồng bào mình. Các anh bỏ thời gian đi nhậu với quan chức, ép nhà cung cấp nhậu thì được chữ thời gian đó dùng để ngồi tình lại lịch sản xuất thì các anh không làm. Công

giấu kín tới mức an ninh văn hóa ngồi coi mỗi mắt vẫn không thấy chi tiết nào đáng để cất xén là thì các anh mới yên tâm. Các anh cũng vô ngực rằng mình là nghệ sĩ, nhưng kẻ thù thời, thế nhưng khi được những giải thưởng của Hội Điện Ảnh, Hội Nhà Văn, những kẻ làm nghề

một năm anh đưa mẹ đi du lịch được mấy lần? Hay chỉ đơn giản là bỏ nhậu cuối tuần về lau cái tù, sửa cái bếp cho mẹ, các anh có làm được không? Vợ con các anh có thật sự đòi hỏi nhà lớn, xe đẹp hay đó chính là những phương tiện để thỏa mãn sĩ diện nam nhi của chính các anh?

Các anh có bao giờ soi gương không? Một bữa nào đó, các anh thử cầm trên tay tấm hình của mình ở tuổi 20 và nhìn lại mình ở tuổi 35-40 trong gương. Hai hình ảnh đó khác nhau nhiều lắm phải không các anh. Đâu rồi những góc cạnh cương nghị trên gương mặt, đâu rồi thần thái



Ảnh: LÊ VĂN HƯNG

lý do rồi. Nhưng cho tôi hỏi các anh một tí, các anh có nhậu không? Có. Các anh nhậu cuối tuần mừng đám cưới bạn, các anh nhậu giữa tuần mừng sinh nhật cô em, các anh nhậu... vì nhậu thôi, chả cần vì gì cả. Nhậu xong rồi thì các anh đi uống bia ôm, vui nửa thì chơi tới bến mà bến nào bao cao su cũng đi vắng. Mà rượu vào rồi, nhiều khi nói nóng chỉ vì vài câu nói, các anh sẵn sàng choáng chái bia vào đầu nhau. Rồi bán linh nam nhi của các anh có thể nói lên cuốn cuộn bằng việc kéo thêm viện binh, ruột nhau loạn cả hai bờ kênh Nhiều Lọc ấy chứ. Hoặc khiêm nhường hơn tí, các anh leo lên xe mà không biết bằng cách nào mình lại chạy về đúng nhà mình, thế mới tài. Vậy thì những lúc đó, các anh có nghĩ cho vợ dại, con thơ, mẹ già không hả các anh?

Là do anh nhảm, các anh sẵn sàng nhập

trình nào cất xén được là các anh cất tận cùi. Là văn nghệ sĩ, các anh lúc nào cũng mang gương mặt của kẻ bất đắc chí, thất thế, lê lét, nhậu từ quán này sang quán kia, hạng người nào các anh cũng ngồi cùng mâm, ăn cùng bát. Chữ nghĩa các anh bao nhiêu năm qua vẫn ngấm cữ thù, vẫn là nói có đon của người nghệ sĩ không tìm được cái chia sẻ, vẫn là nói đầu chiến tranh dù nó đã đi qua 39 năm, mới hơn chút là các anh viết về sự lạnh lùng của con người mới XHCN trong cơ chế thị trường. Làm phim thì bao nhiêu năm, các anh cũng xài hoai mấy cái chiêu hời rế tiền từ anh Béo tới anh Gầy, câu thoại củ rích, tinh tiết lê thê. Phim như cắt nhưng mà hé nói tới cái cuộc đời đáng chán này là các anh bảo: "thật ra phim đấy là ý anh xiên mó thằng này, đả thằng kia nhé!" Ấy ý của các anh phải được

thuật theo trường phái cầu đi thẳng lối, thì các anh lại khoe lấy khoe để.

Là giảng viên đại học, ngày nào các anh cũng lên bục giảng để nói những điều giống nhau năm này sang năm khác. Bao nhiêu người trong số các anh đọc thông viết thạo một thứ ngoại ngữ để có thể đọc tài liệu tham khảo? Cuối tuần các anh bận đá bóng, bận chơi tennis, bận chạy số dầy từ tỉnh này sang tỉnh kia.

Con cái là sự nghiệp, các anh luôn báo thế, vậy thì 1 tháng các anh đưa con đi chơi được mấy lần? Để trả lời những câu hỏi của con mình, để khuyên nó thành một công dân tử tế, một tháng các anh đọc được mấy quyển sách? Các anh có biết chơi 1 thứ nhạc cụ nào đó để chơi cùng con mình không? Thương vợ, sau 20 năm cuối nhau, các anh có mấy cô bồ? Thương mẹ già,

Các anh có mẹ để chịu trách nhiệm cho quá khứ, vợ chịu trách nhiệm về hiện tại còn con chịu trách nhiệm cho tương lai.

Như vậy, những câu chuyện chính trị cuối cùng cũng chỉ là đĩa mồi trên bàn nhậu của các anh dưới hình thức những tin đồn. Những người đàn ông quan tâm đến chính trị thực thụ họ có vẻ đẹp riêng của mình. Đó là vẻ đẹp của những người ham hiểu biết, của những người sở hữu đầu óc phản biện và tin vào sự liêm chính của con đường mà họ theo đuổi. Giữa những người đàn ông mặt béo bụng phệ làm quan tham với những người đàn ông cương nghị đang đối mặt với cái ác, giữa một người đàn ông đang đợi ngày chết vì bệnh tật do ăn nhậu với một người đang ngồi chờ mãn hạn tù vì thể hiện quyền tự do ngôn luận, các anh nghĩ chúng tôi chọn ai?

của đôi mắt sáng. Giờ đây, các anh thấy mặt mình mờ lấp hết xương, đầy cả mắt mũi miệng dón thành một chùm về phía trước, mắt các anh lu mờ đi. Các anh đánh mất hết những ước vọng, những lý tưởng tuổi 20, các anh đánh mất cả sự chính trực, đánh mất thần thái, tinh anh của mình.

Tôi nói ra thế này, hăm sẽ có anh bảo: "Con đấy lấy thằng chồng Tây rồi quay lại to mồm chê trai Việt." Người ta nói: "Trai khôn tìm vợ chợ đông, gái khôn tìm chồng giữa chốn ba quân", tôi đấy nhảm sắc trung bình, nhưng già mà không lấy được đảng nam nhi chính trực thì thà đem năm "tro cái hống nhảm với nước non", ôm gối chiếc cô phòng chứ ai lại lấy phá những tấm chồng chỉ để phí cái xuân xanh.

Lyon 24/03/2014
LAN-PHƯƠNG

HOÀNG MINH TUỜNG

Nguyễn
Đức

NHÀ XUẤT BẢN
DÂN KHÍ
PRESS

thay lời giới thiệu trích lời cuối tập

Đúng ngày 16 tháng Tám âm, ngày giờ Thìn tiên sinh và quacam Lễ nghi Học sĩ, cũng là ngày giờ hạn họ Nguyễn Nhị Khê, Chi Ngãi, họ Nguyễn Hải Triều cùng các họ Trần, họ Phùng, họ Lê... thì tác phẩm "Long thành tập ký" của "Đoàn gia văn phái" do giáo sư Hoàng Nguyên và "Thọt bí nhâm" Bùi La Việt dịch và chuyển âm xong. Người mừng nhất, mừng hơn cả hai nhà văn hóa Đỗ Chí Cao và Ngô Thập, chính là chủ nhiệm Huỳnh Đạo. Ông thức hai ngày hai đêm liền soạn email rồi lăm lượt gửi thư điện tử cho các đại diện "Nguyễn Trãi Club" trong nước và các châu lục.

Kế hoạch xuất bản và quảng bá, hội thảo, đặt được lên phương án chi tiết, chính xác từng ngày. Bông tù lừng Động, một tin động trời: Đêm rằm Trung thu, lợi dụng Tết trông trăng của trẻ em, kẻ trộm đã dõng dạc, chui từ trên trời xuống, đột nhập hậu cung điện thờ đình làng, lấy đi hộp sắc cổ mang từ chùa Thái Cực về, trong đó có năm quyển sách chữ nhỏ, bản gốc của bộ "Long thành tập ký".

Rụng ròi, choáng váng, hốt hoảng, rồi suy sụp trông thấy là hai ông Thập ông Cao, chuyên viên văn hóa. Không phải hai ông sợ cánh buồm sách cổ Sài Gòn đòi lại tiền. Mà nguy nhất là hai ông sợ đi tù. Chú sao nữa? Nguy tạo ra "Long thành tập ký", nguy tạo ra lịch sử, tội danh ghi rành rành trong bộ luật hình sự. Các cơ quan chức năng báo về văn hóa sẽ không để các ông yên. Các ông cố tình nguy tạo ra một văn bản cổ, nguy tạo một trường phái văn chương "Đoàn gia văn phái" với những tác giả Đoàn Khảm, Đoàn Sinh, Đoàn Lương, Đoàn Thiện Phổ... vô danh để viết lại lịch sử, bóp méo lịch sử. Rồi lại mời những kẻ nhâm thân không rõ ràng như "Thọt bí nhâm" để chuyển âm, dịch nghĩa, hiệu đính. Rồi bôi toát, lên đóng, gọi hồn nữa chứ... Chà chà... cả một loạt văn đề rắc rối.

Để thật chắc chắn và tránh gặp chuyện rắc rối, ông Cao ông Thập một mặt đề nghị hai dịch giả Hoàng Nguyên và Bùi La Việt tập trung hoàn chỉnh thật tốt lại bản dịch, một mặt cùng trung tá Philip và ông Huỳnh Đạo về làng Động. Trung tá Philip giờ đã chuyển về P90, cơ quan chuyên báo về di sản văn hóa phi vật thể. Một chuyên án mang mã số LTTK - 01 được thành lập. Với vốn kinh nghiệm lâu năm, và đặc biệt là tinh thần trách nhiệm cao trong công việc, trung tá Philip tin rằng cơ quan chức năng sẽ sớm tìm ra thủ phạm vụ trộm di sản văn hóa vô giá này. Công việc tìm kiếm còn khó hơn mò kim đáy biển. Nhưng chúng ta vẫn có quyền hy vọng rằng bản gốc "Long thành tập ký" có ngày sẽ trở về làng Động.

Rất may, bản photocopy "Long thành tập ký" vẫn có giá trị như một kỳ thư. Nhờ sự bảo trợ của các cơ quan văn hóa, của "Nguyễn Trãi Club", cuối cùng "Long thành tập ký", phần cốt lõi của tiểu thuyết "Nguyên khí", với những chương, những đoạn in nghiêng trong tác phẩm, đã đến tay bạn đọc.

HOÀNG MINH TUỜNG - Khởi thảo 6 tháng 8 Nhâm Thìn, 1.10.2012
Hoàn thành tại Hà Nội, ngày 16 tháng 8 Quý Tỵ, 20.9.2013

LỜI GIỚI THIỆU CỦA NHÀ XUẤT BẢN

ĐO QUÝ TOÀN
www.nguoi vietshop.com

Để tái chính của cuốn sách Gửi Người Yêu và Tin là Đối Trá. Sống trong một xã hội chỉ thấy toàn gian dối, người ta cần một chỗ nương tựa, cần tâm sự với một người mình có thể tin, một người mình yêu thì càng quý báu. Vì vậy, cuốn sách này gồm những lá thư của một người đàn ông viết gửi cho người yêu. Có nàng là một phụ nữ không thuộc cùng một chủng tộc mà lại sống ở một xứ rất xa xôi. Cô sống hoàn toàn ngoại cuộc, không chia sẻ hoàn cảnh của anh, mà cũng không mang chung những hoài vọng, ước ao mà

anh ôm ấp muốn thực hiện cho đồng bào của mình. Vì vậy, anh có thể nói thật, nói đầy đủ những tư tưởng, ý kiến, hy vọng hay nghi ngờ của mình.

Quý độc giả có thể đọc cuốn sách này như một tiểu thuyết. Có một nhân vật, có một câu chuyện, có những thăng trầm trong cuộc đời nhân vật, có những chuyện tình, có hôn nhân và ly dị, có những đứa trẻ ra đời, có người chết hay người muốn tự tử. Dù các yếu tố tạo thành một tiểu thuyết. Nhưng quý độc giả cũng có thể đọc cuốn sách này như một

bản tự phán, lời thú tội. Nhân vật chính cố gắng thích ứng với xã hội giả dối quanh mình, và nhân đồ đã phân tích, tìm hiểu cuộc sống đó ảnh hưởng thế nào đối với bản thân, với vợ, con, bè bạn, đồng nghiệp, đến tất cả những người chung quanh không quen biết. Đây là chủ ý của tác giả. Tác giả chỉ dựng lên một nhân vật, cho nó sống, bắt nó trải qua nhiều cảnh ngộ, để dùng đó làm điểm tựa phân tích một xã hội sống giả dối nó biến thái ra sao. Nhân vật chỉ là một "hình nộm" hoàn toàn do tác giả điều khiển. Hết được dùng như

một con thú nuôi trong phòng thí nghiệm cho công cuộc nghiên cứu ý học. Nghiên cứu xong thì vứt bỏ cái xác con thú đi. Quý độc giả cần được báo trước như vậy ngay từ đầu, để không chờ đợi được gặp một con người sống thật.

Ngay từ đầu, tác giả Nguyễn Thị Từ Huy đã yêu cầu nhân vật của mình tự nguyện tuân hành theo quy luật sống dối trá. Cả xã hội chấp nhận sống giả dối với nhau, ngay từ lớp mẫu giáo mỗi đứa trẻ đã được dạy hát những lời giả dối. Vậy nếu muốn tồn tại, phải tập sống như mọi

người. Hết bèn nhờ một bác sĩ chữa trị cái lương tâm của mình. Thay đổi lương tâm, tẩy sạch cái lương tâm cũ, có thể vứt bỏ nó đi, thay thế bằng một cái "lương tâm" hoàn toàn mới.

Có thể biện minh quyết định như vậy là hợp lý. Khi tất cả mọi người trong xã hội thỏa thuận với nhau cùng sống dối trá, thì họ chỉ cần đồng ý một điều, là thay đổi ý nghĩa tất cả hệ thống ngôn ngữ và giá trị đang dùng. Nói cái gì là "thật" thì mọi người đều hiểu nó là "giả;" gọi cái gì là

tiếp theo trang 47

LỜI TỰA GỬI NGƯỜI YÊU VÀ TIN

HOÀNG NGỌC-TUẤN
www.tienve.org

Phải nói ngay rằng Gửi người yêu và tin của Từ Huy là cuốn tiểu thuyết thư tín — đúng nghĩa — đầu tiên trong văn chương Việt Nam đương đại, và đây cũng là tác phẩm đầu tiên chạm đến tận căn nguyên của sự tham nhũng và băng hoại đạo đức của nền giáo dục đại học ở Việt Nam hiện nay.

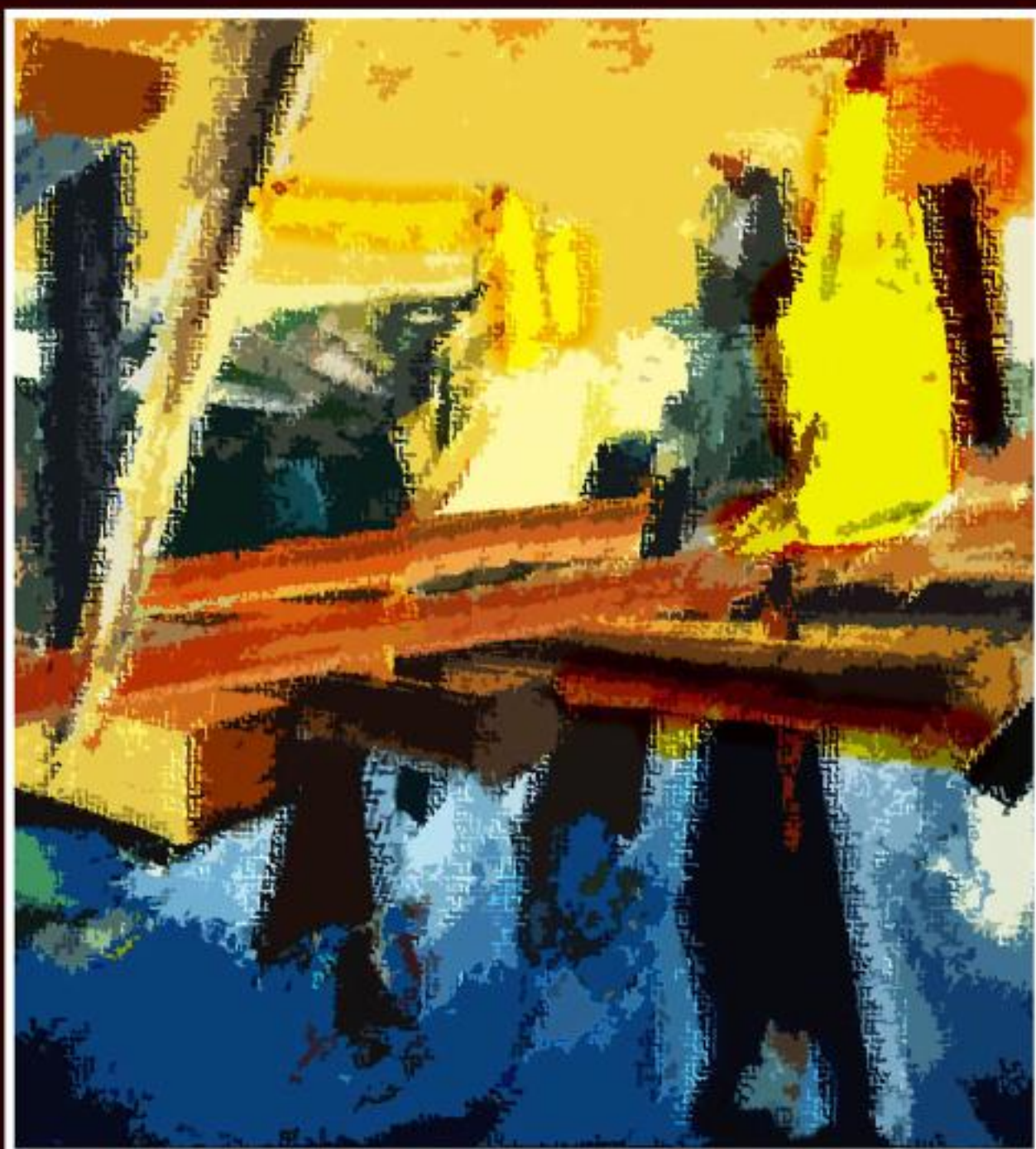
Thể loại tiểu thuyết thư tín khá phổ biến trong văn chương Âu-Mỹ, nhưng trong văn chương Việt Nam, từ trước đến nay, thư tín, như một thủ pháp nghệ thuật và một hình thức tự sự, chỉ được sử dụng trong một số truyện ngắn và tùy bút, (*) chứ chưa bao giờ được sử dụng để tạo cấu trúc toàn bộ từ đầu đến cuối một cuốn tiểu thuyết. Năm 1960, Toàn Phong có xuất bản cuốn Đồi phi công, gồm 14 bức thư, nhưng đó chỉ là những bức thư của tác giả gửi cho một người nữ tên Phượng, mà không hề có một bức thư nào từ người nữ ấy gửi lại, vì thế cuốn Đồi phi công giống như một cuốn

tiếp theo trang 47

nguyễn thị từ huy

gửi người yêu và tin

tiểu thuyết



tựa của Hoàng Ngọc-Tuấn • bạt của Phan Huy Đường

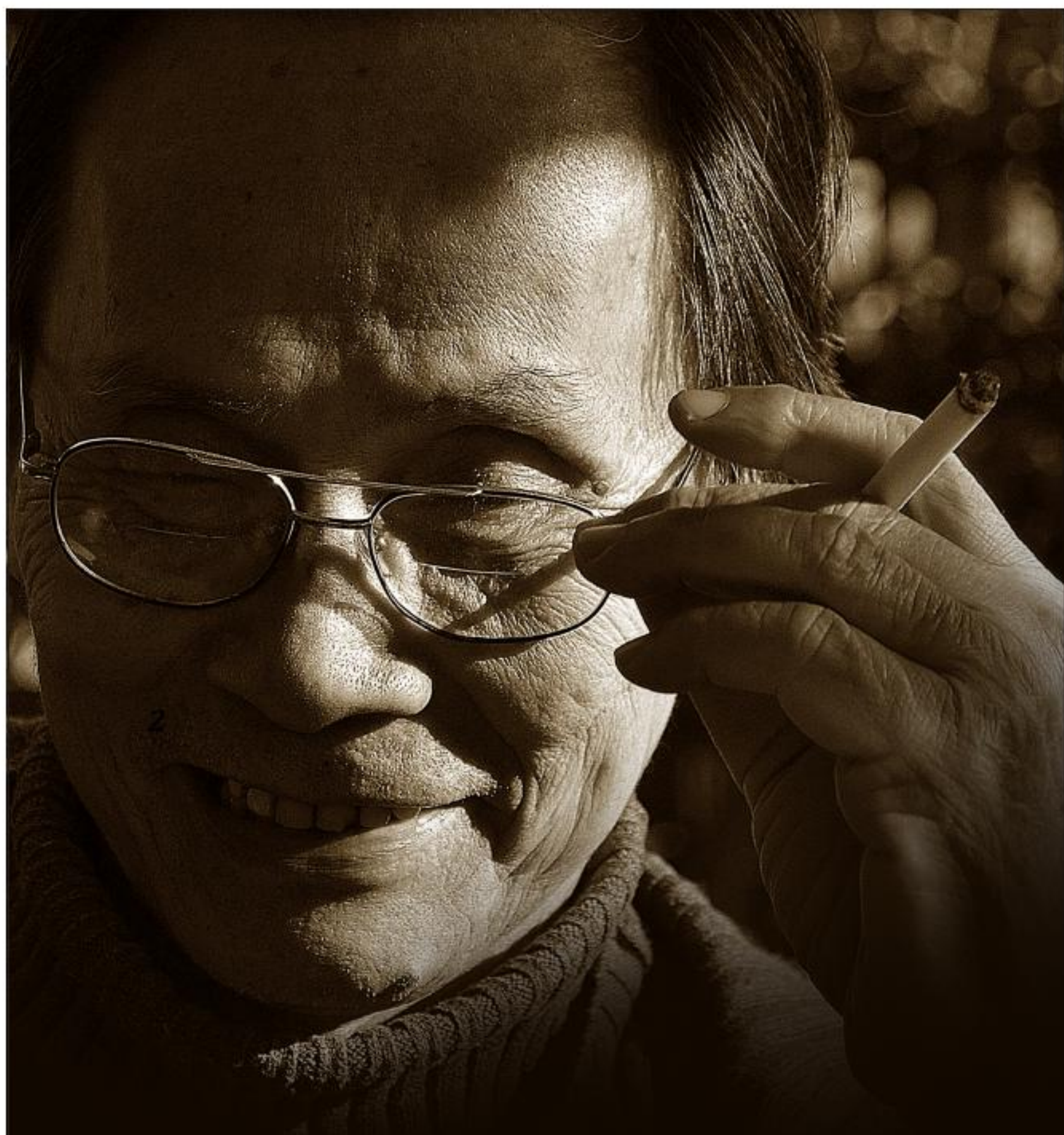
NGƯỜI VIỆT BOOKS



Đừng sợ làm họ đau. Không đau làm sao họ có thể thù địch? Những lời ve vuốt đường mật chỉ khiến họ chìm sâu hơn vào giấc ngủ. Và nếu tất cả chúng ta cứ chìm mãi trong giấc ngủ mù mịt thì nhắm mắt cũng nhìn thấy các hậu quả. Chẳng phải mọi vấn nạn hiện nay đều là hậu quả của giấc ngủ mê mệt của tất cả chúng ta hay sao? Đừng sợ làm họ đau. Dù rằng khi đau họ cũng sẽ tìm cách làm ta đau. Nhưng việc họ làm ta đau có thấm gì, chẳng phải ta đã đau một hay nhiều nỗi đau còn lớn hơn thế sao? Chẳng phải ta buộc phải làm họ đau vì chính ta đã đau cả nỗi đau của họ sao? Chẳng phải chính ta đang cảm nhận nỗi đau chung của tất cả chúng ta sao? - Trích "GỬI NGƯỜI YÊU VÀ TIN"

Phải nói ngay rằng Gửi người yêu và tin của Từ Huy là cuốn tiểu thuyết thư tín — đúng nghĩa — đầu tiên trong văn chương Việt Nam đương đại, và đây cũng là tác phẩm đầu tiên chạm đến tận căn nguyên của sự tham nhũng và băng hoại đạo đức của nền giáo dục đại học ở Việt Nam hiện nay. Từ Huy đã viết cuốn tiểu thuyết Gửi người yêu và tin với một ngòi bút tinh táo và sắc bén của một nhà phân tích tâm lý và một nhà phê phán xã hội và, dưới ngòi bút ấy, nhân vật chính trong tác phẩm — một nhân vật hư cấu nhưng đích thực là điển hình của loại người đang làm mục ruỗng xã hội và đạo đức ở Việt Nam hiện nay — tự phơi bày bản chất qua nhiều chặng biến đổi khác nhau từ trang sách đầu tiên cho đến trang sách cuối cùng. - Trích Lời Tựa của **HOÀNG NGỌC-TUẤN**

Dường như đây là tiểu thuyết Việt Nam đầu tiên đề cập tới "sự giả dối với chính mình". Camus xử lý đề tài này trong tiểu thuyết La Chute mà Sartre coi là quyển sách sâu sắc nhất của Camus. Dĩ nhiên, Camus bàn tới trong một bối cảnh và một viễn cảnh đặc thù Kỳ Tò Giáo và... Camus. Từ Huy lại bàn tới trong bối cảnh đặc thù Việt Nam ngày nay. Thế nghĩa là: đề tài này có tính chất người phổ biến. Tiểu thuyết này bộc lộ một hình thái của sự phổ biến cụ thể mà nhiều thế hệ văn sĩ và triết gia Tây Âu hằng mơ ước. - Trích Lời Bạt của **PHAN HUY ĐƯỜNG**



NGUYỄN
ĐÌNH TOÀN
Tiểu thuyết
(Bộ 2 quyển)



NGUOI VIET BOOKS

PHÁT HÀNH TRONG THÁNG BA, 2014
WWW.NGUOIVIETSHOP.COM

LỜI TỰA GỬI NGƯỜI YÊU VÀ TIN

sách để tác giả bày tỏ tâm sự đơn phương, hơn là một cuốn tiểu thuyết thư tín. Gửi người yêu và tin của Từ Huy là một cuốn tiểu thuyết thư tín gồm 16 bức thư, trong đó có 12 bức của một giáo sư đại học ở Việt Nam, 3 bức của một phụ nữ ngoại quốc, và 1 bức của người đàn ông đã đính hôn với cô ấy. Hình thức đối đáp qua thư tín khó tạo nên sự hấp dẫn cho một cuốn tiểu thuyết so với hình thức đối đáp trực tiếp bằng lời nói giữa các nhân vật nhưng, ngược lại, nó có khả năng đào sâu vào nội tâm của từng nhân vật. Có lẽ do chính là chủ đích của Từ Huy khi viết cuốn tiểu thuyết này, chị không cố ý tạo ra

những tình tiết hấp dẫn, mà nhắm vào việc khai thác chiều sâu nội tâm: mỗi bức thư là một cuộc giải bày tâm sự, qua đó, người viết thư diễn tả tất cả những ý nghĩ thầm kín của mình. Đọc 16 bức thư trong Gửi người yêu và tin của Từ Huy, tôi thấy mình rơi vào một thế giới khủng khiếp — thế giới nội tâm của những con người thành đạt trong một guồng máy tận cùng thối nát của sự tham nhũng và băng hoại đạo đức của nền giáo dục đại học ở Việt Nam hiện thời. Từ những năm 80 đến nay, ở Việt Nam đã có không ít tiểu thuyết, truyện ngắn và kịch bản viết về đề tài chống tham nhũng. Ở

Trung Quốc — "nước xã hội chủ nghĩa anh em" của Việt Nam — đề tài này đã được các tiểu thuyết gia khai thác nhiều đến độ trở thành một thể loại gọi là "phản tham tiểu thuyết" và thu hút rất đông đảo độc giả. Tuy nhiên, ở cả hai nước xã hội chủ nghĩa này, số lượng tiểu thuyết viết về sự tham nhũng và băng hoại đạo đức của nền giáo dục nói chung, và nền giáo dục đại học nói riêng, thì còn khá ít, và không chỉ khá ít về số lượng, mà còn khá nông cạn về nội dung. Thoạt đầu, những cuốn tiểu thuyết "chống tham nhũng" đã xuất hiện dưới hình thức giống như tiểu thuyết trinh thám, mô tả các vụ án tham

nhũng, và diễn biến câu chuyện được trình bày theo một công thức rất an toàn cho tác giả, trong đó những nhân vật phản diện tức là những cán bộ tham nhũng (thường là những kẻ ở hàng lãnh đạo trung cấp trở xuống) bị theo dõi, rồi bị phát hiện và bị đem ra trước vành móng ngựa. Còn giới cán bộ lãnh đạo cao cấp thì luôn luôn được mô tả như những người ngay thẳng, đại diện cho lẽ phải. Những cuốn tiểu thuyết "chống tham nhũng" theo công thức ấy được cho phép xuất bản, vì chúng truyền bá cái thông điệp rằng trong một đất nước xã hội chủ nghĩa (như Việt Nam và Trung Quốc) thì công lý sẽ toàn thắng dưới sự lãnh đạo của Đảng. Trong những năm đầu tiên ấy, đa số độc giả ở Việt Nam và Trung Quốc cảm thấy hả hê khi đọc những cuốn tiểu thuyết "chống tham nhũng" vì trước kia họ chưa từng thấy hình ảnh những cán bộ tham nhũng bị đem ra phê phán và kết tội trên những trang sách. Thế nhưng, chẳng mấy chốc thì sự hả hê của độc giả đối với những trang tiểu thuyết ấy tan dần đi vì thực trạng xã

hội bày ra trước mắt họ một nạn tham nhũng càng ngày càng trở nên trầm trọng trong mọi lĩnh vực và ở mọi cấp chính quyền. Một số nhà văn bắt đầu cố gắng bước ra khỏi cái công thức an toàn trước kia để đặt ra những vấn đề về cơ chế chính trị và hệ thống quan chức. Tuy nhiên, nỗ lực của họ bị hạn chế bởi mạng lưới kiểm duyệt. Họ chỉ có thể mô tả một số vấn đề trong một phạm vi và một mức độ nào đó không đụng đến bản chất của chế độ và không làm tổn hại đến uy tín của Đảng.

Một điều đáng lưu ý là mặc dù nạn tham nhũng từ lâu đã thâm nhập vào lĩnh vực giáo dục và đã gây nên vô số hậu quả vô cùng tệ hại, số lượng tiểu thuyết viết về đề tài này vẫn còn khá ít. Ở Việt Nam, từ những năm 80 cho đến nay chỉ có vài cuốn, và những cuốn ấy vẫn còn tự giới hạn ở việc mô tả và phê phán những hành vi "tiểu cực" của một số cán bộ giáo dục, chứ không hề chạm đến căn nguyên của sự tham nhũng và băng hoại đạo đức

LỜI GIỚI THIỆU CỦA NHÀ XUẤT BẢN

"đúng" thì ai cũng biết nó là "sai." "Thiện" bây giờ đặt tên là "ác," "ác" đổi thành "thiện," "xấu" tức là "đẹp," "đẹp" chính là "xấu," vân vân. Chỉ cần thay đổi toàn thể hệ thống thông tin, đảo ngược tất cả các ý nghĩa, sau đó mọi người có thể tiếp tục sống với nhau trong hệ thống ngôn ngữ mới. Người ta vẫn hiểu được nhau, và guồng máy xã hội vẫn tiếp tục vận hành, không thua gì khi còn sử dụng hệ thống ngôn ngữ và giá trị cũ. Cũng giống như khi chúng ta thay thế "hệ thống điều hành" của một cái máy vi tính, dùng "operating system" mới, các phần mềm đều thay đổi, nhưng cái máy vẫn chạy!

Nếu tất cả xã hội đồng ý đổi "hệ thống điều hành" cũ của lương tâm, kể từ nay tất cả cùng theo "hệ thống điều hành" mới, hoàn toàn đối trái, thì chỉ cần tập luyện một thời gian ai cũng sẽ quen.

Giống như đang dùng Microsofts với máy PC mà đổi sang dùng máy Mac cả Apple vậy. Người ta đưa ông Bill Gates, kể câu chuyện ông Steve Jobs sau khi chết có lần trở lại trần gian, gặp đối thủ của mình trên thương trường máy vi tính. Gates hỏi thăm Jobs, sống ở thế giới bên kia thấy gì. Jobs báo: "Tuyệt vời. Ở đó không ai cấm ở trong nhà, cũng chẳng cấm có cái vườn, cái sân nào cả!" Như vậy thì có gì mà tuyệt vời? "Tuyệt chứ! Tự nhiên, không ai cấm đến Cổng, cũng không cấm Cửa Sỏi!" No Gate! No Window! Ông Gates lên cơ nghiệp nhờ bán hệ điều hành Windows cho các máy PC, rồi bán các nhu liệu chạy với hệ thống đó! Nhưng ông cũng biết, chẳng cần sang thế giới bên kia, ngay ở cõi trần gian này nhiều máy vi tính không dùng hệ thống Windows mà vẫn chạy ngon lành!

Nhưng xã hội loài người có thể thay đổi "hệ thống điều hành" của lương tâm rồi vẫn chạy được như thường hay không? Đây là đề tài mà tác giả Gửi Người Yêu và Tin đem ra phân tích.

Sau khi nhân vật chính tự chích ngừa cho cái lương tâm của mình, để tự mình quen dần, rồi sống thân nhiên được với các vi trùng đối trá, hẳn đã thành công. Mới đầu anh ta cố thích ứng, rồi tới lúc anh hoàn toàn quen với cái lương tâm mới được "cải tạo," được "giác ngộ," và anh còn phấn đấu để trở thành một người có động cho "hệ thống điều hành" dùng đối trá thay cho các giá trị cũ. Cứ như vậy, anh ta tiến bước, leo lên các bậc thang xã hội cao hơn, đạt tới địa vị cao nhất là thành một ủy viên Bộ Chính Trị.

Trong quá trình thăng tiến đó, anh vẫn theo dõi, quan sát, phân tích những hậu quả của việc sử dụng "hệ thống điều hành" mới. Và anh thấy nó tạo ra những biến chứng trong xã hội, những biến chứng không chỉ đảo lộn các thứ giá trị, mà còn gây bao nhiêu đau khổ, còn làm chết người

nữa. Tác giả Nguyễn Thị Từ Huy khai sinh nhân vật chính trong môi trường đại học, cho nên những biến chứng được mô tả phần lớn diễn ra trong môi trường đó. Nhưng chúng ta có thể suy đoán trong mảnh đời nào của xã hội cũng thấy diễn ra bấy nhiêu biến chứng. Thí dụ, người ta sẽ làm nhục lẫn nhau, mà kẻ làm nhục người khác chính hẳn cũng nhục nhả. Người ta đối sử độc ác với nhau, mà cũng độc ác với chính bản thân mình. Người ta độc ác một cách tự nhiên, vô tư, giống như đang thờ vậy. Một hậu quả của "hệ thống điều hành" đối trá là đưa tình độc ác lên thành nền tảng của xã hội. Cũng như tình vô cảm. Đại học được biến thành nơi người ta giết các thanh niên, giết trí thông minh, giết óc phán đoán và ngay đến khả năng cảm xúc của họ. Còn những biến chứng như nạn tham nhũng, hệ thống phong bì, vân vân, chỉ là những bệnh nhỏ, những chuyện hám ngày ở huyện. Trong quá trình phân tích đời sống chung quanh mình, nhân vật chính được hai nhân vật khác giúp "soi sáng." Một là người yêu cũ ở xa, một người yêu lý tưởng, không

còn đụng chạm gì tới nhau, cũng không bao giờ gặp nhau nữa. Hai là người vợ, mà anh ta rất yêu và rất kính trọng. Người yêu của anh đã tuyệt giao. Vợ anh đã mang con bỏ đi. Nhưng không cần đến các diễn biến đó. Chính anh, tới một lúc sẽ thấy chính mình góp phần tạo ra một xã hội đầy ung nhọt, thối nát, đang sụp đổ. Chính anh, sau cùng đã quyết định phải từ bỏ con người đang sống của mình.

Nguyễn Thị Từ Huy kể chuyện một nhân vật hư cấu để mượn cơ viết bản cáo trạng lối sống giả dối bao trùm trên xã hội hiện tại. Không cần nói ra, ai cũng biết, tác giả muốn mọi người thức tỉnh, từ chối cách sống đó. Bắt đầu, phải có người nói ra: Tôi đang sống trong đối trá! Tôi từ chối, không muốn sống đối trá nữa! Giống như một em bé lên ba, sau khi hát, được cả nhà vỗ tay khen và thưởng, em tròn mắt nói thật: Nhưng đêm qua em có nằm mơ thấy cái gì đâu? Nguyễn Thị Từ Huy bắt chước em bé ngây thơ đó.

**NHÀ XUẤT BẢN
NGƯỜI VIỆT, 2014**



Ảnh: LÊ VĂN HƯNG

tiếp theo trang 47

LỜI TỰA GỬI NGƯỜI YÊU VÀ TIN

của nền giáo dục. Để có thể chạm đến cội nguồn của vấn đề này một cách sâu sắc, có lẽ tác giả không chỉ là một nhà văn có tài, mà còn phải là một người trực tiếp làm việc trong lĩnh vực giáo dục, có lương tâm chực mãnh liệt trong việc cải cách giáo dục, có óc quan sát và phân tích hết sức tinh tế, có khả năng đưa ra những nhận định sắc bén, và có lòng dũng cảm.

Cuốn tiểu thuyết Gửi người yêu và tin chúng tôi rằng tác giả có tất cả những điều kiện và

phẩm chất đó. Qua những bức thư trong cuốn sách này, Từ Huy đưa độc giả đi vào nội tâm của một con người để nhìn thấy những nguyên nhân, những tác động và những áp lực nào từ bên thân và ngoại giới đã làm cho một nhà giáo dần dần biến đổi từ lúc còn là sinh viên mới ra trường với tâm hồn trong sạch và đẹp đẽ cho đến lúc trở thành kẻ thỏa hiệp với một guồng máy phi nhân, rồi biến thành một nhà lãnh đạo ích kỷ, tham lam, vô cảm, vô liêm sỉ, vô lương tâm, chỉ biết thăng tiến bằng sự luồn lách, dối

trá và quỷ quyệt. Đó là một sự biến đổi ngoài sức tưởng tượng của người yêu của hắn, hay của bất cứ ai sinh ra và lớn lên trong một đất nước khác, nơi cuộc sống có công lý, có tự do và có một nền giáo dục nhân bản.

Từ Huy đã viết cuốn tiểu thuyết Gửi người yêu và tin với một ngòi bút tinh táo và sắc bén của một nhà phân tích tâm lý và một nhà phê phán xã hội và, dưới ngòi bút ấy, nhấm vật chính trong tác phẩm — một nhân vật hư cấu nhưng đích thực là điển hình của loại người đang làm mục ruỗng xã hội và đạo đức ở Việt Nam hiện nay — tự phơi bày bản chất qua nhiều chặng biến đổi khác nhau từ trang sách đầu tiên cho đến trang sách cuối cùng.

Tác giả đã để cho nhân vật ấy biến đổi một lần cuối, từ sau cái chết của cô tình nhân ngoại quốc — “người

yêu và tin” — của hắn. Trong những bức thư cuối cùng (mà hắn tiếp tục viết và gửi cho nàng, dù nàng đã chết), hắn bắt đầu tự phản tỉnh. Đó là lúc tác giả dùng ngòi bút phân tích và phê phán của mình lại, và đưa vào trang viết một thoáng hy vọng. Chính tác giả thú nhận đó là “một hy vọng nhuộm màu tuyệt vọng”, nghĩa là tác giả hy vọng rằng những con người như thế vẫn còn có thể thay đổi để trở lại với thiện tâm. Đó là một niềm hy vọng vô cùng mong manh, một niềm hy vọng gần như bất khả, xuất phát từ ý thức nhấm bản sâu sắc của tác giả. Và chắc hẳn đã có độc giả, những con người đầy thiện tâm, cũng muốn có một chút hy vọng như thế, mặc dù ngay sau chút hy vọng mong manh ấy, tác giả cũng đánh phách trao cho nhân vật ấy cái quyền tự tử.

Đọc xong Gửi người yêu và tin của Từ Huy,

tôi chợt có thêm một thoáng hy vọng nữa, một thoáng hy vọng cũng vô cùng mong manh, rằng tác phẩm này sẽ có cơ hội được đọc bởi chính những con người mà nó phản ánh, và biết đâu có một giây phút tự phản tỉnh sẽ xảy ra trong lòng những con người ấy.

**HOÀNG
NGỌC-TUẤN**
Sydney, 3/2014

(*) Trong tiểu luận “Thư của các nhà văn”, Nguyễn Hưng Quốc viết “Thư, với tư cách một thủ pháp nghệ thuật và một hình thức tự sự, cũng đã được sử dụng; không nhiều, nhưng có, từ Nhất Linh, trong truyện ngắn ‘Mười năm qua’ đến Tôán Phong trong cuốn Đồi phi công (1960) và một số nhà văn khác, trong đó có Vô Phiến với những ‘Thư nhớ’ (1962), ‘Thư gửi bạn’ (1976) và ‘Lời thư gửi bạn’ (1979), v.v...”
www.tienue.org/home/literature/viewLiterature.do?action=viewArtwork&artworkId=5713